

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ
PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ**

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện : Lê Thị Mỹ Linh
Lớp : 22KH2
MSSV : 2254010067
Khóa học : 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ
PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ**

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Thượng Bích La
Sinh viên thực hiện : Lê Thị Mỹ Linh
Lớp : 22KH2
MSSV : 2254010067
Khóa học : 2022-2026

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Lê Thị Mỹ Linh
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Đề tài: Kế Toán Tập Hợp Chi Phí Và Tính Giá Thành Sản Phẩm Xây Lắp Tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và Tính giá thành công trình xây dựng tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Chương 3: Đánh giá chung một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp Tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

3. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

4. Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Thượng Bích La

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	0
LỜI MỞ ĐẦU	0
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	1
1.1 Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp	1
1.1.1 Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp ..	1
1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất	1
1.1.1.2 Phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp	1
1.1.2 Khái niệm, phân loại giá thành sản phẩm	4
1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp	4
1.1.2.2 Phân loại giá thành trong xây lắp	4
1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong xây lắp.....	5
1.2. Nhiệm vụ, vai trò kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	6
1.3. Đặc điểm hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	6
1.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất	7
1.4.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất	7
1.4.2 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và phân bổ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp	8
1.4.3 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong xây lắp	9

1.4.3.1	Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	9
1.4.3.2.	Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp	11
1.4.3.3.	Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công.....	13
1.5.3.4.	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.....	15
1.5	Kế toán giá thành sản phẩm.....	17
1.5.1	Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ	17
1.5.2.	Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp	19
1.5.3	Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	20
CHƯƠNG 2:THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ		
		23
2.1	Tổng quan về Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	23
2.1.1	Khái quát chung về Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	23
2.1.2	Lịch sử hình thành công ty và một số công trình tiêu biểu	23
2.1.3	Lĩnh vực kinh doanh, mục đích phát triển công ty	24
2.1.4	Tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	26
2.1.5	Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	27
2.1.6	Hình thức kế toán áp dụng tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	28
2.1.7.	Các phân hành kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	31

2.1.8 Các chính sách áp dụng tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	31
2.2 Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	32
2.2.1 Tổng quan hoạt động xây dựng tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	32
2.2.2 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	34
2.2.3 Nội dung kế toán chi phí sản xuất Tại Công Ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	35
2.2.3.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	36
2.2.3.2 Chi phí nhân công trực tiếp.....	50
2.2.3.3 Chi phí máy thi công	55
2.2.3.4 Chi phí sản xuất chung	59
2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	63
2.2.4.1 Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ	63
2.2.4.2 Tổng hợp chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	63
2.2.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	64
2.2.4.4 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ.....	64
CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CHUNG MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN	

PHẨM XÂY LẬP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ	69
3.1. Nhận xét chung tổ chức công tác kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	73
3.2. Hoàn thiện về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	76
3.2.1. Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất	76
3.2.2. Về kế toán giá thành sản phẩm	80
3.2.3. Về bộ máy kế toán	81
3.2.4. Về hệ thống chứng từ kế toán.....	82
3.2.5. Về hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán	83
KẾT LUẬN	0
TÀI LIỆU THAM KHẢO	0

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Sổ Chi tiết tài khoản 1541.....	44
Bảng 2.2: Sổ nhật ký chung.....	46
Bảng 2.3: Sổ cái TK 154.....	49
Bảng 2.4: Sổ Chi tiết tài khoản TK 1542.....	54
Bảng 2.5: Sổ chi tiết TK 1543	58
Bảng 2.6: Sổ Chi tiết TK 1544	62
Bảng 2.7: Bảng tổng hợp chi phí giá thành sản xuất kinh doanh.....	68
Bảng 2.8: Sổ chi tiết công trình 154	68

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. 1 Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp	11
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp	12
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp tổ chức kế toán riêng cho đội thi công	14
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp không tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công cho đội thi công	15
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung	17
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	26
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	27
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	28
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	29
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình sản xuất.....	33

DANH MỤC HÌNH ẢNH

hình 2.0 Một số ngành nghề kinh doanh tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ	24
Hình 2.1: Giao diện chính của phần mềm trí việt	29
Hình ảnh 2.2: Hóa đơn GTGT số14.....	38
Hình ảnh 2.3: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 204	39
Hình ảnh 2.4: Giao diện Nhập chứng từ Hóa đơn GTGT số14	40
Hình 2.5: hóa đơn GTGT số 204	41
Hình ảnh 2.6: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 204	42
Hình ảnh 2.7 : Xuất dữ liệu sổ chi tiết tài khoản 1541.....	43
Hình ảnh 2.8 : Xuất dữ liệu sổ chi tiết tài khoản 1541.....	43
Hình ảnh 2.9 :Xuất dữ liệu sổ chi tiết tài khoản 1541.....	44
Hình ảnh 2.10: Xuất dữ liệu sổ nhật ký chung	45
Hình ảnh 2.11 :Xuất dữ liệu sổ nhật ký chung	45
Hình ảnh 2.12:Xuất dữ liệu sổ cái TK154	47
Hình ảnh 2.13: Xuất dữ liệu sổ cái TK154	48
Hình ảnh 2.14: Xuất dữ liệu sổ cái TK154	48
Hình 2.15: Hóa đơn GTGT 04.....	52
Hình ảnh 2.16: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 04.....	53
Hình ảnh 2.17: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 04.....	54
Hình ảnh 2.19. Hóa đơn GTGT số 645	56
Hình ảnh 2.20: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 645	57
Hình ảnh 2.21: Giao diện nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 645.....	58
Hình ảnh 2.22: Hóa đơn GTGT 162	60
Hình ảnh 2.23: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 162.....	61
Hình ảnh 2.24: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 162.....	62
Hình ảnh 2.26: Giao diện nhập mã vụ việc công trình	66
Hình ảnh 2.27: Giao diện nhập mã vụ việc công trình	66
Hình ảnh 2.28: Xuất dữ liệu và tính giá thành	67
Hình ảnh 2.29: Xuất dữ liệu và tính giá thành	67

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BTC	Bộ tài chính
TT	Thông tư
BHXX	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CT	Công trình
CPDD	Chi phí dở dang
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
DN	Doanh nghiệp
DT	Dự toán
DDDK	Dở dang đầu kỳ
DDCK	Dở dang cuối kỳ
GĐ	Giai đoạn
GTGT	Giá trị gia tăng
NCTT	Nhân công trực tiếp
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
MTC	Máy thi công
KH	Khấu hao

KL XL	Khối lượng xây lắp
KL DD	Khối lượng dỡ dăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
XL	Xây lắp

LỜI CẢM ƠN

Đợt thực tập cuối khóa có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với em cùng các bạn sinh viên cùng khóa. Đây là bước đệm giúp chúng em làm quen với một môi trường hoàn toàn mới và cũng đầy khó khăn, thử thách – môi trường làm việc thực tế sau khi ra trường. Thời gian thực tập vừa kết thúc, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến các thầy cô bộ môn Kế toán, đặc biệt là cô TS. Trần Thượng Bích La đã trực tiếp hướng dẫn em trong quá trình thực hiện bài khóa luận tốt nghiệp này. Sự tận tâm, chu đáo trong quá trình hướng dẫn, chỉ bảo của cô là nhân tố quan trọng giúp em hoàn thành bài khóa luận một cách tốt nhất. Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô!

Tuy thời gian thực tập không dài nhưng đây là khoảng thời gian quý báu để em được thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ, qua đó học hỏi thêm nhiều kiến thức thực tế liên quan đến ngành học.

Em cũng xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo cùng các anh chị trong phòng kế toán của công ty đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để em có thể vận dụng lý luận vào thực tiễn, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân. Đây sẽ là nền tảng vững chắc cho công việc và định hướng nghề nghiệp của em trong tương lai.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng để hoàn thành bài khóa luận một cách tốt nhất, song do bước đầu tiếp cận thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, cùng với hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm, bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình và bạn bè đã luôn bên cạnh, động viên và hỗ trợ em trong suốt quá trình học tập cũng như trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Nhờ có sự ủng hộ đó, em mới có thể hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Lê Thị Mỹ Linh

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay đang từng bước phát triển và hội nhập, các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông nói riêng ngày càng chịu nhiều áp lực trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Để duy trì hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp cần chú trọng đến công tác quản lý tài chính, đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Trong hệ thống kế toán doanh nghiệp, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò quan trọng, phản ánh mức độ hao phí các nguồn lực trong quá trình thi công và là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán. Đối với doanh nghiệp xây dựng, chi phí sản xuất phát sinh chủ yếu gắn liền với từng công trình, hạng mục công trình. Do đó, việc tập hợp chi phí và tính giá thành một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và phục vụ công tác quản lý.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ, em đã có cơ hội tiếp cận và tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại đơn vị, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Trên cơ sở những kiến thức đã được học tại nhà trường kết hợp với thực tiễn tại doanh nghiệp, em lựa chọn đề tài: “Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ” làm khóa luận tốt nghiệp.

Thông qua khóa luận này, em nhằm mục đích hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp; đồng thời phản ánh thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành tại công ty, từ đó đưa ra một số nhận xét và đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại đơn vị.

Nội dung đề tài bao gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và Tính giá thành công trình xây dựng tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Chương 3: Đánh giá chung một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp Tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

(Công ty có quy mô nhỏ và vừa nên áp dụng theo Thông tư 133/2016/TT - BTC, nên trong phần cơ sở lý luận chương 1 này bài luận sẽ trình bày các nội dung với TT 133/2016/TT - BTC)

1.1 Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1 Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình thi công, xây lắp nhằm tạo ra sản phẩm xây dựng trong một kỳ nhất định. Các khoản chi phí này bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình thi công công trình.

Do đặc thù của ngành xây dựng, chi phí sản xuất thường gắn liền với từng công trình, hạng mục công trình cụ thể, có quy mô lớn, thời gian thi công kéo dài và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi điều kiện tự nhiên, địa điểm thi công cũng như yêu cầu kỹ thuật của từng công trình. Việc xác định đúng và quản lý chặt chẽ chi phí có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát giá thành, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp xây dựng.

1.1.1.2 Phân loại chi phí trong doanh nghiệp xây lắp

a. Phân loại chi phí theo nội dung kinh tế

- Chi phí nhân công trực tiếp trong doanh nghiệp xây lắp là: các khoản chi phí bao gồm tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp mang tính chất lương phải trả cho công nhân trực tiếp tham gia thi công xây lắp công trình. Khoản mục này không bao gồm các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), kinh phí công đoàn (KPCĐ) tính trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất, cũng như không bao gồm tiền lương của nhân viên quản lý đội và nhân viên điều khiển máy thi công.

- Chi phí nguyên vật liệu : Yếu tố chi phí nguyên vật liệu bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí thu mua của các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, thiết bị xây dựng cơ bản... được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp trong quá trình thi công xây lắp công trình.

- Chi phí công cụ, dụng cụ: Yếu tố chi phí công cụ, dụng cụ bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí thu mua của các loại công cụ, dụng cụ được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp trong quá trình thi công xây lắp công trình.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: yếu tố này bao gồm toàn bộ giá trị khấu hao của các tài sản cố định và tài sản dài hạn được phân bổ trong kỳ, phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho quá trình thi công xây lắp công trình.

- Chi phí dịch vụ thuê ngoài : yếu tố bao gồm toàn bộ giá trị các dịch vụ do các tổ chức, cá nhân bên ngoài cung cấp, phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho quá trình thi công xây lắp công trình của doanh nghiệp, như chi phí điện, nước, bảo hiểm, vận chuyển, sửa chữa và các dịch vụ khác có liên quan.

- Chi phí khác bằng tiền : yếu tố này bao gồm tất cả các khoản chi phí phát sinh bằng tiền ngoài chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí dịch vụ mua ngoài, nhằm phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp công trình của doanh nghiệp.

b. Phân loại theo công dụng kinh tế

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Khoản mục chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho thi công xây lắp như vật liệu xây dựng, vật liệu khác, nhiên liệu, vật kết cấu...

- Chi phí nhân công trực tiếp: Khoản mục chi phí này bao gồm tiền lương của công nhân trực tiếp tham gia công tác thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

- Chi phí sử dụng máy thi công: Là toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc vận hành và sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho quá trình thi công xây lắp công trình. Khoản mục này bao gồm: chi phí khấu hao máy thi công; chi phí sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên; tiền lương phải trả cho nhân viên điều khiển và phục vụ máy thi công; chi phí nhiên liệu, động lực sử dụng cho máy; cùng các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng máy thi công như chi phí di chuyển, lắp đặt, tháo dỡ máy. Tuy nhiên, chi phí sử dụng máy thi công không bao gồm các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế

(BHYT), kinh phí công đoàn (KPCĐ) tính trên tiền lương của nhân viên điều khiển máy thi công.

- Chi phí sản xuất chung: Gồm những chi phí phát sinh tại công trường để phục vụ và quản lý hoạt động thi công nhưng không trực tiếp cấu thành nên sản phẩm xây lắp, như chi phí quản lý đội thi công, chi phí dụng cụ, điện nước, khấu hao tài sản và các chi phí phục vụ khác.

c. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động

Theo tiêu thức này, chi phí trong kỳ bao gồm biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

- Biến phí là các khoản chi phí thay đổi về tổng số tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động thi công hoặc khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ. Khi khối lượng công việc tăng hoặc giảm thì tổng biến phí cũng tăng hoặc giảm tương ứng. Các khoản chi phí này thường bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và một số chi phí khác phát sinh gắn liền với quá trình thi công xây lắp.

- Định phí là các khoản chi phí không thay đổi về tổng số khi có sự biến động của khối lượng thi công hoặc khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành trong một phạm vi hoạt động nhất định. Tuy tổng định phí không thay đổi, nhưng tính trên một đơn vị sản phẩm xây lắp thì định phí sẽ biến động tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Các khoản chi phí này thường bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền lương bộ phận quản lý, chi phí thuê tài sản cố định và một số chi phí quản lý khác.

- Chi phí hỗn hợp là những khoản chi phí bao gồm cả yếu tố biến phí và định phí, do đó vừa có phần chi phí không thay đổi, vừa có phần chi phí thay đổi theo mức độ hoạt động thi công. Khi khối lượng xây lắp thay đổi, tổng chi phí hỗn hợp cũng thay đổi nhưng không tỷ lệ thuận hoàn toàn với mức độ hoạt động. Ví dụ, chi phí điện, nước sử dụng tại công trường thường bao gồm phần chi phí cố định phải trả định kỳ và phần chi phí biến đổi phụ thuộc vào mức độ sử dụng thực tế.

1.1.2 Khái niệm, phân loại giá thành sản phẩm

1.1.2.1 Khái niệm giá thành sản phẩm xây lắp

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ các chi phí bằng tiền để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc giao lại công việc có thiết kế và dự toán riêng, có thể là công trình hay là hạng mục công trình. Giá thành công trình hay hạng mục công trình là giá thành cuối cùng của sản phẩm xây lắp.

1.1.2.2 Phân loại giá thành trong xây lắp

a. Phân loại theo thời điểm và nguồn số liệu tính giá thành

- Giá thành dự toán công tác xây lắp : Là toàn bộ các chi phí để hoàn thành khối lượng công tác xây lắp. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở các định mức, quy định của nhà nước và khung giá áp dụng cho từng vùng lãnh thổ

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán - Lợi nhuận định mức

Lãi định mức là số % trên giá thành xây lắp do nhà nước quy định đối với từng loại hình xây lắp, từng sản phẩm xây lắp cụ thể.

- Giá thành kế hoạch: Là giá thành được xác định từ những điều kiện và đặc điểm cụ thể của một doanh nghiệp xây lắp trong một thời kỳ kế hoạch nhất định. Giá thành kế hoạch là một chỉ tiêu để doanh nghiệp xây lắp tự phấn đấu để thực hiện mức lợi nhuận do hạ giá thành trong kỳ kế hoạch.

Giá		Giá		Lãi do		Chênh
Thành kế	=	thành	-	hạ giá	±	lệch dự
hoạch		dự toán		thành		toán

- Giá thành thực tế: Là toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh để thực hiện hoàn thành quá trình thi công do kế toán tập hợp được. Giá thành thực tế biểu hiện chất lượng, hiệu quả về kết quả của hoạt động doanh nghiệp xây lắp.

- Muốn đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất thi công của công tác xây lắp đòi hỏi chúng ta phải so sánh các loại giá thành trên với nhau. Về so sánh các loại giá thành này phải đảm bảo sự thống nhất về thời điểm và dựa trên cùng đối

tượng tính giá thành. Mục đích cuối cùng của doanh nghiệp là lợi nhuận để đạt được mục đích đó thì các doanh nghiệp xây lắp luôn phải đảm bảo :

$$\text{Giá thành dự toán} \geq \text{Giá thành kế hoạch} \geq \text{Giá thành thực tế}$$

b. Phân loại theo phạm vi tính giá thành

- Giá thành sản xuất (giá thành công trình xây lắp): Phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình thi công xây lắp trong phạm vi công trình, hạng mục công trình hoặc đội thi công, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.

- Giá thành toàn bộ (giá thành tiêu thụ hay giá thành đầy đủ trong xây lắp): Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc thi công và hoàn thành bàn giao công trình, hạng mục công trình cho chủ đầu tư. Giá thành toàn bộ bao gồm giá thành sản xuất xây lắp và các chi phí ngoài sản xuất như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho công trình.

Giá thành toàn bộ công trình	=	Giá thành sản xuất xây lắp tính cho công trình	+	Chi phí ngoài sản xuất tính cho công trình
-------------------------------------	----------	---	----------	---

1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong xây lắp

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình sản xuất ra sản phẩm, là hai giai đoạn liên hoàn kế tiếp nhau của một quá trình, chúng đều bao hàm các chi phí lao động và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất sản phẩm nhưng lại khác nhau về thời kỳ, phạm vi và giới hạn, cụ thể:

- CPSX luôn gắn với mọi thời kỳ nhất định, còn GTSP luôn gắn liền với một loại sản phẩm (công trình, hạng mục công trình)
- CPSX bao gồm những chi phí phát sinh trong kỳ này, còn GTSP chứa đựng mối quan hệ giữa chi phí (sản xuất dở dang đầu kỳ).
- Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện bằng công thức

$$\text{Giá thành sản phẩm} = \text{CP XLDD đầu kỳ} + \text{CPXL phát sinh trong kỳ} - \text{CPXLDD cuối kỳ} - \text{Điều chỉnh giảm GT}$$

1.2. Nhiệm vụ, vai trò kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng. Trước yêu cầu đó, nhiệm vụ chủ yếu đặt ra cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là:

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh: Kế toán phải ghi nhận chính xác, đầy đủ các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, đồng thời tính toán hợp lý giá thành các công trình, hạng mục công trình và các sản phẩm hoàn thành công trình của doanh nghiệp.

- Kiểm tra tình hình thực hiện định mức chi phí: Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các định mức chi phí, phát hiện kịp thời các khoản thiệt hại, mất mát, hư hỏng trong quá trình sản xuất để đề xuất các biện pháp ngăn chặn và xử lý phù hợp.

- Xác định đúng đắn khối lượng công trình hoàn thành để bàn giao, thanh toán kịp thời. Kế toán cần phối hợp với các bộ phận liên quan xác định chính xác khối lượng công việc đã hoàn thành, đảm bảo việc nghiệm thu, bàn giao và thanh toán được thực hiện đúng tiến độ.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giá thành: Theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp theo từng công trình, hạng mục công trình và từng sản phẩm, lao vụ. Từ đó, phân tích, tìm ra các khả năng tiết kiệm chi phí và đề xuất các biện pháp hạ giá thành một cách hợp lý, hiệu quả.

1.3. Đặc điểm hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

So với các ngành sản xuất khác, ngành xây dựng có những đặc điểm kinh tế kỹ thuật riêng biệt, thể hiện rõ qua sản phẩm xây dựng và quá trình tạo ra sản phẩm. Những đặc điểm này ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức công tác kế toán

nói chung, cũng như hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng, cụ thể như sau:

- Sản phẩm xây dựng mang tính chất đơn chiếc, riêng lẻ: Mỗi đối tượng xây dựng là một công trình hoặc hạng mục công trình, có yêu cầu riêng về kỹ thuật, kết cấu, hình thức và địa điểm xây dựng. Vì vậy, kế toán phải tổ chức theo dõi, quản lý chi phí và thi công phù hợp với từng công trình cụ thể.

- Sản phẩm xây dựng có khối lượng lớn, giá trị cao: Do đó, việc tổ chức quản lý và hạch toán phải dựa trên dự toán. Trong quá trình thi công, doanh nghiệp cần thường xuyên so sánh chi phí thực tế với dự toán, lấy dự toán làm thước đo kiểm soát chi phí. Thời gian thi công thường kéo dài nên kỳ tính giá thành được xác định khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành, hoặc theo các giai đoạn bàn giao, thanh toán.

- Thời gian sử dụng sản phẩm xây dựng dài: Các công trình xây dựng thường có thời gian sử dụng lâu dài, vì vậy những sai sót trong quá trình thi công sẽ khó khắc phục, thậm chí phải phá đi làm lại gây tổn kém chi phí. Do đó, trong quá trình thi công cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.

- Sản phẩm xây dựng được thực hiện tại chỗ, địa điểm thi công không cố định: Địa điểm xây dựng thay đổi theo từng công trình, dẫn đến phát sinh các chi phí như chi phí di chuyển, điều động nhân công, máy móc thi công. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thể phát sinh chi phí thuê lao động tại địa phương.

- Hoạt động xây dựng chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên: Quá trình thi công thường diễn ra ngoài trời, chịu tác động trực tiếp của thời tiết, khí hậu nên mang tính thời vụ rõ rệt. Điều này ảnh hưởng đến tiến độ thi công cũng như việc tập hợp chi phí sản xuất.

1.4 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

1.4.1 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây dựng là phạm vi, giới hạn mà tại đó các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp nhằm phục vụ cho việc kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm. Tùy theo đặc điểm tổ chức thi công và yêu cầu quản lý, đối tượng tập hợp chi phí có thể được xác định theo các tiêu thức sau:

- Theo công trình: Chi phí sản xuất được tập hợp cho toàn bộ công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành bàn giao. Cách xác định này thường áp dụng đối với những công trình có quy mô nhỏ, thời gian thi công ngắn hoặc mang tính độc lập.

- Theo hạng mục công trình: Chi phí được tập hợp riêng cho từng hạng mục trong cùng một công trình (như phần móng, phần thân, phần hoàn thiện...). Phương pháp này giúp phản ánh chi tiết chi phí cho từng bộ phận, thuận tiện cho việc quản lý và đánh giá hiệu quả từng hạng mục.

- Theo giai đoạn thi công: Chi phí sản xuất được tập hợp theo từng giai đoạn hoặc khối lượng công việc hoàn thành của công trình. Cách này thường áp dụng đối với các công trình có thời gian thi công dài, được nghiệm thu và thanh toán theo từng giai đoạn, giúp doanh nghiệp theo dõi chi phí và xác định kết quả kinh doanh kịp thời.

Việc xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có ý nghĩa quan trọng trong công tác kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chi phí và đảm bảo tính chính xác của việc tính giá thành sản phẩm xây lắp.

1.4.2 Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và phân bổ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp thực hiện theo 2 phương pháp chủ yếu :

- Phương pháp ghi trực tiếp : là chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí. Những chi phí này được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp.

- Phương pháp phân bổ gián tiếp : là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, kế toán không thể tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình mà phải tập hợp riêng sau đó phân bổ cho từng đối tượng theo các tiêu chuẩn phân bổ.

Do mỗi loại chi phí có tác dụng khác nhau đối với mỗi loại công trình, hạng mục công trình nên việc phân loại rõ chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp có ý nghĩa thực tiễn cho việc đánh giá hợp lý chi phí và tìm biện pháp không ngừng giảm chi phí gián tiếp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Việc tính phân bổ gồm hai công thức sau :

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí đã tập cần hợp phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức cần phân bổ}}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí phân} & & \text{Hệ số} \\ \text{bổ cho đối} & = & \text{phân bổ} \\ \text{tượng (n)} & & \end{array} \quad \times \quad \begin{array}{c} \text{Tiêu thức} \\ \text{phân bổ của} \\ \text{đối tượng(n)} \end{array}$$

1.4.3 Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong xây lắp

1.4.3.1 Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a. Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các chi phí về nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp hoặc sử dụng cho sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp xây lắp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm tất cả chi phí vật liệu trực tiếp sử dụng cho thi công xây lắp, vật liệu phụ, vật liệu kết cấu, giá trị vật liệu đi kèm chi phí sơn mạ, bảo quản các thiết bị này.

Việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần tuân thủ các nguyên tắc sau :

- Chi phí nguyên, vật liệu có liên quan đến công trình hạng mục công trình nào thì tổ chức tập hợp theo phương pháp trực tiếp cho công trình, hạng mục, công trình đó theo giá trị thực tế.

- Chi phí nguyên, vật liệu có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí thì phải phân bổ cho từng đối tượng theo tiêu thức hợp lý như số lần sử dụng, khối lượng xây lắp hoàn thành...

- Khi công trình hạng mục công trình đã hoàn thành, phải tiến hành kiểm kê số nguyên, vật liệu chưa sử dụng hết ở các công trường, bộ phận sản xuất để tính số thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi thực tế sử dụng cho công trình, đồng thời hạch toán đúng đắn số phế liệu thu hồi được (nếu có) theo từng đối tượng công trình.

b. Tài khoản sử dụng:

Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 154

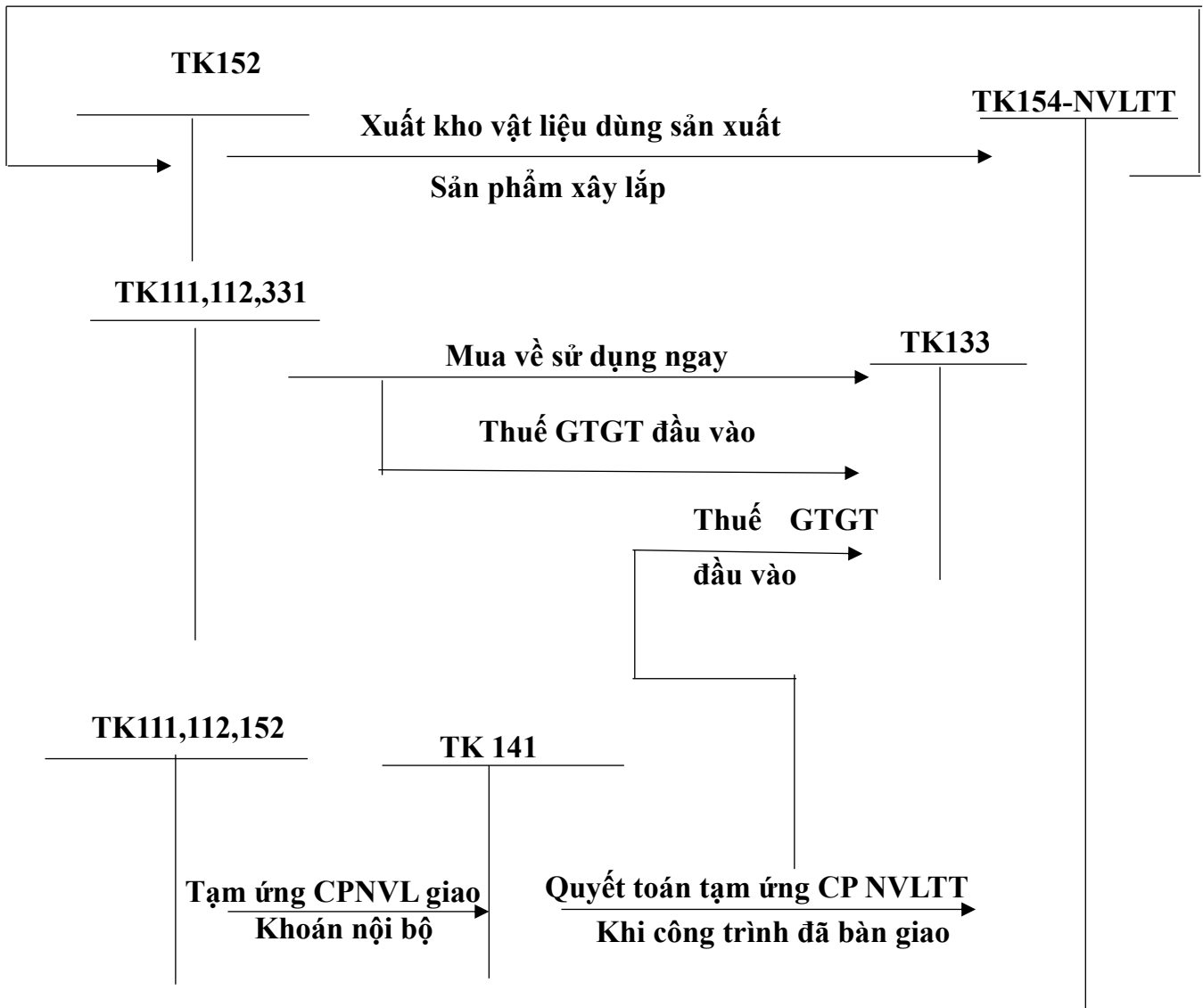
Nợ	TK 154 - Chi phí NVL trực tiếp	Có
- Tập hợp CPNVL trực tiếp phát sinh trong kỳ		- Các khoản ghi giảm CPNVLTT
		- Kết chuyển chi phí NVLTT để tính giá thành sản phẩm

C. Chứng từ sử dụng:

Bao gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng; Phiếu xuất kho, và các chứng từ khác liên quan

d. Phương pháp hạch toán

Xuất kho vật liệu dùng không hết nhập kho



Sơ đồ 1. 1 Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp

1.4.3.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

a. Nội dung chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là các chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ lao động trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất xây lắp, bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài theo từng công việc.

Một đặc điểm quan trọng kế toán chi phí nhân công trực tiếp của doanh nghiệp xây lắp khác với các loại hình doanh nghiệp khác sẽ không bao gồm các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất xây lắp, lương bộ phận kho, cung cấp vật liệu, lương công nhân sản xuất, nhân viên quản lý, công nhân điều khiển sử dụng máy thi công, những người làm công tác bảo quản công trường.

b. Tài khoản sử dụng

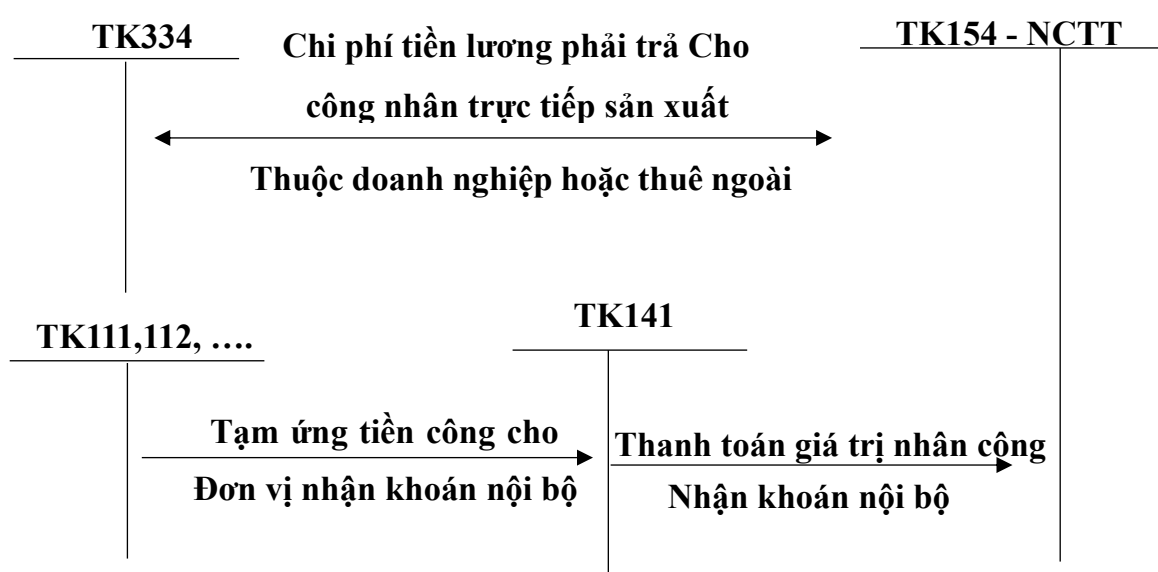
Để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp kế toán sử dụng tài khoản 154

Nợ	TK 154 - Chi phí nhân công trực tiếp	Có
- Chi phí nhân công trực tiếp tham gia vào sản xuất sản phẩm		- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

c. Chứng từ sử dụng:

Bao gồm: Bảng chấm công; Bảng thanh toán lương; Hợp đồng giao khoán và các chứng từ khác liên quan....

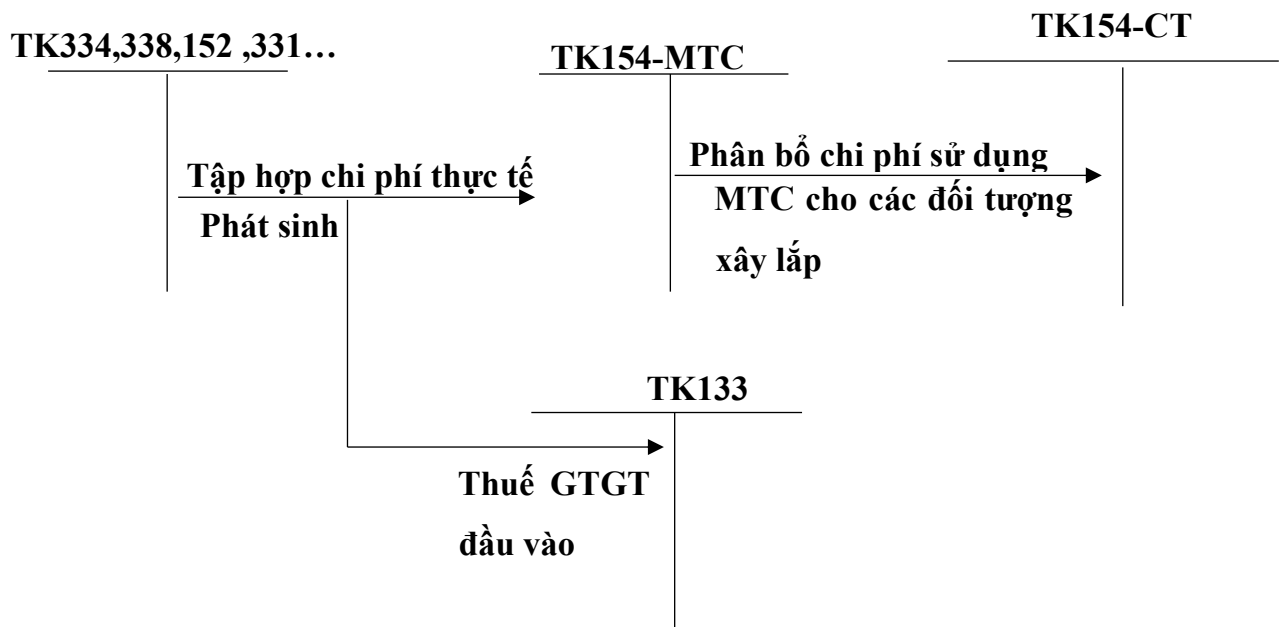
d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

d. Phương pháp hạch toán

- Trường hợp 1 Nếu doanh nghiệp tổ chức các đội máy thi công riêng biệt và có phân cấp hạch toán cho đội máy, đồng thời tổ chức kế toán riêng cho đội máy thì toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tập hợp riêng. Sau đó, chi phí này được phân bổ hoặc tính toán để xác định giá thành ca máy và phân bổ cho các công trình, hạng mục công trình có sử dụng máy thi công theo khối lượng hoặc thời gian sử dụng máy thực tế.

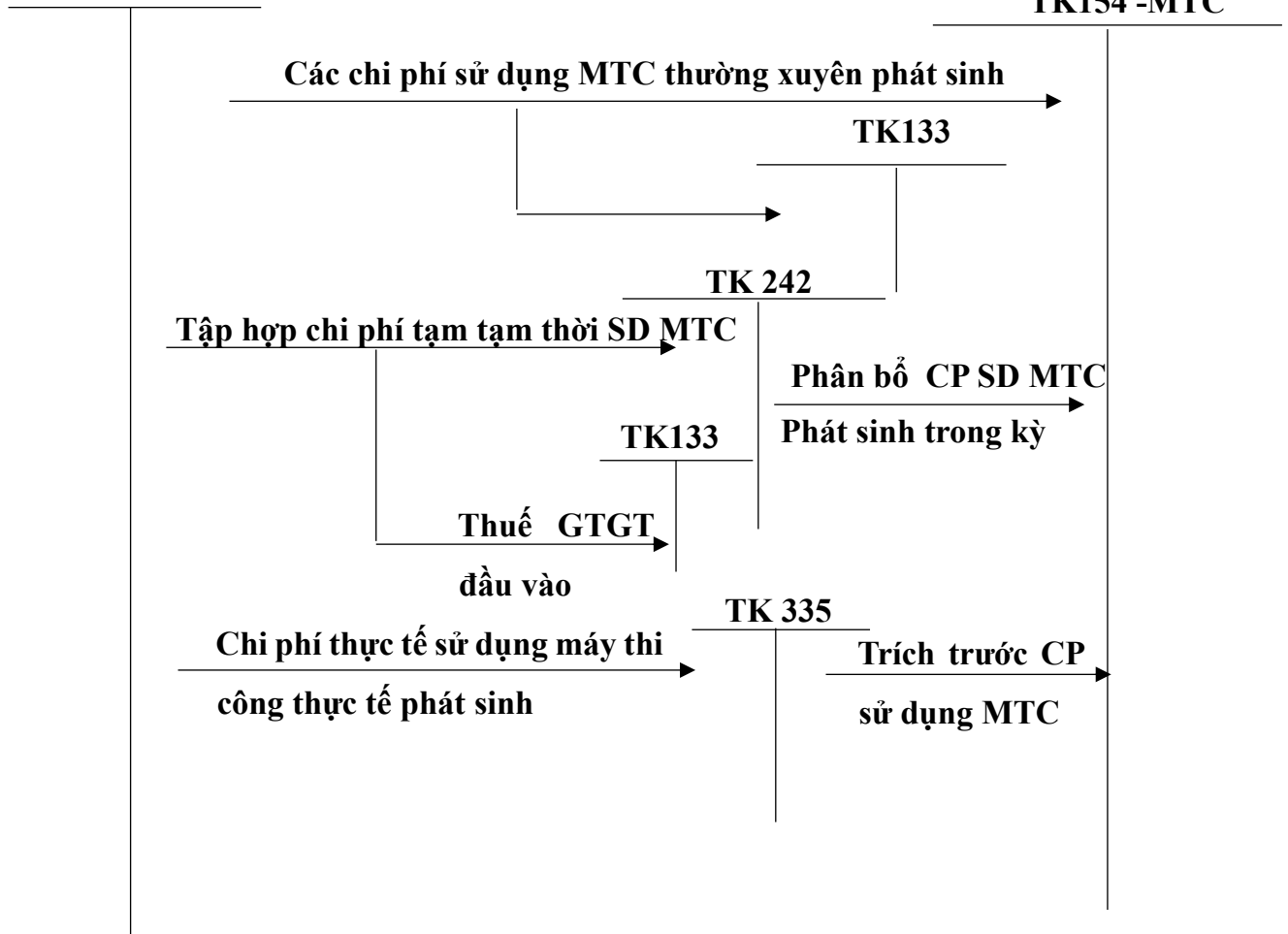


Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp tổ chức kế toán riêng cho đội thi công

- Trường hợp 2: Doanh nghiệp thuê ngoài máy thi công Căn cứ vào hóa đơn GTGT và chứng từ liên quan để ghi Nợ TK 154, 1331/Có các tk liên quan (tk 111,112,331...)
- Trường hợp 3: Nếu không tổ chức bộ máy thi công riêng biệt hoặc có tổ chức bộ máy thi công riêng nhưng không tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công

TK153,214,334

TK154 -MTC



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí máy thi công, trường hợp không tổ chức kế toán riêng cho đội máy thi công cho đội thi công

1.5.3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

a. Nội dung chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung trong xây lắp là các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến sản phẩm xây lắp ngoài các chi phí thuộc ba khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sử dụng máy thi công. Đây là các chi phí phục vụ cho việc tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động thi công, mang tính chất chung cho từng tổ, đội hoặc công trường thi công.

Chi phí sản xuất chung bao gồm: tiền lương và các khoản trích theo lương vào chi phí sản xuất như BHXH, BHYT, BHTN, KPCD của nhân viên quản lý đội thi công tại công trường; chi phí vật liệu dùng chung; chi phí công cụ, dụng cụ; chi

phí khấu hao tài sản cố định phục vụ chung cho thi công; chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, sửa chữa...); và các chi phí bằng tiền khác liên quan đến hoạt động thi công tại công trường.

b. Tài khoản sử dụng

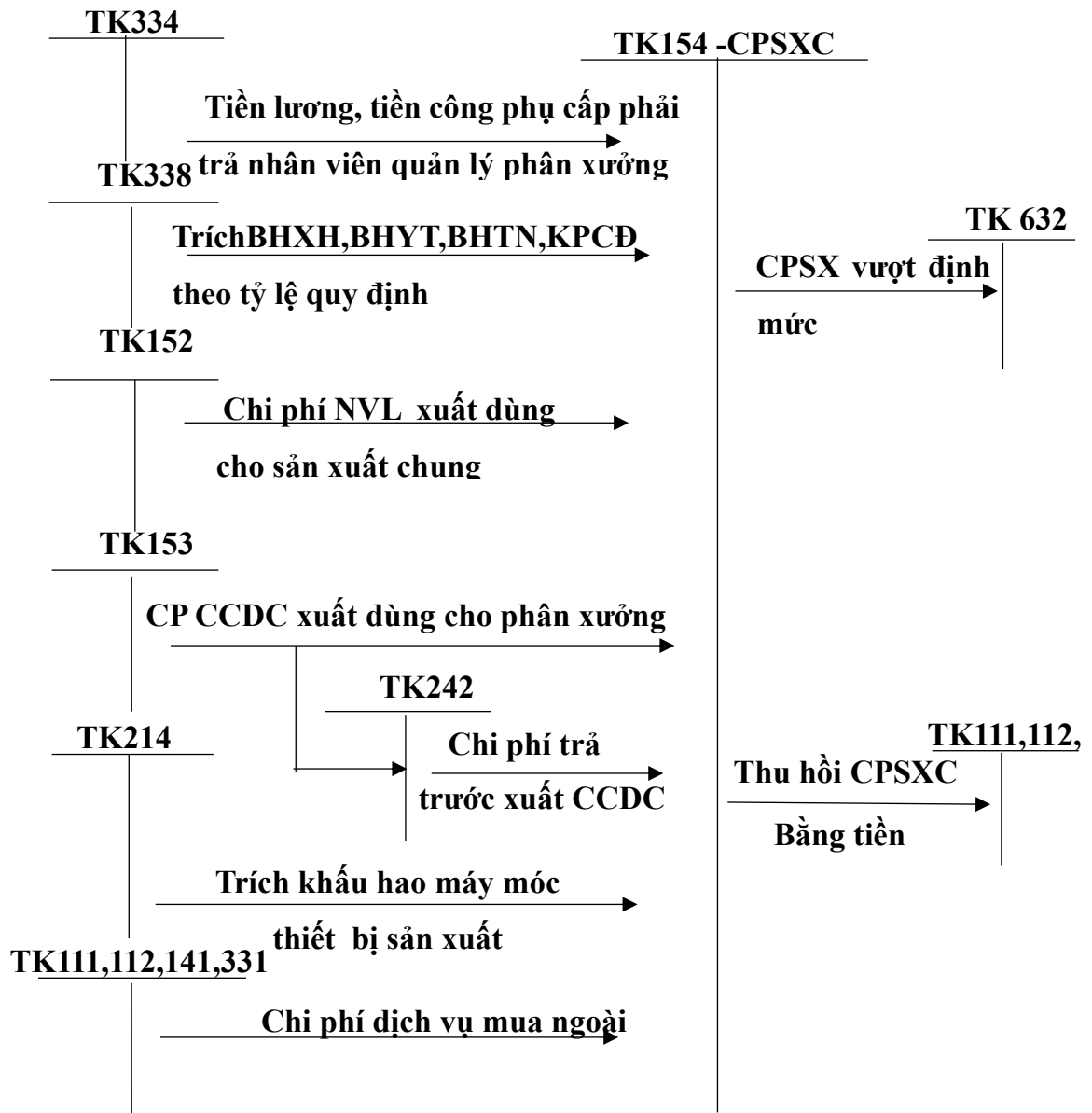
- Để tập hợp chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 154

Nợ	TK 154 - Chi phí sản xuất chung	Có
- Chi phí phục vụ sản xuất phát sinh chung cho các bộ phận, đội - Các khoản trích BHYT, BHTN, BHXH, KPCĐ tính trên lương của nhân viên trực tiếp, tham gia thực hiện hợp đồng nhân viên sử dụng máy thi công, nhân viên quản lý đội		- Kết chuyển chi phí sản xuất chung để tính giá thành sản phẩm - Chi phí sản xuất chung vượt định mức hạch toán vào TK 632

c. Chứng từ sử dụng :

Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT, bảng thanh toán lương, bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ, phiếu chi...

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất chung

1.5 Kế toán giá thành sản phẩm

1.5.1 Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Trường hợp bàn giao, thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ: Toàn bộ chi phí sản xuất thực tế phát sinh từ khi khởi công đến thời điểm xác định (cuối kỳ kế toán) được coi là chi phí sản xuất dở dang. Do công trình chưa hoàn thành nên chưa đủ điều kiện ghi nhận giá thành, vì vậy toàn bộ chi phí đã tập hợp chính là giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Trường hợp bàn giao theo từng giai đoạn hoàn thành: Sản phẩm dở dang cuối kỳ là các giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành hoặc chưa được nghiệm thu, bàn giao. Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được xác định là phần chi phí thực tế đã phát sinh nhưng thuộc về các giai đoạn chưa hoàn thành đó, sau khi đã loại trừ chi phí tương ứng với các giai đoạn đã hoàn thành và được nghiệm thu trong kỳ.

$$\text{Giá thành dự toán khối lượng dở dang cuối kỳ của từng giai đoạn} = \text{Giá thành dự toán của từng giai đoạn} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành của từng giai đoạn}$$

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí thực tế dở dang} = \frac{\text{CP SX thực tế dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá thành dự toán của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Tổng giá thành dự toán của khối lượng dở dang cuối kỳ của các giai đoạn}}$$

$$\text{CPSX thực tế dở dang cuối kỳ của từng giai đoạn} = \text{Giá thành dự toán khối lượng dở dang cuối kỳ của từng giai đoạn} \times \text{Hệ số phân bổ chi phí thực tế dở dang}$$

Trường hợp bàn giao thanh toán theo định kỳ khối lượng hoàn thành của từng loại công việc hoặc bộ phận kết cấu, xác định chi phí thực tế của khối lượng dở dang cuối kỳ như sau:

Giá thành dự

$$\text{Giá thành dự toán của từng khối lượng} = \text{Khối lượng dở dang} \times \text{Đơn giá dự toán} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành}$$

$$\text{CPSX thực tế của KLDD cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX thực tế dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX thực tế PS trong kỳ}}{\text{GTDT khối lượng hoàn thành bàn giao trong kỳ} + \text{Tổng GTDT dở dang cuối kỳ}} \times \text{GTDT của KLDD cuối kỳ}$$

1.5.2 Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

a. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

- Trường hợp thanh toán theo công trình hoặc hạng mục công trình: Đối tượng tính giá thành là công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành. Khi công trình hoàn tất và được nghiệm thu, toàn bộ chi phí đã tập hợp sẽ được tính vào giá thành của đối tượng đó.

- Trường hợp thanh toán theo từng giai đoạn hoàn thành: Đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành theo từng giai đoạn quy ước. Đây là các phần công việc đã hoàn thành theo thiết kế kỹ thuật, được nghiệm thu và thanh toán riêng, mặc dù toàn bộ công trình chưa kết thúc.

- Trường hợp thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng: Đối tượng tính giá thành là khối lượng xây lắp hoàn thành theo từng kỳ (tháng, quý) do doanh

nghiệp xác định, phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng. Giá thành được tính cho phần khối lượng đã hoàn thành và được chấp nhận thanh toán trong kỳ.

b.Kỳ tính giá thành sản phẩm

Do sản phẩm xây lắp được sản xuất theo từng đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, công trình, hạng mục công trình hoàn thành khi kết thúc một chu kỳ sản xuất sản phẩm, cho nên kỳ tính giá thành thường được chọn là thời điểm mà công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Hàng tháng, kế toán tiến hành tập hợp các chi phí sản xuất theo các đối tượng tính giá thành (đơn đặt hàng). Khi nhận được biên bản nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, mới sử dụng số liệu chi phí sản xuất theo các đối tượng từ khi bắt đầu thi công đến khi hoàn thành, để tính giá thành và giá thành đơn vị. Như vậy, kỳ tính giá thành có thể sẽ không phù hợp với chu kỳ sản xuất sản phẩm. Do đó, việc phản ánh và giám sát kiểm tra của kế toán đối với tình hình thực hiện kế hoạch chỉ thực hiện sự phát huy đầy đủ tác dụng khi chu kỳ sản xuất sản phẩm đã kết thúc.

1.5.3 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

Phương pháp tính giá thành là một hay một hệ thống các phương pháp được sử dụng để tính giá thành sản phẩm, khối lượng công tác xây lắp hoàn thành.

Tùy theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành và mối quan hệ giữa các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà kế toán lựa chọn sử dụng một hoặc kết hợp nhiều phương pháp để tính giá thành cho từng đối tượng

a.Phương pháp đơn giản (Phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này là phương pháp tính giá thành được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp hiện nay vì sản xuất thi công mang tính chất đơn chiếc, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành.

Theo phương pháp đơn giản thì tập hợp các chi phí sản xuất phát sinh trực tiếp cho một công trình hoặc hạng mục công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành chính là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó. Được thể hiện bằng công thức sau :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{GTSP xây} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí thi} & & \text{Chi phí} \\ \text{lắp hoàn} & = & \text{thi công} & + & \text{công xây} & - & \text{thi công} \\ \text{thành} & & \text{xây lắp} & & \text{lắp phát} & & \text{xây lắp} \\ & & \text{DDĐK} & & \text{sinh trong} & & \text{DDCK} \\ & & & & \text{kỳ} & & \end{array}$$

a. Phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng để tính giá thành sản phẩm xây lắp mà trên cùng một quy trình thi công xây lắp tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau. Đối tượng tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình thi công xây lắp, đối tượng tính giá thành là từng hạng mục, chi tiết. Được thể hiện bằng công thức sau :

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tính} \\ \text{giá thành} \end{array} = \frac{\text{Tổng CPSX thực tế}}{\text{Tổng CPSX kế hoạch các hạng mục công trình}} \times 100\%$$

$$\begin{array}{l} \text{GTSX thực} \\ \text{tế hạng mục} \\ \text{công trình} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CPSX kế hoạch} \\ \text{hạng mục tương} \\ \text{ứng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ tính giá} \\ \text{thành} \end{array}$$

b. Phương pháp hệ số

Phương pháp này chỉ khác với phương pháp tỷ lệ là các hạng mục hoàn thành được xác lập các hệ số quy đổi. Như vậy, sau khi tính giá thành thực tế của công trình, xác định giá thành hạng mục công trình chuẩn và sau đó xác định giá thành từng hạng mục công trình theo hệ số quy đổi.

$$\text{Giá thành thực tế} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế}}{\text{Tổng giá thành dự toán quy đổi}} \times \text{Giá thành dự toán quy đổi}$$

$$\Rightarrow \text{Giá thành dự toán quy đổi} = \text{Giá thành dự toán} \times \text{Hệ số quy đổi}$$

c. Phương pháp tổng cộng chi phí :

Thực chất phương pháp này là phương pháp tính giá thành liên hợp. Giá thành của một công trình bằng tổng giá thành của các chi tiết, bộ phận, hạng mục liên quan đến công trình. Phương pháp này áp dụng khá phổ biến cho những công trình thi công theo phương thức tổng thầu, gồm nhiều đơn vị cùng tham gia vào quá trình thi công xây lắp. Trong trường hợp này đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là các đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

$$\text{GTSP xây lắp hoàn thành} = \text{CPXL DDĐK} + \text{C1} + \text{C1} + \text{C2} + \dots + \text{Cn} - \text{CPXL DDCK}$$

Trong đó: C1, C2,...Cn là chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình

d. Phương pháp theo đơn đặt hàng

Phương pháp theo đơn đặt hàng được áp dụng trong doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng của người mua. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá theo đơn đặt hàng, nên việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất phải chi tiết hóa theo đơn đặt hàng. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng cũng là đối tượng tính giá thành. thực hiện đến khi hoàn thành, hay bàn giao cho khách hàng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ

2.1 Tổng quan về Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

2.1.1 Khái quát chung về Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

- Tên Công ty: Công Ty TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ

- Mã số thuế: 0401834595

- Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

- Người đại diện: NGUYỄN HỮU THANH VŨ

- Ngày thành lập: 30/05/2017

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VND

- Quản lý bởi: Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

- Loại hình DN: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài nhà nước.

- Tình trạng: Đang hoạt động (đã được cấp GCN ĐKT)

- Ngành nghề chính: Xây dựng công trình đường bộ

2.1.2 Lịch sử hình thành công ty và một số công trình tiêu biểu

Công Ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ được thành lập vào ngày 30/05/2017 theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, bao gồm thi công đường bộ, cầu và các hạng mục hạ tầng giao thông liên quan. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kế toán độc lập và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động xây dựng. Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty không ngừng phát triển toàn bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực thi công, chú trọng đến chất lượng công trình và tiến độ thi công, từ đó từng bước xây dựng uy tín đối với chủ đầu tư và các đối tác trong lĩnh vực xây dựng giao thông.

Bên cạnh đó, từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong hoạt động đấu thầu và thi công công trình giao thông. Cụ thể, Công ty đã tham gia 22 gói thầu với sự cạnh tranh của 38 nhà thầu, trong đó trúng thầu 14 gói. Ngoài ra, Công ty còn tham gia thi công các công trình giao thông trọng điểm như dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 14E và thi công thảm bê tông nhựa mặt cầu Văn Ly, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông tại địa phương, đặc biệt là trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Qua đó, có thể khẳng định rằng từ ngày thành lập đến nay, Công Ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ đã phát triển ổn định và từng bước khẳng định năng lực thi công trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.

2.1.3 Lĩnh vực kinh doanh, mục đích phát triển công ty

*** Lĩnh vực kinh doanh :**

Mã ngành nghề	Tên ngành nghề
4212	Xây dựng công trình đường bộ (Ngành nghề chính)
0119	Trồng cây hàng năm khác
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4211	Xây dựng công trình đường sắt
4221	Xây dựng công trình điện
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác
4291	Xây dựng công trình thủy
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

hình 2.0 Một số ngành nghề kinh doanh tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

***Thương mại :**

Kinh doanh và cung cấp các loại vật liệu xây dựng phục vụ thi công công trình giao thông như sơn đường, xi măng, sắt thép, cát, đá, nhựa đường và các thiết bị thi công, được nhập từ các nhà cung cấp uy tín trên thị trường, nhằm đảm bảo chất lượng và đáp ứng kịp thời nhu cầu thi công của các công trình.

***Xây lắp :**

Thi công các công trình giao thông đường bộ, san lấp mặt bằng, xây dựng nền móng, mặt đường và các hạng mục phụ trợ, thi công các công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật.

***Dịch vụ:**

Bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật.

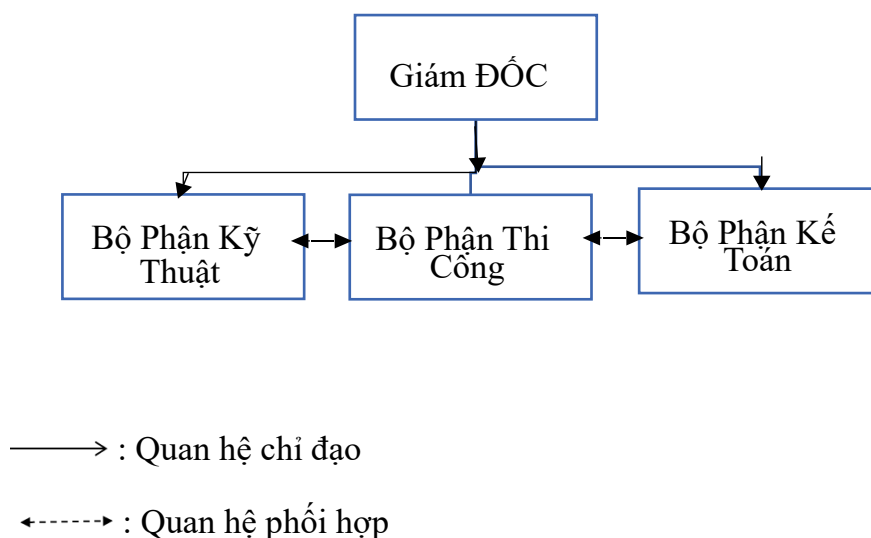
Nâng cấp, cải tạo công trình giao thông, hệ thống đường bộ và các hạng mục liên quan.

***Tiêu chí phục vụ**

Tại Công Ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ, tiêu chí phục vụ trong thi công công trình được xây dựng phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp hoạt động đa ngành, trong đó lĩnh vực chủ yếu là xây dựng công trình giao thông đường bộ. Với đội ngũ lao động có tay nghề và hệ thống máy móc, thiết bị thi công tương đối đầy đủ, công ty luôn đảm bảo thi công đúng thiết kế, tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành. Đồng thời, công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ tiến độ và chi phí thi công cho từng công trình, hạng mục công trình. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chú trọng đến công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực như máy móc, vật tư và nhân công. Nhờ đó, các công trình do công ty thực hiện cơ bản đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, tiến độ và tạo được uy tín đối với chủ đầu tư.

2.1.4 Tổ chức bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

b. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

Giám đốc: điều hành toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm từ đầu thầu, ký kết hợp đồng đến tổ chức thi công công trình. Giám đốc chỉ đạo tiến độ, chất lượng, chi phí và an toàn lao động tại các dự án. Đồng thời, giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất về tài chính, pháp lý và hiệu quả hoạt động của công ty.

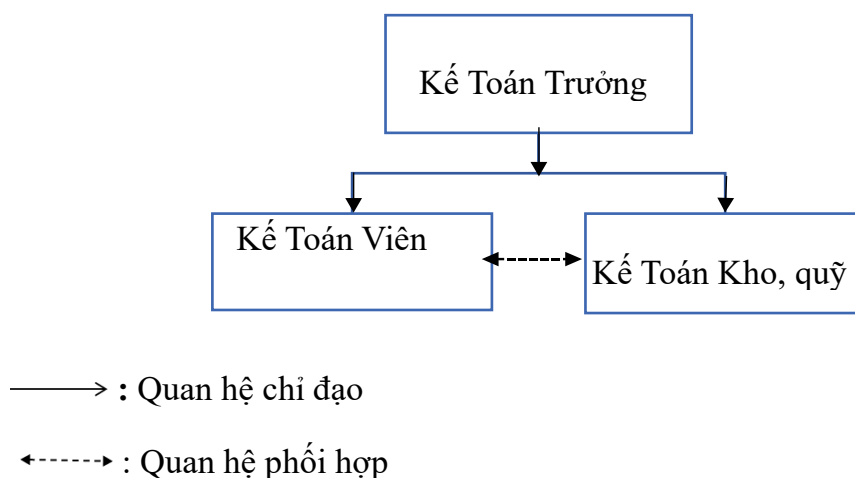
Bộ phận kỹ thuật: gồm 01 nhân sự, có chức năng lập, quản lý hồ sơ kỹ thuật thi công theo thiết kế được phê duyệt; thực hiện giám sát kỹ thuật tại công trường, kiểm tra khối lượng, chất lượng và biện pháp thi công. Bên cạnh đó, bộ phận kỹ thuật phối hợp với bộ phận thi công và các đơn vị liên quan trong công tác nghiệm thu, hoàn công công trình theo đúng quy định..

Bộ phận thi công: gồm 02 nhân sự chính thức và đội ngũ công nhân thuê ngoài, có chức năng trực tiếp tổ chức và thực hiện thi công các công trình giao thông theo hồ sơ thiết kế. Bộ phận này chịu trách nhiệm quản lý tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình, an toàn lao động và việc sử dụng vật tư, máy móc, thiết bị tại công trường; đồng thời phối hợp với các bộ phận liên quan trong công tác nghiệm thu và bàn giao công trình.

Bộ phận kế toán: gồm 03 nhân sự, có chức năng tổ chức công tác kế toán và tài chính trong toàn công ty. Bộ phận kế toán thực hiện hạch toán, theo dõi chi phí, doanh thu, thanh quyết toán các công trình xây dựng; lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định của Nhà nước và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của Ban giám đốc.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

a. Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

b. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

Kế toán trưởng: là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán – tài chính của doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Kế toán trưởng thực hiện kiểm soát chi phí, tính giá thành công trình, theo dõi công nợ và dòng tiền; lập, kiểm tra và ký duyệt các báo cáo thuế, báo cáo tài chính định kỳ, đồng thời đưa ra ý kiến cho Ban Giám đốc trong công tác quản lý tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

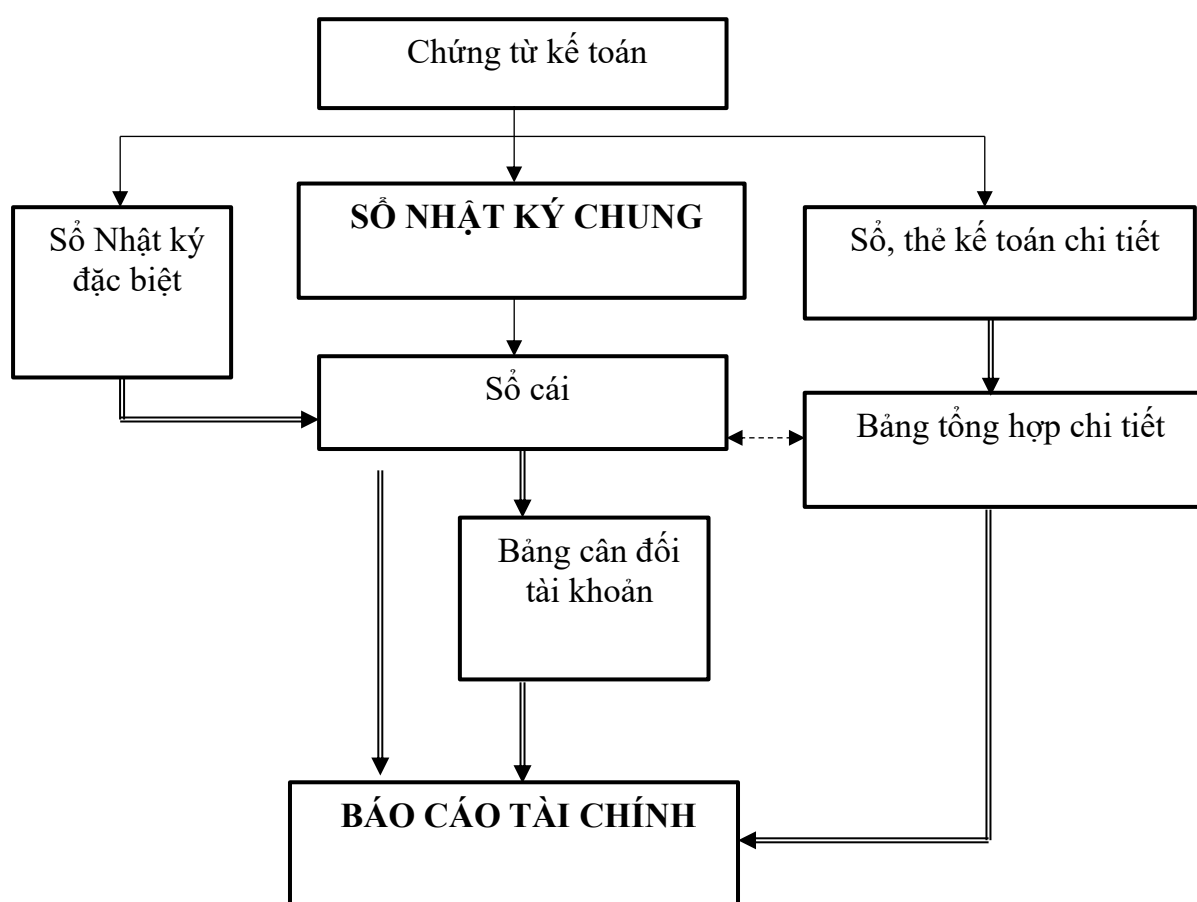
Kế toán viên: là người trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kế toán phát sinh; lập và hạch toán chứng từ kế toán; theo dõi chi phí thi công, công nợ, tiền lương và các khoản thu – chi. Đồng thời, kế toán viên thực hiện kê khai thuế, cập nhật sổ sách kế toán và cung cấp số liệu phục vụ công tác quản lý và lập báo cáo tài chính của công ty.

Kế toán kho, Thủ quỹ: nhiệm vụ quản lý tiền mặt và vật tư của công ty; thực hiện thu, chi tiền theo đúng chứng từ hợp lệ; theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho, vật tư phục vụ thi công; cập nhật sổ quỹ, sổ kho và đối chiếu số liệu với bộ phận kế toán liên quan, đồng thời tham gia kiểm kê định kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của số liệu.

2.1.6 Hình thức kế toán áp dụng tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

a. Hình thức ghi sổ kế toán

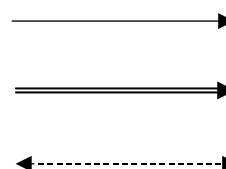
Hình thức ghi sổ: Kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Chú thích: - Ghi hàng ngày

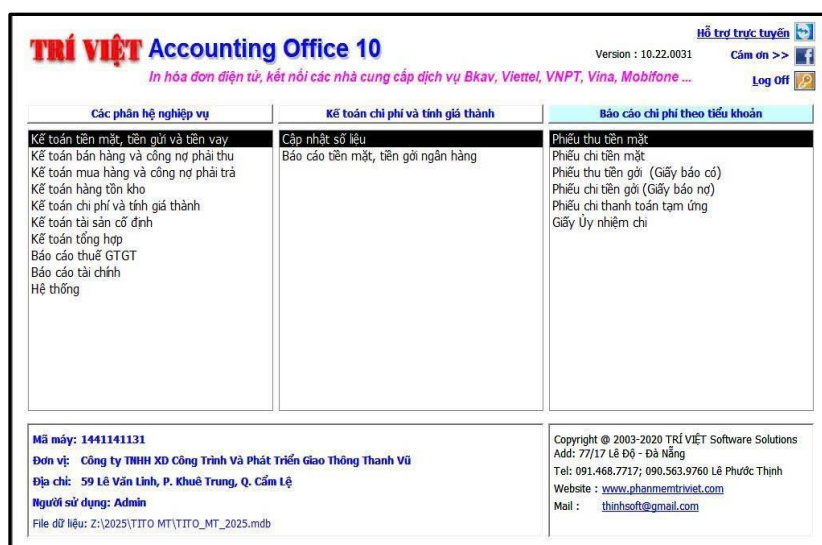
- Ghi cuối tháng, cuối quý

- Kiểm tra, đối chiếu



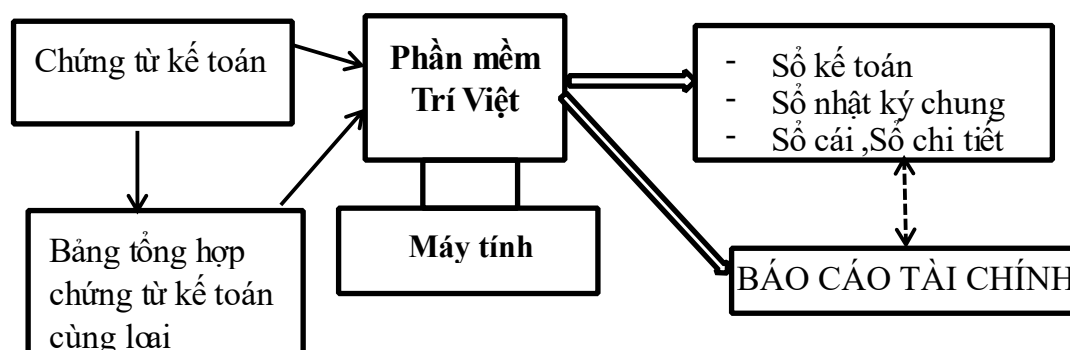
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ .

Phần mềm sử dụng: Phần mềm Trí Việt (phiên bản 10.22.0031)



Hình 2.1: Giao diện chính của phần mềm trí việt

Trình tự ghi sổ kế toán:



Ghi chú :

————> : Nhập số liệu hằng ngày

====>: In sổ, báo cáo cuối tháng hoặc cuối kỳ

←-----> : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ .

Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán sử dụng máy tính và phần mềm kế toán Trí Việt để thực hiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Giao thông Thanh Vũ.

Đối với các nghiệp vụ phát sinh nhiều lần, kế toán lập bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại và nhập số liệu tổng hợp vào phần mềm. Phần mềm kế toán Trí Việt tự động xử lý, cập nhật số liệu vào sổ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Căn cứ vào số liệu đã được xử lý trên phần mềm, kế toán thực hiện xuất và in sổ kế toán phục vụ công tác quản lý và đối chiếu. Cuối kỳ kế toán, phần mềm tự động lập báo cáo tài chính, kế toán kiểm tra và in báo cáo theo đúng quy định.

b.Trình tự luân chuyển chứng từ theo phần mềm Trí Việt tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra và nhập chứng từ

Hàng ngày, căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp xây dựng, kế toán tiếp nhận các chứng từ như: hóa đơn GTGT đầu vào, hóa đơn GTGT đầu ra, chứng từ mua nguyên vật liệu, bảng lương và các chứng từ liên quan đến hoạt động xây dựng công trình.

Bước 2: Nhập số liệu vào phần mềm

Kế toán thực hiện nhập các chứng từ đã thu thập (bao gồm hóa đơn GTGT đầu vào, hóa đơn GTGT đầu ra, chứng từ mua nguyên vật liệu, bảng lương và các chứng từ liên quan khác) vào phần mềm kế toán.

Bước 3: Hạch toán và ghi sổ kế toán

Căn cứ vào các chứng từ đã được nhập vào phần mềm, phần mềm kế toán tự động hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi nhận vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian, đồng thời cập nhật vào các sổ chi tiết của các tài khoản kế toán liên quan.

Bước 4: Tổng hợp và đối chiếu số liệu

Cuối kỳ kế toán, từ số liệu đã ghi nhận trên sổ nhật ký chung, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ cái các tài khoản kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời kế toán tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết nhằm đảm bảo tính chính xác và nhất quán của thông tin kế toán.

Bước 5: Lập báo cáo tài chính

Sau khi hoàn tất việc đối chiếu, kiểm tra số liệu, kế toán sử dụng phần mềm kế toán để lập báo cáo tài chính

2.1.7. Các phần hành kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Công ty tổ chức công tác kế toán dựa trên bộ máy kế toán hiện hành và phần mềm kế toán Trí Việt. Các phần hành kế toán được phân chia tương ứng với các phân hệ trên phần mềm như:

- Phần hành kế toán tiền: Ghi nhận và hạch toán các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trong quá trình thi công công trình; theo dõi các khoản thanh toán, tạm ứng; thực hiện đối chiếu số liệu với sao kê ngân hàng định kỳ.

- Phần hành kế toán mua hàng – công nợ phải trả: Tiếp nhận, kiểm tra và hạch toán hóa đơn mua vật tư, nhiên liệu, dịch vụ phục vụ thi công công trình; tập hợp chi phí mua hàng theo từng công trình; theo dõi và quản lý công nợ phải trả cho nhà cung cấp

- Phần hành kế toán bán hàng – công nợ phải thu: Ghi nhận doanh thu xây dựng theo khối lượng công trình, hạng mục công trình đã nghiệm thu; lập và xuất hóa đơn GTGT; theo dõi và quản lý công nợ phải thu theo từng công trình.

- Phần hành kế toán hàng tồn kho: Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn vật tư xây dựng tại kho và tại công trình; phản ánh kịp thời số lượng và giá trị vật tư sử dụng; tham gia kiểm kê và đối chiếu số liệu tồn kho cuối kỳ.

- Phần hành kế toán tiền lương: Thực hiện tính lương, phụ cấp cho quản lý, kỹ thuật và công nhân trực tiếp thi công; lập bảng lương và hạch toán các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành.

- Phần hành kế toán thuế: Kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến các loại thuế phát sinh như thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN; lập và nộp các báo cáo thuế theo tháng, quý, năm; làm việc với cơ quan thuế khi có yêu cầu.

- Phần hành kế toán tài sản cố định: Theo dõi, quản lý tài sản cố định phục vụ thi công công trình giao thông như máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải; thực hiện tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định theo quy định.

2.1.8 Các chính sách áp dụng tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Với quy mô vừa phải, công ty áp dụng chế độ kế toán theo hệ thống kế toán Việt Nam cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo thông tư 133/2016TT-

BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do bộ tài chính ban hành

- Niên độ kế toán áp dụng: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 tính theo năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ
- Tài khoản kế toán: Công ty áp dụng hầu hết hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo TT133/TT-BTC và các quy định sửa đổi

Hệ thống sổ sách hiện tại công ty đang sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp chi tiết và các loại sổ sách cần thiết khác.

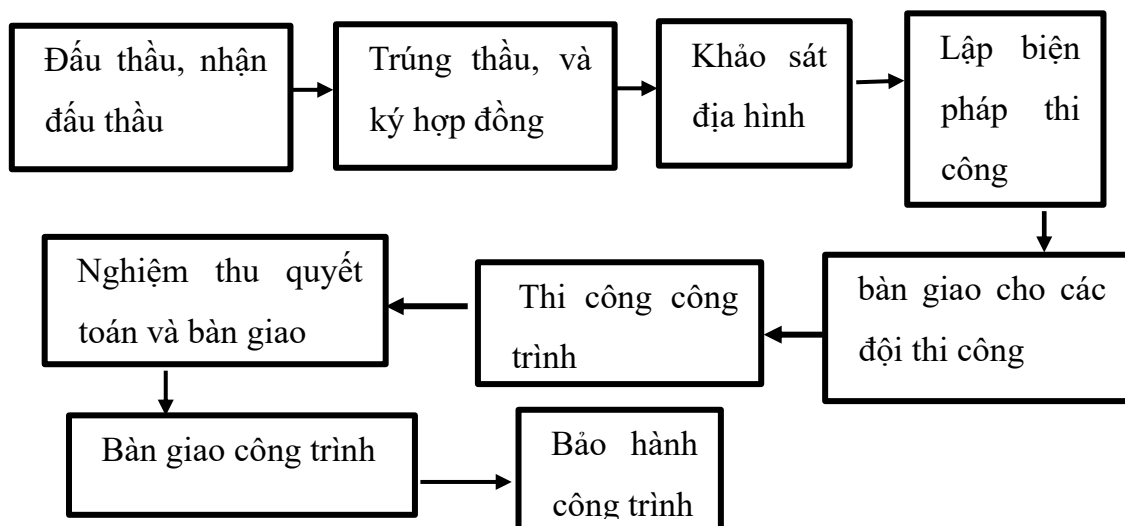
2.2 Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

2.2.1 Tổng quan hoạt động xây dựng tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

Khi công ty nhận được thông báo mời thầu từ chủ đầu tư, dưới sự chỉ đạo của Ban giám đốc, Phòng kế toán và Phòng kỹ thuật sẽ tiến hành dự toán cho công trình và thực hiện việc đấu thầu. Nếu bên ký hợp đồng xây dựng sau khi hợp đồng được ký kết thì công ty tiến hành thi công công trình.

➤ Quy trình thi công xây dựng

Do đặc điểm về sản phẩm ngày xây dựng, nên quy trình sản xuất của công ty có đặc điểm phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, mỗi công trình có một dự toán riêng và công trình thi công ở những địa điểm khác nhau.



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình sản xuất

Căn cứ vào sơ đồ trên, quy trình sản xuất tại Công ty được thực hiện qua các bước cụ thể sau:

Bước 1: Đấu thầu, nhận thầu

Doanh nghiệp tham gia đấu thầu theo hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư. Việc nhận thầu là bước khởi đầu để doanh nghiệp tiếp cận công trình và lập kế hoạch thực hiện.

Bước 2: Trúng thầu và ký kết hợp đồng

Sau khi trúng thầu, doanh nghiệp và chủ đầu tư tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để triển khai thi công, đồng thời là cơ sở xác định giá trị công trình và tổ chức hạch toán chi phí.

Bước 3: Khảo sát địa hình

Công ty tiến hành khảo sát thực tế tại khu vực thi công nhằm đánh giá các điều kiện về địa hình, địa chất và môi trường. Kết quả khảo sát là cơ sở để lập dự toán chi phí sát với thực tế, hạn chế phát sinh chi phí ngoài kế hoạch trong quá trình thi công.

Bước 4: Lập biện pháp thi công

Dựa trên hồ sơ thiết kế và kết quả khảo sát, doanh nghiệp xây dựng biện pháp thi công chi tiết. Nội dung bao gồm kế hoạch tiến độ, phương án sử dụng nhân công, máy móc thiết bị và vật tư. Đây cũng là căn cứ để dự kiến và phân bổ các khoản chi phí sản xuất theo từng yếu tố chi phí.

Bước 5: Bàn giao cho thi công

Sau khi hoàn thiện biện pháp thi công, Công ty tiến hành giao khoán hoặc phân công công việc cụ thể cho các đội thi công. Việc bàn giao được thực hiện kèm theo kế hoạch, định mức và dự toán chi phí, làm cơ sở để kiểm soát chi phí và tiến độ thực hiện.

Bước 6: Thi công công trình

Các đội thi công tiến hành thực hiện công trình theo kế hoạch đã được phê duyệt. Trong quá trình này, các khoản chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung được kế toán tập hợp đầy đủ, kịp thời theo từng đối tượng chịu chi phí.

Bước 7: Nghiệm thu và quyết toán

Sau khi hoàn thành công trình hoặc từng hạng mục, doanh nghiệp phối hợp với chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu. Khi công trình đạt yêu cầu, hai bên lập biên bản nghiệm thu và thực hiện quyết toán khối lượng hoàn thành. Đây là căn cứ để xác định giá thành thực tế của công trình và ghi nhận doanh thu theo quy định.

Bước 8: Bàn giao công trình

Công trình sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu sẽ được bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Việc bàn giao được lập thành biên bản, kèm theo hồ sơ hoàn công, là cơ sở để hoàn tất nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với hợp đồng đã ký kết.

Bước 9: Bảo hành công trình

Sau khi bàn giao, doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng. Các chi phí bảo hành (nếu phát sinh) được theo dõi và hạch toán theo quy định, góp phần phản ánh đầy đủ chi phí liên quan đến công trình.

2.2.2 Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

Tại Công Ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ, đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được xác định là từng công trình hoặc từng hạng mục công trình theo từng hợp đồng xây lắp đã ký kết với chủ đầu tư. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí như vậy phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, giúp công ty theo dõi, kiểm soát chi phí và tính giá thành một cách chính xác cho từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí sản xuất tại công ty được phân loại theo mục đích và công dụng của chi phí, bao gồm bốn khoản mục chủ yếu:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sử dụng máy thi công
- Chi phí sản xuất chung

Cách phân loại này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán chi phí, kiểm soát chi phí theo từng khoản mục và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Trong phạm vi đề tài, để minh họa cho công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty, tác giả lựa chọn công trình: “Sửa chữa và bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên các tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại tại thành phố Đà Nẵng” làm đối tượng nghiên cứu.

Đây là công trình thuộc lĩnh vực xây dựng giao thông đô thị, được thực hiện nhằm cải thiện điều kiện lưu thông và nâng cao mức độ an toàn giao thông trên các tuyến đường trọng điểm của thành phố. Nội dung thi công bao gồm: sửa chữa, cải tạo mặt đường tại các vị trí xuống cấp; lắp đặt, bổ sung hệ thống biển báo giao thông; sơn kẻ vạch đường; đồng thời hoàn thiện các hạng mục đảm bảo an toàn giao thông tại các nút giao trên các tuyến đường. Công trình này được khởi công vào ngày 10/01/2025 và hoàn thành vào ngày 26/04/2025

Công trình được triển khai theo hợp đồng xây lắp ký kết giữa công ty và chủ đầu tư, với giá trị dự toán và thời gian thi công được quy định cụ thể trong hồ sơ thiết kế – dự toán đã được phê duyệt. Do công trình bao gồm nhiều hạng mục có tính chất kỹ thuật khác nhau nhưng cùng thuộc một dự án, công ty thực hiện tập hợp chi phí theo từng công trình, đồng thời theo dõi chi tiết theo từng hạng mục khi cần thiết, nhằm phục vụ yêu cầu quản lý chi phí và đánh giá hiệu quả thi công.

2.2.3 Nội dung kế toán chi phí sản xuất Tại Công Ty TNHH Xây Dựng Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Việc hạch toán chi phí sản xuất phát sinh tại Công ty được thực hiện theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ được tập hợp vào tài khoản 154 – “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

Để thuận tiện cho việc theo dõi và quản lý, các khoản chi phí phát sinh trong kỳ được phân loại theo các khoản mục chi phí, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung.

2.2.3.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a. Nội dung :

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty là toàn bộ các khoản chi phí về nguyên vật liệu chính và vật liệu phụ được sử dụng trực tiếp cho hoạt động thi công, sửa chữa các công trình giao thông đường bộ. Khoản mục này bao gồm các loại nguyên vật liệu chính như xi măng, cát, đá, thép... trực tiếp cấu thành nên kết cấu công trình; đồng thời bao gồm các vật liệu phụ như sơn kẻ đường, vật liệu chống thấm, khí lỏng phục vụ thi công và các vật tư khác tham gia trực tiếp vào quá trình sửa chữa, hoàn thiện mặt đường. Bên cạnh đó, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn bao gồm giá trị các loại vật liệu luân chuyển và công cụ, dụng cụ có giá trị nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn phục vụ trực tiếp cho thi công như khuôn đổ bê tông, cọc tiêu tạm, biển báo tạm... khi được phân bổ một lần vào chi phí công trình. Đây là khoản mục chi phí thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất xây lắp của Công ty, do đó việc hạch toán đầy đủ và chính xác có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát chi phí, sử dụng vật tư tiết kiệm và xác định đúng giá thành công trình.

b. Chứng từ sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong hạch toán chi phí NVLTT bao gồm:

- Phiếu xuất kho vật tư
- Hóa đơn GTGT (trường hợp mua NVL sử dụng trực tiếp không qua kho)

c. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp công ty sử dụng tài khoản 1541- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Và ngoài ra công ty sử dụng các tài khoản liên quan như TK 152, 111, 133, 331....

d.Quy trình luân chuyển chứng từ

Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế, phòng kế toán căn cứ vào phụ lục kèm theo hợp đồng để xác định nhu cầu vật tư theo định mức dự toán. Trên cơ sở đó, phòng kế toán tiến hành tìm kiếm và lựa chọn nhà cung cấp phù hợp.

Phương án lựa chọn nhà cung cấp sau đó được trình lên Ban Giám đốc xem xét và phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, kế toán tiến hành lập đơn đặt hàng và thực hiện mua vật tư.

Khi nhận hàng, phòng kế toán phối hợp với bộ phận kỹ thuật và đội thi công tiến hành kiểm tra số lượng, chất lượng và chủng loại vật tư so với đơn đặt hàng. Trường hợp vật tư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đã thỏa thuận với nhà cung cấp, công ty sẽ tiếp nhận và nhận hóa đơn điện tử do nhà cung cấp gửi qua email.

Toàn bộ chứng từ liên quan như hóa đơn điện tử và các tài liệu kèm theo được lưu trữ trên hệ thống máy tính của công ty, đồng thời được kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán theo quy định.

Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh : Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 01/25/HĐXD-TT ngày 15/01/2025 (Phụ lục 1), Công ty thực hiện mua nguyên vật liệu từ Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Quỳnh Thiên Kim theo hóa đơn GTGT số 0000014.

Cụ thể, Công ty mua khí hóa lỏng phục vụ trực tiếp cho hoạt động thi công công trình “Sửa chữa và bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên các tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại tại thành phố Đà Nẵng”. Toàn bộ số vật tư sau khi mua được đưa vào sử dụng ngay tại công trình, không qua khâu nhập kho. Giá trị chưa thuế là 5.576.727 đồng, thuế GTGT 10% tương ứng 557.673 đồng, tổng giá thanh toán là 6.134.400 đồng. Hóa đơn đã được thanh toán bằng tiền mặt (phục phục 05)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)				Ký hiệu (Serial): 1C25TTK Số (No.): 14	
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)					
Ngày (date) 15 tháng (month) 01 năm (year) 2025					
Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT QUỲNH THIÊN KIM					
Mã số thuế (Tax code): 0401669648					
Địa chỉ (Address): 128 Thái Thị Bôi, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Điện thoại (Tel): 0799433279		Fax:		Website:	
Số tài khoản (Account No.): 115000147253		Ngân hàng (Bank): Viettinbank- Chi nhánh Đà Nẵng			
Họ tên người mua hàng (Customer's name):					
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ					
Mã số thuế (Tax code): 0401834595					
Địa chỉ (Address): 59 Lê Văn Linh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Số tài khoản (Account No.):		Ngân hàng (Bank):			
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK					
Ghi chú (Note):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
a	b	c	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
1	Khí hóa lỏng 12kg	Kg	216	25.818,1819	5.576.727
Tổng tiền hàng (Total amount):					5.576.727
Thuế GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		557.673
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					6.134.400
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Sáu triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm đồng					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên)(Sign, full name)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên)(Sign, full name)		
			Signature valid		
			Ký bởi CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT QUỲNH THIÊN KIM		
			Ký ngày 15/01/2025		

Hình ảnh 2.2: Hóa đơn GTGT số 14

Từ hóa đơn mua hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán như sau: Tại giao diện ban đầu của phần mềm kế toán Trí Việt, kế toán chọn phân hệ “Kế toán mua hàng và công nợ phải trả”. Sau đó, chọn chức năng “Cập nhật số liệu” và tiếp tục chọn mục “Phiếu nhập mua hàng” để tiến hành nhập thông tin chứng từ.

TRÍ VIỆT Accounting Office 10
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Hỗ trợ trực tuyến
 Version : 10.25.1231
 Cảm ơn >>
 Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay Kế toán bán hàng và công nợ phải thu Kế toán mua hàng và công nợ phải trả Kế toán hàng tồn kho Kế toán chi phí và tính giá thành Kế toán tài sản cố định Kế toán tổng hợp Báo cáo thuế GTGT Báo cáo tài chính Hệ thống	Cập nhật số liệu Số kế toán công nợ phải trả Báo cáo nhập hàng	Phiếu nhập hàng mua Phiếu nhập khẩu Phiếu nhập chi phí mua hàng Phiếu nhập nguyên vật liệu Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp

Mã máy: 1441141131

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: Z:\2025\Thanh Vu\thanh vu_2025.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions

Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng

Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh

Website : www.phanmemtriviet.com

Mail : thinhsoft@gmail.com

Hình ảnh 2.3: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 204

Sau đó, kế toán nhấn vào nút “Thêm” để tiến hành nhập chứng từ. Tiếp theo, kế toán nhập các thông tin cần thiết vào phần mềm, bao gồm: tên nhà cung cấp, ngày chứng từ, mã vật tư, tên hàng hóa, số lượng, đơn giá, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn; đồng thời thực hiện hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào TK 1541.

Sau khi hoàn tất việc nhập dữ liệu, kế toán tiến hành kiểm tra lại thông tin và nhấn nút “Quay ra”. Khi đó, dữ liệu hóa đơn mua hàng sẽ được phần mềm tự động lưu trữ và cập nhật vào Sổ nhật ký chung theo đúng ngày phát sinh, đồng thời cập nhật vào các sổ kế toán có liên quan.

Trường hợp cần sửa chứng từ, kế toán chọn chứng từ cần chỉnh sửa, nhấn nút “Sửa”, thực hiện điều chỉnh thông tin, sau đó nhấn “Quay ra”. Phần mềm sẽ tự động cập nhật lại số liệu vào sổ chi tiết tài khoản 1541, sổ nhật ký chung và Từ sổ nhật ký chung vào Sổ Cái tài khoản 154.

Phiếu Nhập Mua : 25-01-511-40914 (F10 xem nhanh h:ng tên kho)

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: QTK ... Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Qu... Ngày CT: 15/01/2025 Số CT: 0000014 Hạn t.toán: 0
 Họ tên: Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim Nhân viên QL: ...
 Tên đơn vị: Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim Nhân viên Order: ...
 Địa chỉ: 218 Thái Thị Bôi, Phường Chính Gián, Quận Thanh K Phương thức TT: Bằng tiền mặt
 Lý do chứng từ: Nhập hàng theo HD 14

Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá Chiết khấu Bút toán này chi tiền mặt, chương trình không định khoản vào sổ cái !!!

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải	Mã vụ việc
VT_100	Khí hóa lỏng 12kg	Kg	216	25,818	5,576,727	1541	1111	Nhập hàng theo HD 14	01/25 BD-TP
*						1541	1111		

Record: 1 of 1

Tính VAT ☐ Xóa VAT ☐ Thêm ☐ ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☐ Trạng thái hóa đơn Chưa phát hành
 Ký hiệu: C25TTK Phân bổ: 1.Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT không
 Seri hoá đơn: 00000014 Tên cơ sở KD: Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim
 Ngày hoá đơn: 15/01/2025 Địa chỉ: 218 Thái Thị Bôi, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
 Loại VAT: 10 Mã số thuế: 0401669648 TK n.hàng: ...
 Tiền hàng: 5,576,727 Tên hàng hoá: ... Tên k.toán: ...
 Tiền VAT: 557,673 Ghi chú: ☐ Giảm thuế
 Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 1111 Vụ việc: ...

Tiền chiết khấu: 0
 Tiền hàng: 5,576,727
 Tiền thuế: 557,673
 Tổng hoá đơn: 6,134,400
 Tổng hạch toán: 6,134,400

Hàng hóa: VT_100 / tồn (kho CHÍNH) : 6,053.00 Activate

Khóa sổ / Mở sổ ☐ Đã chi ☐ Thẻ kho ☐ Khoá DL ☐ Thêm ☐ Xóa phiếu ☐ Phiếu nhập ☐ Phiếu xuất ☐ Phiếu VC ☐ Phiếu KT ☐ Quay ra ☐

Hình ảnh 2.4: Giao diện Nhập chứng từ Hóa đơn GTGT số 14

Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh : Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 01/25/HĐXD-TT ngày 11/03/2025 (Phụ lục 1), Công ty thực hiện mua nguyên vật liệu từ Công ty Xây dựng Thương mại Thuận Đức theo hóa đơn GTGT số 00000204. Cụ thể, Công ty mua sơn phục vụ trực tiếp cho hoạt động thi công công trình: “Sửa chữa và bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên các tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại. Toàn bộ sơn sau khi mua được đưa vào sử dụng ngay tại công trình, không qua khâu nhập kho. Giá trị chưa thuế là 6.555.000 đồng, thuế GTGT 10% tương ứng 655.500 đồng, tổng giá thanh toán là 7.210.500 đồng..



**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Ngày 11 tháng 03 năm 2025
(BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)

Ký hiệu: 1C25TTD
Số: **204**

Mã của CQT: 002DFA5E72D8344693B510FF1D03A46594

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THUẬN ĐỨC**
Mã số thuế : **0 4 0 0 5 6 2 2 4 3**
Địa chỉ : 132 Lê Thanh Nghị, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại : 0236.3.634.730 Fax: 0236.3.634.730
Số tài khoản : 2001.201.115.803 tại Ngân hàng NN&PTNT CN Nam Đà Nẵng - Thành Phố Đà Nẵng
0041.000.318.487 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Hòa Thuận - Thành phố Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ**
Mã số thuế: **0 4 0 1 8 3 4 5 9 5**
Địa chỉ: **59 Lê Văn Linh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Sơn phân quang trắng EASYLINE	Kg	75	17.000	1.275.000
2	Sơn phân quang vàng EASYLINE	Kg	300	17.600	5.280.000
Cộng tiền hàng:					6.555.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 655.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					7.210.500
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu hai trăm mười nghìn năm trăm đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Signature Valid
Ký bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG
MẠI VÀ DỊCH VỤ THUẬN ĐỨC
Ký ngày: 11/03/2025

Hình 2.5: hóa đơn GTGT số 204

Từ hóa đơn mua hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán. hàng ngày sau khi kế toán nhập liệu vào phần mềm sẽ tự động cập nhập lên sổ chi tiết TK 1541 và sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung rồi tự động lên sổ cái tài khoản Tk 154

Phiếu Nhập Mua : 25-03-511-43097 (F10 xem nhanh h: ng tên kho)

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: THUANDU Công Ty TNHH Xây Dựng Thương

Họ tên: Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ T

Tên đơn vị: Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ T

Địa chỉ: 132 Lê Thanh Nghi, P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, T

Lý do chứng từ: Nhập hàng theo HĐ 204

Ngày CT: 11/03/2025 **Số CT:** 000969 **Hạn t.toán:** 0

Nhân viên QL:

Nhân viên Order:

Phương thức TT: Ghi sổ công nợ

☐ Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải	Mã vụ việc
VT_469	Sơn phân quang trắng EASYLINE	Kg	75	17,000	1,275,000	1541	331	Nhập hàng theo HĐ 204	01/25 BD-TP
VT_125	Sơn phân quang vàng EASYLINE	Kg	300	17,600	5,280,000	1541	331	Nhập hàng theo HĐ 204	01/25 BD-TP
*									

Record: 1 of 2

Tính VAT ☐ Xoá VAT ☐ Thêm ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☐ Trạng thái hóa đơn Chưa phát hành

Ký hiệu: C25TTD **Phân bố:** 1.Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT không

Seri hoá đơn: 00000204 **Tên cơ sở KD:** Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ

Ngày hoá đơn: 11/03/2025 **Địa chỉ:** 132 Lê Thanh Nghi, P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Loại VAT: 10 **Mã số thuế:** 0400562243 **TK n.hàng:**

Tiền hàng: 6,555,000 **Tên hàng hoá:** **Tên k.toán:**

Tiền VAT: 655,500 **Ghi chú:** ☐ Giảm thuế

Thuế - Ghi Nợ: 1331 **Ghi Có:** 331 **Vụ việc:**

Tiền chiết khấu: 0

Tiền hàng: 6,555,000

Tiền thuế: 655,500

Tổng hoá đơn: 7,210,500

Tổng hạch toán: 7,210,500

Hàng hóa: VT_469 / tồn (kho CHINH) : 0.00

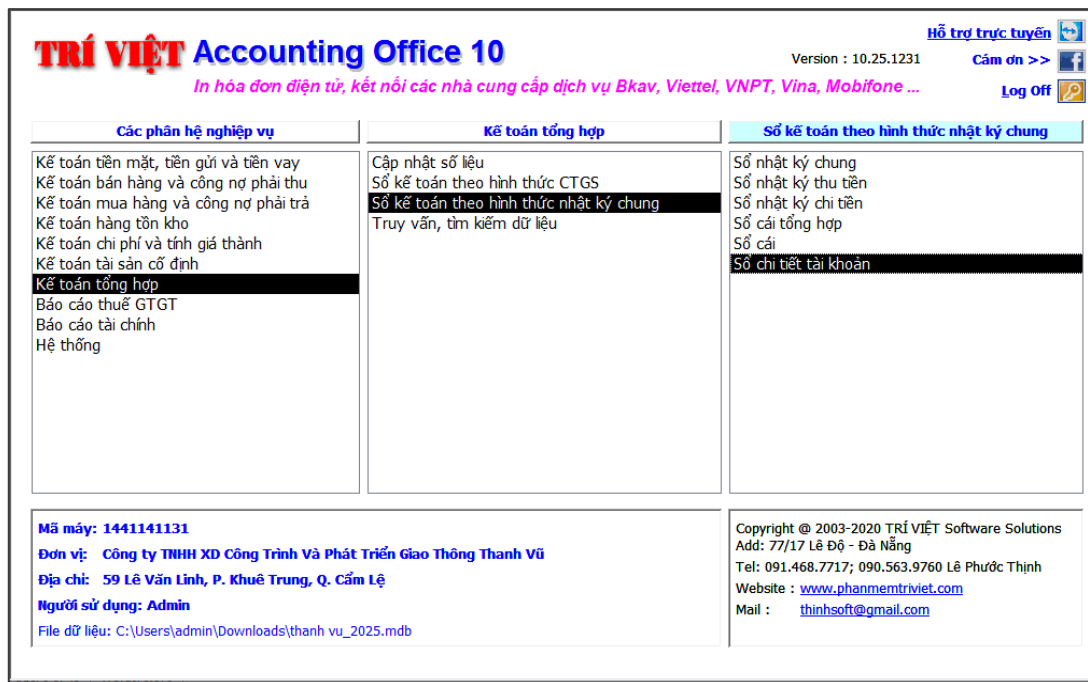
Activate

Khóa số / Mở số Đã chi Thê kho Khoá DL Thêm Xoá phiếu Phiếu nhập Phiếu xuất Phiếu VC Phiếu KT Quay ra

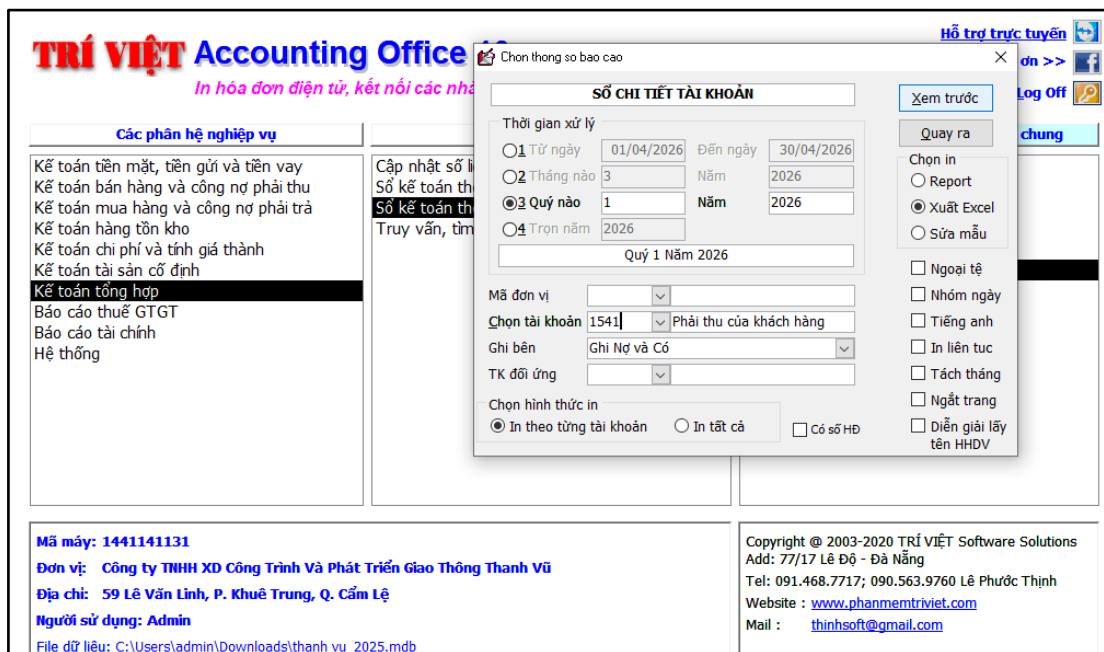
Hình ảnh 2.6: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 204

Để kết xuất dữ liệu lên các sổ Nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết tài khoản như sau:

Để kết xuất được sổ chi tiết tài khoản kế toán thực hiện trên phần mềm bằng cách truy cập vào phân hệ Kế toán tổng hợp, sau đó lựa chọn mục sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Tại đây, ta chọn loại sổ chi tiết tài khoản, kế toán chọn chức năng Sổ chi tiết tài khoản (1541), sau đó ta chọn tài khoản cần kết xuất. Tiếp theo, thực hiện thao tác xem trước để kiểm tra nội dung sổ. Sau khi đảm bảo dữ liệu chính xác, kế toán chọn chức năng Kết xuất Excel để xuất dữ liệu sẽ xuất ra file Excel.



Hình ảnh 2.7 : Xuất dữ liệu sổ chi tiết tài khoản 1541



Hình ảnh 2.8 : Xuất dữ liệu sổ chi tiết tài khoản 1541

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN									
Tài khoản 1541 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp									
STT	Ngày CT	Số CT	Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Mã KH	Mã vụ việc
1	31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 70	331	2,333,333	0	QTK	
2	31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 70	331	4,152,778	0	QTK	
3	03/02/26	0000127	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 127	331	24,840,000	0	280306045	
4	03/02/26	0000375	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 375	331	2,272,728	0	CNT	
5	05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 138	331	880,000	0	280306045	
6	05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 138	331	7,200,000	0	280306045	
7	06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	331	880,000	0	280306045	
8	06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	331	925,000	0	280306045	
9	06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	331	14,400,000	0	280306045	
10	07/02/26	0000155	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 155	331	14,400,000	0	280306045	
11	10/02/26	0000093	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 93	331	1,384,259	0	QTK	
12	11/02/26	0000171	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 171	331	880,000	0	280306045	
13	11/02/26	0000171	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 171	331	925,000	0	280306045	
14	11/02/26	0000171	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 171	331	25,200,000	0	280306045	
15	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	1,950,000	0	THUANDUC	
16	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	4,500,000	0	THUANDUC	
17	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	7,020,000	0	THUANDUC	
18	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	10,230,000	0	THUANDUC	
19	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	11,440,000	0	THUANDUC	
20	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	20,200,000	0	THUANDUC	
21	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	36,000,000	0	THUANDUC	
22	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	53,040,000	0	THUANDUC	
23	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ	Nhập hàng theo HD 126	331	62,370,000	0	THUANDUC	
24	16/03/26	00000020	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TƯ VẤN /	Nhập hàng theo HD 00000020	331	15,050,000	0	010235475	
25	16/03/26	0000769	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 769	331	781,818	0	BABAY	
26	16/03/26	0000769	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 769	331	1,781,819	0	BABAY	
27	16/03/26	0000769	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 769	331	2,181,818	0	BABAY	
28	16/03/26	0000769	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 769	331	3,190,909	0	BABAY	
29	16/03/26	0000769	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 769	331	4,400,000	0	BABAY	
Record: 14									

Hình ảnh 2.9 :Xuất dữ liệu sổ chi tiết tài khoản 1541

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ					Mẫu số: S19-DNN				
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)				
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN									
Năm 2025									
Tài khoản 1541 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp									
CHUNG TỬ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN			
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ		
10/01	000972	HMSTONE	CÔNG TY TNHH MTV ĐÁ HOA CƯƠNG	Nhập hàng theo HD 6	331	57.600.000		0	
12/01	000970	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 271	331	5.400.000		0	
12/01	000970	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 271	331	6.600.000		0	
14/01	0000038	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 38	331	2.675.000		0	
14/01	0000038	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 38	331	4.100.000		0	
15/01	030555	QTK	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 000	1111	5.576.727		0	
18/01	000971	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 295	331	1.760.000		0	
18/01	000971	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 295	331	8.190.000		0	
18/01	000971	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 295	331	52.000.000		0	
25/01	030556	QTK	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 000	1111	4.663.636		0	
31/01	000006			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	33.966.400	0	
11/03	000969	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 204	331	1.275.000		0	
11/03	000969	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 204	331	5.280.000		0	
29/03	000018	QTK	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 000	1111	3.928.364		0	
10/04	00000457	HOANGNAM	CÔNG TY TNHH CẤP THÉP HOÀNG NAM	Nhập hàng theo HD 00000457	331	11.850.000		0	
26/04	0002216	JOTON	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN JOTON	Nhập hàng theo HD 2216	331	54.360.000		0	
29/04	150195	QTK	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 000	1111	5.956.364		0	
30/04	000005			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	178.647.538	0	
16/09	0005082	JOTON	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN JOTON	Nhập hàng theo HD 5082	331	967.593		0	
17/09	0000458	HLC	CÔNG TY TNHH HẢI LINH CHI	Nhập hàng theo HD 00000458	331	1.150.000		0	
23/09	0002496	BABAY	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 2496	331	409.091		0	
23/09	0002496	BABAY	CÔNG TY TNHH TÔN THẾP BÀ BAY	Nhập hàng theo HD 2496	331	2.045.455		0	
24/09	0000742	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 742	331	520.000		0	
24/09	0000742	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 742	331	1.040.000		0	
24/09	0000742	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 742	331	2.080.000		0	
02/10	0001520	CNT	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 1520	331	2.200.000		0	
24/10	0000261	QTK	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 261	331	4.027.778		0	
24/10	00000810	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 810	331	3.795.000		0	
31/10	0000272	QTK	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 272	331	5.509.259		0	
31/10	000009			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	47.270.234	0	
31/10	000010			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	8.294.546	0	
04/12	0001898	CNT	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 1898	331	3.663.642		0	
04/12	0031848	0400395585	CÔNG TY TNHH THANH PHÚ	Nhập hàng theo HD 00031848	331	4.809.425		0	
05/12	0001911	CNT	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 1911	331	3.554.547		0	
08/12	0000896	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 896	331	2.675.000		0	
09/12	0000448	0401886970	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI	Nhập hàng theo HD 448	331	2.016.000		0	
09/12	0000904	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 904	331	4.500.000		0	
10/12	0000908	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 908	331	4.400.000		0	
13/12	0000916	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 916	331	3.745.000		0	
15/12	0001352	NGOCSUU	Công Ty TNHH MTV Ngọc Sứ	Nhập hàng theo HD 00001352	331	1.727.273		0	
16/12	0000926	THUANDUC	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại	Nhập hàng theo HD 926	331	3.745.000		0	
16/12	0002001	CNT	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 2001	331	1.254.546		0	
31/12	000007			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	1.218.103.982	0	
Tổng cộng phát sinh						5.231.477.073	5.210.702.677		
Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12						5.231.477.073	5.210.702.677		
Số dư cuối kỳ						20.774.396		0	
					Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			

Bảng 2.1: Sổ Chi tiết tài khoản 1541

Để kết xuất Sổ Nhật ký chung, kế toán truy cập vào phân hệ Kế toán tổng hợp, sau đó chọn mục Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Tại đây, kế toán lựa chọn Sổ Nhật ký chung và thiết lập các điều kiện dữ liệu cần kết xuất. Tiếp theo, thực hiện thao tác Xem trước nhằm kiểm tra nội dung sổ. Sau khi đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, kế toán tiến hành chọn Kết xuất Excel để xuất sổ ra file Excel

Hình ảnh 2.10: Xuất dữ liệu sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							Sửa CT	Xem In	Xuất Excel	Quay ra
Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang										
Ngày CT	Số CT	Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có				
10/01/26	0000398	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa K	Chi mua đầu	1111	0	370,370				
10/01/26	0000398	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa K	Chi mua đầu	1543	370,370	0				
13/01/26	0001025	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Miền Trung T	Chi mua đầu	1111	0	277,778				
13/01/26	0001025	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Miền Trung T	Chi mua đầu	1543	277,778	0				
31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 70	1541	4,152,778	0				
31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 70	1541	2,333,333	0				
31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 70	331	0	4,152,778				
31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HD 70	331	0	2,333,333				
03/02/26	0000127	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 127	1541	24,840,000	0				
03/02/26	0000127	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 127	331	0	24,840,000				
03/02/26	00001625	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa K	Chi tiền mua đầu	1111	0	185,185				
03/02/26	00001625	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa K	Chi tiền mua đầu	1543	185,185	0				
03/02/26	0000375	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 375	1541	2,272,728	0				
03/02/26	0000375	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HD 375	331	0	2,272,728				
04/02/26	00002882	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Miền Trung T	Chi tiền mua đầu	1111	0	504,722				
04/02/26	00002882	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Miền Trung T	Chi tiền mua đầu	1543	504,722	0				
05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 138	1541	7,200,000	0				
05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 138	1541	880,000	0				
05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 138	331	0	7,200,000				
05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 138	331	0	880,000				
06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	1541	14,400,000	0				
06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	1541	880,000	0				
06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	1541	925,000	0				
06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	331	0	14,400,000				
06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	331	0	880,000				
06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 151	331	0	925,000				
06/02/26	00001772	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa K	Chi tiền mua đầu	1111	0	157,372				
06/02/26	00001772	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa K	Chi tiền mua đầu	1543	157,372	0				
07/02/26	0000155	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGON GROUP	Nhập hàng theo HD 155	1541	14,400,000	0				

Hình ảnh 2.11 :Xuất dữ liệu sổ nhật ký chung

Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ						Mẫu số S03a-DNN (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
10/01	000972	10/01	Nhập hàng theo HĐ 6 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Phải trả cho người bán	X X X	1331 1541 331	5.760.000 57.600.000 0	0 0 63.360.000
11/01	000001	11/01	Xuất kho đi công trình Nguyên liệu, vật liệu Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	X X	152 1541	0 2.802.560	2.802.560 0
11/01	0000276	11/01	Nhập hàng theo HĐ 276 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Hàng hoá Phải trả cho người bán	X X X	1331 156 331	1.322.727 13.227.273 0	0 0 14.550.000
11/01	030548	11/01	Chi mua dầu Tiền mặt Việt Nam Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí máy	X X X	1111 1331 1543	0 27.273 272.727	300.000 0 0
12/01	000970	12/01	Nhập hàng theo HĐ 271 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Phải trả cho người bán	X X X	1331 1541 331	1.200.000 12.000.000 0	0 0 13.200.000
12/01	030559	12/01	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000271 Tiền mặt Việt Nam Phải trả cho người bán	X X	1111 331	0 13.200.000	13.200.000 0
14/01	030560	14/01	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000038 Tiền mặt Việt Nam Phải trả cho người bán	X X	1111 331	0 7.317.000	7.317.000 0
15/01	000002	15/01	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt Tiền mặt Việt Nam ngân hàng sai gòn thương tín	X X	1111 11211	20.000.000 0	0 20.000.000
15/01	030555	15/01	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000014 Tiền mặt Việt Nam Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	X X X	1111 1331 1541	0 557.673 5.576.727	6.134.400 0 0
16/01	00000065	16/01	Nhập hàng theo HĐ 00000065 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Hàng hoá Phải trả cho người bán	X X X	1331 156 331	824.478 8.244.784 0	0 0 9.069.262
.....							
10/03	000014	10/03	Chi mua dầu Tiền mặt Việt Nam Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí máy	X X X	1111 1331 1543	0 27.273 272.727	300.000 0 0
11/03	000969	11/03	Nhập hàng theo HĐ 204 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp Phải trả cho người bán	X X X	1331 1541 331	655.500 6.555.000 0	0 0 7.210.500
12/03	0001261	12/03	Nhập hàng theo HĐ 1261 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Hàng hoá Phải trả cho người bán	X X X	1331 156 331	988.364 9.883.636 0	0 0 10.872.000
12/03	0001264	12/03	Nhập hàng theo HĐ 1264 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Hàng hoá Phải trả cho người bán	X X X	1331 156 331	727.000 7.270.000 0	0 0 7.997.000
.....							
19/04	150187	19/04	Chi mua dầu Tiền mặt Việt Nam Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí máy	X X X	1111 1331 1543	0 45.455 454.545	500.000 0 0
21/04	000003	21/04	Thu tiền sơn kẻ đường CT QL1A theo hợp đồng số 21/HĐKT TTRTV ngày 21/4/2025 ngân hàng sai gòn thương tín Phải thu của khách hàng	X X	11211 131	300.000.000 0	0 300.000.000
21/04	000010	21/04	Phi dịch vụ ngân hàng sai gòn thương tín Chi phí quản lý doanh nghiệp	X X	11211 6422	0 1.320.000	1.320.000 0
21/04	0000162	21/04	Nhập hàng theo HĐ 162 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí sản xuất chung Phải trả cho người bán	X X X	1331 1544 331	154.800 1.935.000 0	0 0 2.089.800
21/04	150188	21/04	Chi mua dầu Tiền mặt Việt Nam Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí máy	X X X	1111 1331 1543	0 45.455 454.545	500.000 0 0
21/04	150191	21/04	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00001094 Tiền mặt Việt Nam Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ Chi phí trả trước dài hạn	X X X	1111 1331 242	0 222.727 2.227.273	2.450.000 0 0
26/04	0000003	26/04	Nhập hàng theo HĐ 3 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí nhân công Phải trả cho người bán	X X X	1331 1542 331	11.096.815 138.710.185 0	0 0 149.807.000
26/04	0000004	26/04	Nhập hàng theo HĐ 4 Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ chi phí nhân công Phải trả cho người bán	X X X	1331 1542 331	2.948.148 36.851.852 0	0 0 39.800.000
30/04	000005	30/04	Kết chuyển chi phí sản xuất Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chi phí nhân công chi phí máy chi phí chung Giá vốn hàng bán	X X X X X X	1541 1542 1543 1544 632	0 0 0 0 218.707.116	178.647.538 36.851.852 1.272.726 1.935.000 0
.....							
31/12	000008	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chi phí nhân công Giá vốn hàng bán	X X X	1541 1542 632	0 0 204.002.988	179.344.680 24.658.308 0
TỔNG CỘNG						1.095.489.626	1.095.489.626
Người lập biểu				Kế toán trưởng		Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
						Giám đốc	

Bảng 2.2: Sổ nhật ký chung

Để kết xuất Sổ Cái, kế toán truy cập vào phân hệ Kế toán tổng hợp, sau đó chọn mục Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Tại đây, kế toán lựa chọn Sổ Cái, đồng thời xác định tài khoản và thiết lập các điều kiện dữ liệu cần kết xuất. Tiếp theo, thực hiện thao tác Xem trước nhằm kiểm tra nội dung sổ. Sau khi đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, kế toán tiến hành chọn Kết xuất Excel để xuất sổ ra file Excel.

Accounting Office 10
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

[Hỗ trợ trực tuyến](#)
 Version : 10.25.1231 [Cảm ơn >>](#)
[Log Off](#)

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán tổng hợp	Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Cập nhật số liệu	Sổ nhật ký chung
Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	Sổ kế toán theo hình thức CTGS	Sổ nhật ký thu tiền
Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	Sổ nhật ký chi tiền
Kế toán hàng tồn kho	Truy vấn, tìm kiếm dữ liệu	Sổ cái tổng hợp
Kế toán chi phí và tính giá thành		Sổ cái
Kế toán tài sản cố định		Sổ chi tiết tài khoản
Kế toán tổng hợp		
Báo cáo thuế GTGT		
Báo cáo tài chính		
Hệ thống		

Mã máy: 1441141131

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: C:\Users\admin\Downloads\thanh vu_2025.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions

Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng

Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh

Website : www.phanmemtriviet.com

Mail : thinhsoft@gmail.com

Hình ảnh 2.12: Xuất dữ liệu sổ cái TK154

TRÍ VIỆT Accounting Office
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà

Các phân hệ nghiệp vụ

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay
- Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Kế toán hàng tồn kho
- Kế toán chi phí và tính giá thành
- Kế toán tài sản cố định
- Kế toán tổng hợp**
- Báo cáo thuế GTGT
- Báo cáo tài chính
- Hệ thống

Cập nhật số li
Số kế toán th
Truy vấn, tìm

Chọn thông số báo cáo

SỐ CÁI

Thời gian xử lý

☐ 1 Từ ngày 01/04/2026 Đến ngày 30/04/2026

☐ 2 Tháng nào 3 Năm 2026

☒ 3 Quý nào 1 Năm 2026

☐ 4 Trọn năm 2026

Quý 1 Năm 2026

Mã đơn vị

Chọn tài khoản 154 Phải thu của khách hàng

Ghi bên Ghi Nợ và Có

TK đối ứng

Chọn hình thức in

☒ In theo từng tài khoản ☐ In tất cả

Xem trước

Quay ra

Chọn in

☐ Report

☒ Xuất Excel

☐ Sửa mẫu

☐ Ngoại tệ

☐ Nhóm ngày

☐ Tiếng anh

☐ In liên tục

☐ Tách tháng

☐ Ngắt trang

☐ Diễn giải lấy tên HHVD

Mã máy: 1441141131

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: C:\Users\admin\Downloads\thanh vu_2025.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions
Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
Website: www.phanmemtriviet.com
Mail: trinhsoft@gmail.com

Hình ảnh 2.13: Xuất dữ liệu sổ cái TK154

SỐ CÁI

Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

☐ Mẫu rút gọn Sửa CT Xem In Xuất Excel Quay ra

STT	Ngày CT	Số CT	Khách hàng	Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Mã KH	Mã vụ việc
				Tồn đầu kỳ		20,774,396	0		
1	10/01/26	0000298	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng	Chi mua đầu	1111	370,370	0	HOAKHANH	
2	13/01/26	0001025	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Miền	Chi mua đầu	1111	277,778	0	OIL	
3	31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HĐ 70	331	2,333,333	0	QTK	
4	31/01/26	0000070	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HĐ 70	331	4,152,778	0	QTK	
5	03/02/26	00001625	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng	Chi tiền mua đầu	1111	185,185	0	HOAKHANH	
6	03/02/26	0000127	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 127	331	24,840,000	0	280306045	
7	03/02/26	0000375	Công Ty TNHH MTV Công Nam Thành	Nhập hàng theo HĐ 375	331	2,272,728	0	CNT	
8	04/02/26	00002882	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV Oil Miền	Chi tiền mua đầu	1111	504,722	0	OIL	
9	05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 138	331	880,000	0	280306045	
10	05/02/26	0000138	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 138	331	7,200,000	0	280306045	
11	06/02/26	00001772	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng	Chi tiền mua đầu	1111	157,372	0	HOAKHANH	
12	06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 151	331	880,000	0	280306045	
13	06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 151	331	925,000	0	280306045	
14	06/02/26	0000151	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 151	331	14,400,000	0	280306045	
15	07/02/26	0000155	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 155	331	14,400,000	0	280306045	
16	10/02/26	0000093	Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim	Nhập hàng theo HĐ 93	331	1,384,259	0	QTK	
17	11/02/26	0000171	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 171	331	880,000	0	280306045	
18	11/02/26	0000171	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 171	331	925,000	0	280306045	
19	11/02/26	0000171	CÔNG TY CỔ PHẦN SACON GROUP	Nhập hàng theo HĐ 171	331	25,200,000	0	280306045	
20	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	1,950,000	0	THUANDUC	
21	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	4,500,000	0	THUANDUC	
22	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	7,020,000	0	THUANDUC	
23	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	10,230,000	0	THUANDUC	
24	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	11,440,000	0	THUANDUC	
25	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	20,200,000	0	THUANDUC	
26	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	36,000,000	0	THUANDUC	
27	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	53,040,000	0	THUANDUC	
28	12/02/26	0000126	Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch	Nhập hàng theo HĐ 126	331	62,370,000	0	THUANDUC	

Hình ảnh 2.14: Xuất dữ liệu sổ cái TK154

Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vi					
59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
10/01	000972	Nhập hàng theo HĐ 6	331	57.600.000	0
11/01	030548	Chi mua dầu	1111	272.727	0
12/01	000970	Nhập hàng theo HĐ 271	331	5.400.000	0
12/01	000970	Nhập hàng theo HĐ 271	331	6.600.000	0
14/01	0000038	Nhập hàng theo HĐ 38	331	2.675.000	0
14/01	0000038	Nhập hàng theo HĐ 38	331	4.100.000	0
15/01	030555	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000014	1111	5.576.727	0
18/01	030549	Chi mua dầu	1111	272.727	0
18/01	000971	Nhập hàng theo HĐ 295	331	1.760.000	0
18/01	000971	Nhập hàng theo HĐ 295	331	8.190.000	0
18/01	000971	Nhập hàng theo HĐ 295	331	52.000.000	0
23/01	030550	Chi mua dầu	1111	181.818	0
25/01	030556	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000038	1111	4.663.636	0
31/01	000006	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	33.966.400
11/03	000969	Nhập hàng theo HĐ 204	331	1.275.000	0
11/03	000969	Nhập hàng theo HĐ 204	331	5.280.000	0
29/03	000018	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000102	1111	3.928.364	0
01/04	150181	Chi mua dầu	1111	454.545	0
08/04	150182	Chi mua dầu	1111	454.545	0
09/04	150183	Chi mua dầu	1111	181.818	0
10/04	00000457	Nhập hàng theo HĐ 00000457	331	11.850.000	0
11/04	150184	Chi mua dầu	1111	181.818	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	40.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	55.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	60.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	120.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	150.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	200.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	200.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	200.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	250.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	300.000	0
21/04	0000162	Nhập hàng theo HĐ 162	331	360.000	0
25/04	150189	Chi mua dầu	1111	363.636	0
26/04	0000003	Nhập hàng theo HĐ 3	331	138.710.185	0
26/04	0000004	Nhập hàng theo HĐ 4	331	36.851.852	0
26/04	0002216	Nhập hàng theo HĐ 2216	331	54.360.000	0
30/04	000005	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	1.272.726
30/04	000005	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	1.935.000
30/04	000005	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	36.851.852
30/04	000005	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	178.647.538
.....					
08/08	0008822	Chi mua dầu	1111	370.370	0
15/08	0000655	Nhập hàng theo HĐ 655	331	4.547.500	0
18/08	00009207	Chi mua dầu	1111	370.370	0
20/08	000001	Xuất kho vật tư đi công trình	152	4.030.000	0
20/08	000001	Xuất kho vật tư đi công trình	152	5.760.000	0
25/08	0000233	Nhập hàng theo HĐ 233	331	2.472.460	0
31/08	000002	Trích lương, ăn ca vào phí	334	19.170.308	0
.....					
01/12	0013359	Chi mua dầu	1111	277.778	0
17/12	0000930	Nhập hàng theo HĐ 930	331	3.210.000	0
29/12	0014594	Chi mua dầu	1111	277.778	0
29/12	0000396	Nhập hàng theo HĐ 396	331	9.398.148	0
31/12	000007	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	414.001.852
31/12	000007	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	1.218.103.982
31/12	000008	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	47.401.078
31/12	000008	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	47.533.704
		Tổng cộng phát sinh		7.098.901.502	7.078.127.106
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		7.098.901.502	7.078.127.106
		Số dư cuối kỳ		20.774.396	0
				Ngày.....tháng.....năm.....	
				kế toán trưởng	

Bảng 2.3: Sổ cái TK 154

2.2.3.2 Chi phí nhân công trực tiếp

a. Nội dung

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty bao gồm các khoản tiền công và các khoản phải trả cho nhân công trực tiếp sản xuất như: các khoản tiền lương, thưởng, phụ cấp,... không bao gồm các khoản trích theo lương như: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN.

Chi phí tiền lương được tính và tập hợp vào mỗi tháng để trả lương cho nhân viên, đến cuối năm mới tập hợp lại và phân bổ cho từng công trình, lương của Giám Đốc sẽ được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Đội xây dựng công trình có đội trưởng quản lý và chấm công hằng ngày vào bảng chấm công

Ngoài ra sẽ có những trường hợp giao khoán thi công cho một công ty khác thực hiện thì kế toán căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữ hai bên, Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, Hóa đơn GTGT làm căn cứ để ghi nhận chi phí

Hiện tại Công ty có hình thức trả lương cho công nhân trực tiếp thi công công trình như sau: Đối với lao động trong biên chế của công ty, công ty tiến hành trả lương dựa trên mức lương quy định và thời gian làm việc.

$$\text{Lương thời gian} = \frac{\text{Lương theo quy định} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng theo quy định}}$$

b. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí nhân công, công ty sử dụng tài khoản 1542- Chi phí sản xuất nhân công trực tiếp. Và ngoài ra công ty sử dụng các tài khoản liên quan như tk 334, 111, 112,...

c. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Hợp đồng giao khoán
- Hóa đơn nhân công

d. Quy trình luân chuyển chứng từ

Trước hết, căn cứ vào nhu cầu thi công thực tế, bộ phận kỹ thuật lập đề xuất thuê nhân công bên ngoài và trình Ban Giám đốc phê duyệt. Sau khi được chấp thuận, Công ty tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với đơn vị cung cấp dịch vụ nhân công, trong đó quy định rõ nội dung công việc, khối lượng, đơn giá, thời gian thực hiện và phương thức thanh toán.

Trong quá trình thi công, bộ phận kỹ thuật có trách nhiệm theo dõi và nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành của bên cung cấp nhân công. Khi công việc hoàn thành, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc.

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu và các điều khoản trong hợp đồng, đơn vị cung cấp dịch vụ xuất hóa đơn giá trị gia tăng gửi cho Công ty. Khi nhận hóa đơn, phòng kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu với hợp đồng và biên bản nghiệm thu, sau đó thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán.

Tiếp theo, kế toán lập Giấy đề nghị thanh toán, trình Giám đốc phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, phòng kế toán thực hiện thanh toán cho đơn vị cung cấp dịch vụ thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng.

Trích dẫn nghiệp vụ kinh tế phát sinh : Ngày 08 tháng 01 năm 2025, căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 08/01/2025/HĐNC/TV-NHL công ty đã ký kết với Công Ty TNHH xây dựng Nguyễn Hoàng Long để giao khoán nhân công thực hiện sửa chữa và bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên các tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại.

Sau khi hoàn thành xong công trình, căn cứ vào hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu hoàn thành Công Ty TNHH xây dựng Nguyễn Hoàng Long xuất hóa đơn cho công ty vào ngày 26 tháng 04 năm 2025, Giá trị chưa thuế là 36.851.852 đồng, thuế GTGT 8% tương ứng 2.948.148 đồng, tổng giá thanh toán là 39.800.000 đồng

TRÍ VIỆT Accounting Office 10
 In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Hỗ trợ trực tuyến
 Version : 10.25.1231 Cảm ơn >>
 Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay Kế toán bán hàng và công nợ phải thu Kế toán mua hàng và công nợ phải trả Kế toán hàng tồn kho Kế toán chi phí và tính giá thành Kế toán tài sản cố định Kế toán tổng hợp Báo cáo thuế GTGT Báo cáo tài chính Hệ thống	Cập nhật số liệu Số kế toán công nợ phải trả Báo cáo nhập hàng	Phiếu nhập hàng mua Phiếu nhập khẩu Phiếu nhập chi phí mua hàng Phiếu nhập nguyên vật liệu Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp

Mã máy: 1441141131

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Người sử dụng: Admin

File dữ liệu: Z:\2025\Thanh Vu\thanh vu_2025.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions
 Add: 77/17 Lê Đức - Đà Nẵng
 Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
 Website : www.phanmemtriviet.com
 Mail : thinhsoft@gmail.com

Hình ảnh 2.16: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 04

Sau đó, kế toán nhấn vào nút “Thêm” để tiến hành nhập chứng từ. Tiếp theo, kế toán nhập các thông tin cần thiết vào phần mềm, bao gồm: tên nhà cung cấp, ngày chứng từ, nội dung chi phí, số tiền, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn; đồng thời thực hiện hạch toán chi phí nhân công trực tiếp vào TK 1542.

Sau khi hoàn tất việc nhập dữ liệu, kế toán tiến hành kiểm tra lại thông tin và nhấn nút “Quay ra”. Khi đó, dữ liệu chứng từ sẽ được phần mềm tự động lưu trữ và cập nhật vào Sổ nhật ký chung theo đúng ngày phát sinh, đồng thời cập nhật vào các sổ kế toán có liên quan.

Trường hợp cần sửa chứng từ, kế toán chọn chứng từ cần chỉnh sửa, nhấn nút “Sửa”, thực hiện điều chỉnh thông tin, sau đó nhấn “Quay ra”. Phần mềm sẽ tự động cập nhật lại số liệu vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 1542 và từ sổ nhật ký chung lên sổ cái tài khoản 154.

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: NHL CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN HOÀNG LONG Ngày CT: 26/04/2025 Số CT: 0000004 Hạn t. toán: 0

Họ tên: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN HOÀNG LONG Nhân viên QL: Nhân viên Order: Phương thức TT: Ghi sổ công nợ

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN HOÀNG LONG

Địa chỉ: 101 Đỗ Bá, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Hồ Chí Minh

Lý do chứng từ: Nhập hàng theo HĐ 4

Chi tiết: ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải	Mã vụ việc	Kh
VT_498	GT nhân công CT: SC bổ sung		0	0	36,851,852	1542	331	Nhập hàng theo HĐ 4	01/25 BD-TP	

Record: 1 of 1

Tính VAT: ☐ Xóa VAT: ☐ Thêm: ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế: ☐ Trạng thái hóa đơn: Chưa phát hành

Ký hiệu: C25YYY Phân bổ: 1. Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT không

Seri hoá đơn: 00000004 Tên cơ sở KD: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN HOÀNG LONG

Ngày hoá đơn: 26/04/2025 Địa chỉ: 101 Đỗ Bá, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Loại VAT: 8% Mã số thuế: 0402191675 TK n. hàng: Tên k. toán: Giảm thuế: ☐

Tiền hàng: 36,851,852 Chi chủ: Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 331 Vụ việc: Tổng hoá đơn: 39,800,000

Tiền chiết khấu: 0 Tiền hàng: 36,851,852 Tiền thuế: 2,948,148 Tổng hoá đơn: 39,800,000

Hàng hóa: VT_498 / tồn (kho CHĐH): 0.00 Activate

Khóa sổ / Mở sổ: Phiếu chi: Thẻ kho: Khóa DL: Thêm: Xóa phiếu: Phiếu nhập: Phiếu xuất: Phiếu VC: Phiếu KT: Quay ra

Hình ảnh 2.17: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 04

Đề xuất được số chi tiết tk (1542) ta thực hiện tương tự như kết xuất sổ chi tiết tk (1541), (xem ở trang 42)

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ						Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản 1542 - chi phí nhân công								
CHUNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ'	SỐ TIỀN		
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ	
				Tồn đầu kỳ		0		0
26/04	0000003	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 3	331	138.710.185		0
26/04	0000004	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 4	331	36.851.852		0
30/04	0000005	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 5	331	58.193.519		0
30/04	000005			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		36.851.852
31/05	0000006	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 6	331	458.451.852		0
31/05	000006			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		458.451.852
17/06	0000007	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 7	331	357.994.444		0
19/06	0000008	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 8	331	238.466.667		0
30/06	000010			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		238.466.667
31/08	000002			Trích lương, ăn ca vào phí	334	19.170.308		0
31/08	000004			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		357.994.444
30/09	000002			Trích lương, ca ăn vào phí	334	28.011.080		0
15/10	000001			Gia công biến báo và trợ đỡ biến báo các	3335	250.000		0
15/10	000001			Gia công biến báo và trợ đỡ biến báo các	331	2.250.000		0
31/10	000009			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		28.011.080
31/10	000010			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		2.500.000
12/12	025352	DUNG	Trần Đức Dũng	Chi trả khoản việc	3335	548.800		0
12/12	025352	DUNG	Trần Đức Dũng	Chi trả khoản việc	1111	4.939.200		0
15/12	0000012	NHL	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NGUYỄN	Nhập hàng theo HĐ 12	331	414.001.852		0
31/12	000007			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		414.001.852
31/12	000008			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		5.488.000
31/12	000008			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0		19.170.308
				Tổng cộng phát sinh		1.757.839.759		1.757.839.759
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1.757.839.759		1.757.839.759
				Số dư cuối kỳ		0		0
Người ghi sổ						Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
(Ký, họ tên)						Giám đốc		
Kế toán trưởng						(Ký, họ tên)		
(Ký, họ tên)								

Bảng 2.4: Sổ Chi tiết tài khoản TK 1542

Sổ Nhật ký chung (xem lại bảng 2.3)

Sổ cái (xem lại bảng 2.4)

2.2.3.3 Chi phí máy thi công

a. Nội dung

Chi phí sử dụng máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc sử dụng máy móc, thiết bị thi công nhằm phục vụ trực tiếp cho quá trình xây dựng công trình, hạng mục công trình. Đây là một trong những khoản mục chi phí quan trọng, góp phần quyết định đến tiến độ và chất lượng thi công.

Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm các khoản chi phí chủ yếu như: chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho máy (nhiên liệu, dầu mỡ...), chi phí khấu hao máy móc thiết bị thi công, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy và các chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến hoạt động của máy thi công.

Các chi phí này được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình và được hạch toán vào chi phí sử dụng máy thi công. Việc tập hợp và phân bổ hợp lý chi phí sử dụng máy thi công giúp doanh nghiệp xác định chính xác chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm xây lắp.

b.Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hợp đồng thuê máy thi công (nếu thuê ngoài)....

c. Tài khoản sử dụng :

Để hạch toán chi phí máy thi công, công ty sử dụng tài khoản 1543- Chi phí máy thi công. Và ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản liên quan như TK 111,112,331,133,...

d.Quy trình luân chuyển chứng từ

Khi phát sinh nhu cầu sử dụng máy thi công cho công trình, đội trưởng thi công thông báo cho bộ phận giám sát thuộc phòng kỹ thuật. Bộ phận này tổng hợp và trình Ban Giám đốc xem xét, phê duyệt. Sau khi được chấp thuận, Công ty điều động máy móc đến công trình để phục vụ thi công.

Trong trường hợp cần thuê thêm máy móc như máy xúc, máy đầm, đội trưởng thi công tiếp tục đề xuất với bộ phận kỹ thuật để trình Ban Giám đốc phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, Công ty tiến hành thuê máy từ đơn vị cung cấp dịch vụ để phục vụ thi công công trình. Căn cứ vào hợp đồng thuê máy (nếu có), biên bản nghiệm thu và hóa đơn giá trị gia tăng do đơn vị cung cấp dịch vụ gửi đến, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu và nhập liệu vào phần mềm kế toán.

Đồng thời, kế toán lập đề nghị thanh toán và trình Giám đốc phê duyệt để thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp.

Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết, Sổ Cái và các sổ kế toán có liên quan.

Trình diễn nghiệp vụ phát sinh:

Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000465 ngày 11/01/2025 của Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Hòa Khánh tại Đà Nẵng về việc cung cấp dầu phục vụ máy thi công cho công trình: “Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên các tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại”.

Giá trị hàng hóa chưa thuế là 272.727 đồng, thuế GTGT 10% tương ứng 27.273 đồng, tổng giá thanh toán là 300.000 đồng. Khoản chi này đã được thanh toán bằng tiền mặt. (phụ lục 04)

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 1	
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử		Ngày 11 tháng 01 năm 2025		Ký hiệu: C25TCQ	
				Số: 00000465	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP HÒA KHÁNH					
Địa chỉ: 14 Nguyễn Tri Phương, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam					
Cửa hàng: Xăng dầu Hòa Khánh 16 - Điện thoại: 0236 3622022 - Mã số thuế: 0 4 0 0 1 2 4 8 8 1					
Họ tên người mua hàng:					
Đơn vị mua hàng: Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ					
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.					
Điện thoại:					
Mã số thuế: 0 4 0 1 8 3 4 5 9 5					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
Số tài khoản:					
Mã của Cơ quan thuế: 0061401CE672A64FFAA46AC19978F8EAAB					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Diesel 0,05S-II	Lít	15,593	17.490,3482	272.727
Tổng cộng tiền hàng:					272.727
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 27.273
					Tổng tiền thanh toán: 300.000
Số tiền bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		
			Đã được ký điện tử bởi		
			CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP HÒA KHÁNH		
			Ngày: 11/01/2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - http://ehoadon.vn					
Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.ehoadon.vn . Mã tra cứu HDDT này: WEV5QJJHMT3					

Hình ảnh 2.19. Hóa đơn GTGT số 645

Từ hóa đơn mua hàng, kế toán tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán như sau: Tại giao diện ban đầu của phần mềm kế toán Trí Việt, kế toán chọn phân

hệ “Kế toán mua hàng và công nợ phải trả”. Sau đó, chọn chức năng “Cập nhật số liệu” và tiếp tục chọn mục “Phiếu nhập mua hàng” để tiến hành nhập thông tin chứng từ.

TRÍ VIỆT Accounting Office 10
 In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Version : 10.25.1231

Hỗ trợ trực tuyến | Cảm ơn >> | Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Cập nhật số liệu
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay	Cập nhật số liệu	Phiếu nhập hàng mua
Kế toán bán hàng và công nợ phải thu	Số kế toán công nợ phải trả	Phiếu nhập khẩu
Kế toán mua hàng và công nợ phải trả	Báo cáo nhập hàng	Phiếu nhập chi phí mua hàng
Kế toán hàng tồn kho		Phiếu nhập nguyên vật liệu
Kế toán chi phí và tính giá thành		
Kế toán tài sản cố định		Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp
Kế toán tổng hợp		
Báo cáo thuế GTGT		
Báo cáo tài chính		
Hệ thống		

Mã máy: 1441141131
 Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ
 Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
 Người sử dụng: Admin
 File dữ liệu: Z:\2025\Thanh Vu\thanh vu_2025.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions
 Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
 Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
 Website: www.phanmemtriviet.com
 Mail: thinhsoft@gmail.com

Hình ảnh 2.20: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 645

Sau đó, kế toán nhấn vào nút “Thêm” để tiến hành nhập chứng từ. Tiếp theo, kế toán nhập các thông tin cần thiết vào phần mềm, bao gồm: tên nhà cung cấp, ngày chứng từ, nội dung chi phí, số tiền, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn; đồng thời thực hiện hạch toán chi phí máy thi công vào TK1543

Sau khi hoàn tất việc nhập dữ liệu, kế toán tiến hành kiểm tra lại thông tin và nhấn nút “Quay ra”. Khi đó, dữ liệu chứng từ sẽ được phần mềm tự động lưu trữ và cập nhật vào Sổ nhật ký chung theo đúng ngày phát sinh, đồng thời cập nhật vào các sổ kế toán có liên quan.

Trường hợp cần sửa chứng từ, kế toán chọn chứng từ cần chỉnh sửa, nhấn nút “Sửa”, thực hiện điều chỉnh thông tin, sau đó nhấn “Quay ra”. Phần mềm sẽ tự động cập nhật lại số liệu vào sổ chi tiết tài khoản 1543 và sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái tài khoản 154.

Phiếu Nhập Mua : 25-01-511-40911 (F10 xem nhanh h: ng tên kho)

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: HOAKHANH Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồ
 Ngày CT: 11/01/2025 Số CT: 00000465 Hạn t. toán: 0
 Họ tên: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồ Nhân viên QL:
 Tên đơn vị: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồ Nhân viên Order:
 Địa chỉ: 14 Nguyễn Tri Phương, Phường Chính Gián, Quận TĐ Phương thức TT: Bằng tiền mặt
 Lý do chứng từ: Nhập hàng theo HD 00000465

Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu Bút toán này chi tiền mặt, chương trình không định khoản vào sổ cái !!!

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải	Mã vụ việc
VT_105	Diesel 0,05S-II	Lít	16	17,490	272,727	1543	1111	Nhập hàng theo HD 00000465	01/25 BD-TP

Record: 1 of 1

Tính VAT ☐ Xóa VAT ☐ Thêm ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế ☐ Trang thái hóa đơn Chưa phát hành
 Ký hiệu: C25TCQ Phân bố: 1. Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT không
 Sêri hoá đơn: 00000465 Tên cơ sở KD: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hồ
 Ngày hoá đơn: 11/01/2025 Địa chỉ: 14 Nguyễn Tri Phương, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thà
 Loại VAT: 10 Mã số thuế: 0400124881 TK n. hàng:
 Tiền hàng: 272,727 Tên hàng hoá: Tên k. toán:
 Tiền VAT: 27,273 Ghi chú: ☐ Giảm thuế
 Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 1111 Vụ việc:

Tiền chiết khấu: 0
 Tiền hàng: 272,727
 Tiền thuế: 27,273
 Tổng hoá đơn: 300,000
 Tổng hạch toán: 300,000

Hàng hóa: VT_105 / tên (kho CHÍNH) : 9,358.13

Khóa sổ / Mã số: Đã chi: Thê kho: Khoá DL: Thêm Xóa phiếu Phiếu nhập Phiếu xuất Phiếu VC Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Hình ảnh 2.21: Giao diện nhập chứng từ hóa đơn GTGT số 645

Đề xuất được sổ chi tiết tk (1543) ta thực hiện tương tự như kết xuất sổ chi tiết tk (1541), (xem ở trang 42)

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ					Mẫu số: S19-DNN		
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ					(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 1543 - chi phí máy							
CHUNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
03/01	030553	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khi PV	Chi mua dầu	1111	272,727	0
08/01	000001	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	272,727	0
11/01	030548	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	272,727	0
18/01	030549	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	272,727	0
23/01	030550	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	181,818	0
12/02	000158	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	272,727	0
13/02	000160	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khi PV	Chi mua dầu	1111	272,727	0
20/02	000161	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khi PV	Chi mua dầu	1111	363,636	0
26/02	000001	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	272,727	0
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
14/11	0022250	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khi PV	Chi mua dầu	1111	277,778	0
22/11	0012989	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	370,370	0
27/11	0013175	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	370,370	0
01/12	0013359	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	277,778	0
12/12	0024623	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khi PV	Chi mua dầu	1111	370,370	0
20/12	0025332	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khi PV	Chi mua dầu	1111	370,370	0
29/12	0014594	HOAKHANH	Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ	Chi mua dầu	1111	277,778	0
31/12	000007			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	3,870,399
Tổng cộng phát sinh						20,408,467	20,408,467
Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12						20,408,467	20,408,467
Số dư cuối kỳ						0	0
					Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc	

Bảng 2.5: Sổ chi tiết TK 1543

Sổ Nhật ký chung (xem lại bảng 2.3)

Sổ cái (xem lại bảng 2.4)

2.2.3.4 Chi phí sản xuất chung

a. Nội dung

Chi phí sản xuất chung trong doanh nghiệp xây lắp là những chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tổ chức, quản lý và phục vụ thi công tại các công trình, hạng mục công trình, ngoài ba khoản mục chi phí cơ bản là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sử dụng máy thi công. Đây là những chi phí mang tính chất gián tiếp nhưng có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động thi công được diễn ra liên tục và hiệu quả.

Chi phí sản xuất chung thường được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình và bao gồm nhiều khoản chi phí khác nhau. Cụ thể, chi phí nguyên vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng và phục vụ thi công; chi phí công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình xây lắp; chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí thí nghiệm vật tư, chi phí vận chuyển vật liệu đến công trình và các dịch vụ liên quan khác. Ngoài ra, chi phí sản xuất chung còn bao gồm chi phí tiền lương của bộ phận quản lý đội thi công, chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động thi công tại công trình.

Việc tập hợp và phân bổ hợp lý chi phí sản xuất chung có ý nghĩa quan trọng trong công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp, góp phần phản ánh chính xác chi phí thực tế phát sinh và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí tại doanh nghiệp.

b. Chứng từ sử dụng: phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT

c. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí sản xuất chung công ty sử dụng tài khoản 1544- Chi phí sản xuất chung. Và ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản liên quan như TK 152, 153, 111, 133, 331, ...

e. Quy trình luân chuyển chứng từ

Tại Công ty, các chứng từ như phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn mua hàng thông thường... liên quan đến chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm được tổng hợp đầy đủ. Căn cứ vào các chứng từ này, kế toán

tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán; phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ nhật ký chung, Sổ Cái và các sổ chi tiết có liên quan.

Trích dẫn nghiệp vụ phát sinh: Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000162 ngày 21/04/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đại Kỳ Phát về việc cung cấp dịch vụ thí nghiệm vật liệu xây dựng cho công trình: “Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại”, giá trị chưa thuế là 1.935.000 đồng, thuế GTGT 8% tương ứng 154.800 đồng, tổng giá thanh toán là 2.089.800 đồng.

Mã cơ quan thuế: 0082E76899DE6F43F78E8CBFEDA57BF667					
					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)					
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)					
Ký hiệu (Serial No): 1C25TKP Số (No.): 162					
Ngày (date) 21 tháng (month) 04 năm (year) 2025					
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐẠI KỲ PHÁT					
Mã số thuế (Tax code) : 0401603492					
Địa chỉ (Address) : 103 Mẹ Thử, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Điện thoại (Tel) : 02363 699 588 Email: congtydaikypat@gmail.com					
Số tài khoản (A/C No) : 0041000192808 tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Đà Nẵng					
: 02487214901 tại Ngân Hàng Tiên Phong Chi Nhánh Đà Nẵng					
Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):					
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ					
Địa chỉ (Address): 59 Lê Văn Linh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
Mã số thuế (Tax code): 0401834595					
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) – (4) x (5)
	Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình: Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường ATGT trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại				
1	Thí nghiệm kéo thép F6	Tổ mẫu	1	60.000	60.000
2	Thí nghiệm uốn thép	Tổ mẫu	1	40.000	40.000
3	Thí nghiệm thép hộp, thép hình, thép tấm	Tổ mẫu	3	120.000	360.000
4	Thí nghiệm bu lông	Tổ mẫu	1	200.000	200.000
5	Ép mẫu bê tông xi măng 15x15x15	Tổ mẫu	2	60.000	120.000
6	Thiết kế thành phần bê tông xi măng M200 đá 1x2 có phụ gia	Mác	1	300.000	300.000
7	Thí nghiệm cơ lý xi măng	Mẫu	1	200.000	200.000
8	Thí nghiệm cát	Mẫu	1	150.000	150.000
9	Thí nghiệm đá 1x2	Mẫu	1	200.000	200.000
10	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn	Mẫu	1	250.000	250.000
11	Đo K rót cát	Điểm	1	55.000	55.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.935.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 154.800
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					2.089.800
Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)		
			Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐẠI KỲ PHÁT Ngày ký: 21 / 04 / 2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Hình ảnh 2.22: Hóa đơn GTGT 162

Kế toán xác định đây là chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ thi công công trình. Căn cứ vào hóa đơn, kế toán tiến hành nhập các thông tin cần thiết vào phần mềm kế toán như sau: Tại giao diện ban đầu của phần mềm kế toán Trí Việt, kế toán chọn phân hệ “Kế toán mua hàng và công nợ phải trả”. Sau đó, chọn chức năng “Cập nhật số liệu” và tiếp tục chọn mục “Phiếu nhập mua hàng” để tiến hành nhập thông tin chứng từ

Hình ảnh 2.23: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 162

Sau đó, kế toán nhấn vào nút “Thêm” để tiến hành nhập chứng từ. Tiếp theo, kế toán nhập các thông tin cần thiết vào phần mềm, bao gồm: tên nhà cung cấp, ngày chứng từ, nội dung chi phí, số tiền, ký hiệu hóa đơn và số hóa đơn; đồng thời thực hiện hạch toán chi phí sản xuất chung vào TK 1544.

Sau khi hoàn tất việc nhập dữ liệu, kế toán tiến hành kiểm tra lại thông tin và nhấn nút “Quay ra”. Khi đó, dữ liệu hóa đơn mua hàng sẽ được phần mềm tự động lưu trữ và cập nhật vào Sổ nhật ký chung theo đúng ngày phát sinh, đồng thời cập nhật vào các sổ kế toán có liên quan.

Trường hợp cần sửa chứng từ, kế toán chọn chứng từ cần chỉnh sửa, nhấn nút “Sửa”, thực hiện điều chỉnh thông tin, sau đó nhấn “Quay ra”. Phần mềm sẽ tự động cập nhật lại số liệu vào sổ chi tiết tài khoản 1544 và sổ nhật ký chung, và từ sổ nhật ký chung lên sổ Cái tài khoản 154.

Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: DKP, Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát

Họ tên: Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát

Tên đơn vị: Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát

Địa chỉ: 103 Mẹ Thứ, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Lý do chứng từ: Nhập hàng theo HĐ 162

Ngày CT: 21/04/2025, Số CT: 0000162, Hạn t. toán: 0

Nhân viên QL: , Nhân viên Order: , Phương thức TT: Ghi sổ công nợ

Chi tiết

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải	Mã vụ việc
VT_490	Thí nghiệm vật liệu xây dựng cơ		0	0	0	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
VT_236	Thí nghiệm kéo thép F6	Tổ mẫu	1	60,000	60,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
TN UONTHI	thí nghiệm uốn thép	tổ mẫu	1	40,000	40,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
VT_491	Thí nghiệm thép hộp, thép hình	Tổ mẫu	3	120,000	360,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
VT_492	Thí nghiệm bu lông	Tổ mẫu	1	200,000	200,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
VT_493	Ép mẫu bê tông xi măng 15x15x	Tổ mẫu	2	60,000	120,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
VT_494	Thiết kế thành phần bê tông xi măng	Mác	1	300,000	300,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
VT_436	Thí nghiệm cơ lý xi măng	Mẫu	1	200,000	200,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
TNC	thí nghiệm cát	mẫu	1	150,000	150,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP
TND1x2	Thí nghiệm đá 1x2	mẫu	1	200,000	200,000	1544	331	Nhập hàng theo HĐ 162	01/25 BD-TP

Record: 1 of 12

Tính VAT: ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế

Ký hiệu: C2STKP, Phân bổ: 1.Hàng hóa, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT không

Seri hoá đơn: 00000162, Tên cơ sở KD: Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát

Ngày hoá đơn: 21/04/2025, Địa chỉ: 103 Mẹ Thứ, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Loại VAT: 8%, Mã số thuế: 0401603492, TK n.hàng: , Tên k.toán: , Tên hàng hoá: , Ghi chú: , Thuế - Ghi Nợ: 1331, Ghi Có: 331, Vụ việc: ,

Tiền chiết khấu: 0, Tiền hàng: 1,935,000, Tiền thuế: 154,800, Tổng hoá đơn: 2,089,800, Tổng hạch toán: 2,089,800

Hàng hóa: VT_490 / tồn (kho CHINH) : 0.00

Activate

Khóa sổ / Mở sổ, Phiếu chi, Thẻ kho, Khoá DL, Thêm, Xóa phiếu, Phiếu nhập, Phiếu xuất, Phiếu VC, Phiếu KT, Quay ra

Hình ảnh 2.24: Giao diện Nhập chứng từ hóa đơn GTGT 162

Đề xuất được sổ chi tiết tk (1544) ta thực hiện tương tự như kết xuất sổ chi tiết tk (1541), (xem ở trang42)

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ						Mẫu số: S19-DNN	
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ						(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)	
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản 1544 - chi phí sản xuất chung							
CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	40.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	55.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	60.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	120.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	150.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	200.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	200.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	200.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	250.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	300.000	0
21/04	0000162	DKP	Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Đại Kỳ Phát	Nhập hàng theo HĐ 162	331	360.000	0
30/04	000005			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	1.935.000
26/05	0000592	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 592	331	1.944.444	0
26/05	0000592	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 592	331	3.888.889	0
26/05	0000592	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 592	331	20.277.778	0
31/05	000006			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	8.200.000
11/06	0000100	4001189933	CÔNG TY TNHH TMDV MINH - THỦY	Thanh toán tiền hóa đơn số 100 ngày 11	1111	8.200.000	0
13/06	0000109	4001189933	CÔNG TY TNHH TMDV MINH - THỦY	Thanh toán tiền hóa đơn số 109 ngày 13	1111	8.200.000	0
18/06	0000703	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 703	331	5.629.630	0
18/06	0000703	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 703	331	8.145.833	0
19/06	0000136	4001189933	CÔNG TY TNHH TMDV MINH - THỦY	Thanh toán tiền hóa đơn số 136 ngày 19	1111	8.200.000	0
19/06	0000708	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 708	331	8.145.833	0
20/06	0000717	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 717	331	5.629.630	0
20/06	0000717	THINGHIEM	Viện Chuyên Ngành Vật Liệu Xây Dựng	Nhập hàng theo HĐ 717	331	8.145.833	0
24/07	00017330	OIL	CN Công Ty CP Xăng Dầu Dầu Khí PV	Chi mua xăng	1111	833.333	0
31/08	000004			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	79.041.203
Tổng cộng phát sinh						89.176.203	89.176.203
Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12						89.176.203	89.176.203
Số dư cuối kỳ						0	0
Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)			

Bảng 2.6: Sổ Chi tiết TK 1544

Sổ Nhật ký chung (xem lại bảng 2.3)

Sổ cái (xem lại bảng 2.4)

2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

2.2.4.1 Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

Đối tượng tính giá thành tại Công ty là từng công trình, hạng mục công trình hoặc từng giai đoạn hoàn thành của công trình, hạng mục công trình, tùy thuộc vào phương thức thanh toán đã thỏa thuận giữa chủ đầu tư và Công ty.

Đối với công trình: “Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại”, đối tượng tính giá thành được xác định là toàn bộ công trình khi hoàn thành.

Kỳ tính giá thành: Tại Công Ty TNHH Xây dựng Công trình và Phát triển Giao thông Thanh Vũ, kỳ tính giá thành thường được xác định là khi công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành và được bàn giao. Ngoài ra, Công ty lựa chọn kỳ tính giá thành theo năm để phục vụ công tác quản lý và hạch toán.

Cụ thể, đối với công trình: “Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại”, kỳ tính giá thành được xác định là theo năm.

2.2.4.2 Tổng hợp chi phí sản xuất tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

Kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo định kỳ cuối năm. Toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến các công trình được tập hợp vào các sổ chi tiết của tài khoản 154.

Cuối kỳ, kế toán Công ty thực hiện tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đối với công trình: “Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại”. Khi công trình được nghiệm thu, bàn giao cho chủ đầu tư, kế toán tiến hành tổng hợp chi phí và xác định giá thành thực tế của công trình.

Kế toán sử dụng các tài khoản chi tiết của TK 154 để tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ và tính giá thành sản phẩm hoàn thành. Tài khoản 154 không chỉ phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ mà còn phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ chuyển sang và giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau. Tổng phát sinh bên Có của tài khoản 154 là giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kỳ.

2.2.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

Trong kỳ, những công trình hoặc hạng mục công trình chưa hoàn thành, hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu, đều được coi là sản phẩm dở dang.

Tại Công ty, việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ được áp dụng theo phương pháp chi phí thực tế. Theo phương pháp này, chi phí dở dang của công trình, hạng mục công trình là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh từ khi bắt đầu thi công cho đến thời điểm cuối kỳ kế toán. Khi công trình hoàn thành và được nghiệm thu, bàn giao, kế toán sẽ kết chuyển toàn bộ chi phí đã tập hợp vào giá vốn của công trình.

Đối với công trình: “Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại”, được ký kết hợp đồng ngày 08/01/2025 và hoàn thành vào ngày 26/04/2025, do đó tại thời điểm cuối kỳ không phát sinh sản phẩm dở dang.

2.2.4.4 Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công Ty TNHH xây dựng công trình và phát triển giao thông Thanh Vũ

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{sản phẩm} & & \text{phẩm dở dang} & & \text{xuất phát} & & \text{dở dang cuối kỳ} \\ \text{xây lắp} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{sinh trong} & - & \\ & & & & \text{kỳ} & & \end{array}$$

Tính giá thành là một khâu hết sức quan trọng, để xác định giá thành một cách nhanh chóng, chính xác, thì ngoài việc xác định đúng đối tượng và kỳ tính giá thành thì còn cần phải lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp. Xuất phát từ yêu cầu đó, công ty đã áp dụng phương pháp giản đơn (Phương pháp trực tiếp)

để tính giá thành cho công trình khi công trình hoàn thành. Công thức tính như sau:

Đối với công trình Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá – Nguyễn Văn Thoại:

- Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ :	0
- Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ:	218.707.116
- Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:	0

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ được phân theo các khoản mục như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 178.647.538 đồng
- Chi phí nhân công trực tiếp: 36.851.852 đồng
- Chi phí sử dụng máy thi công: 1.272.726 đồng
- Chi phí sản xuất chung: 1.935.000 đồng
- Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ:

$$= 178.647.538 + 36.851.852 + 1.272.726 + 1.935.000$$

$$= 218.707.116 \text{ đồng}$$

Giá thành sản phẩm sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường an toàn giao thông trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại:

$$= 0 + 218.707.116 + 0$$

$$= 218.707.116$$

Để tập hợp chi phí trên phần mềm, trước tiên kế toán truy cập vào phân hệ Kế toán chi phí và tính giá thành, sau đó lựa chọn chức năng cập nhật số liệu các mã vụ việc. Tiếp theo, kế toán vào danh mục vụ việc để thiết lập mã công trình và tên công trình tương ứng trên hệ thống phần mềm kế toán.

Trong quá trình hạch toán các chứng từ như hóa đơn, phiếu chi, phiếu xuất kho,... kế toán cần xác định chi phí phát sinh thuộc công trình nào để gán mã công trình tương ứng trên phần mềm.

Cuối kỳ, phần mềm kế toán sẽ tự động tổng hợp toàn bộ chi phí đã ghi nhận và thực hiện tính giá thành cho từng công trình

TRÍ VIỆT Accounting Office 10
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà cung cấp dịch vụ Bkav, Viettel, VNPT, Vina, Mobifone ...

Hỗ trợ trực tuyến
Version : 10.25.1231
Cảm ơn >>
Log Off

Các phân hệ nghiệp vụ	Kế toán chi phí và tính giá thành	Cập nhập số liệu của các vụ việc
Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay Kế toán bán hàng và công nợ phải thu Kế toán mua hàng và công nợ phải trả Kế toán hàng tồn kho Kế toán chi phí và tính giá thành Kế toán tài sản cố định Kế toán tổng hợp Báo cáo thuế GTGT Báo cáo tài chính Hệ thống	Cập nhập số liệu của các vụ việc Báo cáo theo Vụ việc Báo cáo giá thành công trình xây lắp Báo cáo chi phí theo tiểu khoản	Danh mục vụ việc

Mã máy: 1441141131
Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
Người sử dụng: Admin
 File dữ liệu: C:\Users\admin\Downloads\thanh vu_2025.mdb

Copyright © 2003-2020 TRÍ VIỆT Software Solutions
 Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
 Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
 Website : www.phanmemtriviet.com
 Mail : thinhssoft@gmail.com

Hình ảnh 2.26: Giao diện nhập mã vụ việc công trình

Mã vụ việc	Tên vụ việc	TK chi phí	Số dư nợ	Ngày kết thúc
87/2023/HĐGK	87/2023/HĐGK kê vạch phân định sử dụng vỉa hè		0	
01/24 - PTN	01/24 - PTN Biển báo và Sơn dẻo		0	
01/25 BD-TP	01/25 Nút Bạch Đằng, Trần Phú , Đỗ Bá, NVT		0	
01/25DHT	01/25 DHT quy đất dọc tuyến quốc lộ 1A		0	
01112025	01112025 Tuyến đường Trần Hưng Đạo		0	
02/HD XD/23	02/HD XD/23 - Sơn kê vạch - Đường Việt		0	
0204-2025-TVH	0204-2025-TVH SC hư hỏng cầu Thuận Phước		0	
0211/22	0211/22 Trường Quận Sự		0	
0321CLTH	0321 Công trình Chu lai Trường Hải		0	01/01/2021
0401/22/T-TV	0401/22/T-TV Tổ chức giao thông		0	
0412-PHONG KTDT	0412-Lắp đặt biển báo trên tuyến đường Tôn Đức		0	
0601/2023PVT	0601/2023PVT Phục vụ tết Nguyên đán 2023		0	
0605/22-KTV	Sửa chữa hệ thống ATGT tuyến QL 1		0	
0612/22	0612/22 Nút NHT - Duy Tân - Lê Đình Lý		0	
07.2024-DG	07.2024-DG in ấn phục vụ mục tiêu quốc gia ĐG		0	
07/24 PVT	07/24 PVT Công trình Phục vụ tết nguyên đán		0	
08.2024-DG	08.2024-DG Thuê âm Thanh mục tiêu quốc gia ĐG		0	
0808/2022	0808/2022 Công trình Trụ tên đường		0	
09.2024-DG	09.2024-DG giải khát mục tiêu Quốc Gia ĐG		0	
0907/22/DCS-TV	0907/22/DCS-TV lắp đặt BB và Sơn		0	
10.07.24.TT	Sơn kê vạch		0	
10.10-2024	10.10-2024 Gia công cắt mang biển hiệu		0	
10.10-TTD	10.10-TTD nút Nguyễn Lương Bằng		0	
10.5.23	10.5.23 Sơn trắng đỏ bó vỉa - TT Nghề		0	
101-24	101-24 TCGT Tôn Đức Thắng - NTB - NVC - T Chinh		0	
110-23	110-23 ctrình sơn lại vạch sơn bị mờ		0	
1110/HDKT NH	1110/HDKT NH Công trình Hồ Xuân Hương		0	
113A-LS	113A-LS Thay thế dải phân cách NTP-NVL-VNG		0	
114A/2023	114A/2023 lan Can đường Bạch Đằng- Hoàng Sa		0	
1208A/2025/HĐKT/K	SC, bổ sung giải pháp ATGT quận sơn trà		0	
1209 TV-KTV	1209 sơn kê vạch lắp đặt biển báo QCVN 41 /2016		0	01/01/2020
122-2024	122-2024 Phân Lãm Đường Như Nguyệt - Bạch Đằng		0	
1281067	1281067 Sơn đường Premo Viet Nam		0	

Hình ảnh 2.27: Giao diện nhập mã vụ việc công trình

Để kết xuất dữ liệu tổng hợp chi phí và giá thành sản xuất kinh doanh, kế toán truy cập vào phân hệ kế toán chi phí và tính giá thành trên phần mềm kế toán. Tại đây, kế toán lựa chọn mục Báo cáo giá thành công trình xây lắp, sau đó tiếp

tục chọn chức năng “Tổng hợp chi phí sản xuất theo công trình” và thực hiện lệnh kết xuất dữ liệu.

Trên cơ sở các thông tin đã được cập nhật và ghi nhận trong kỳ, phần mềm kế toán sẽ tự động tổng hợp chi phí sản xuất theo từng công trình, đồng thời thực hiện tính giá thành tương ứng cho từng đối tượng chịu chi phí. Kết quả được trình bày dưới dạng các báo cáo chi tiết và cho phép kết xuất ra tệp Excel

Hình ảnh 2.28: Xuất dữ liệu và tính giá thành

Hình ảnh 2.29: Xuất dữ liệu và tính giá thành

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ										
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ										
TỔNG HỢP CHI PHÍ GIÁ THÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH										
Năm 2025										
STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	VẬT LIỆU (1541)	NHÂN CÔNG (1542)	MÁY (1543)	1544	CHUNG (154*)	TỔNG CHI PHÍ PHÁT SINH	DỜ DANG ĐẦU KỲ	KẾT CHUYỂN GIÁ VỐN (632)	DỜ DANG CUỐI KỲ
1	01/25 DHT quỹ đất dọc tuyến quốc lộ 14	33.966.400	0	0	0	0	33.966.400	0	33.966.400	0
2	01/25 Nút Bạch Đằng, Trần Phú, Đỗ Bá	178.647.538	36.851.852	1.272.726	1.935.000	0	218.707.116	0	218.707.116	0
3	0111/2025 Tuyến đường Trần Hưng Đạo	22.756.438	0	0	0	0	22.756.438	0	22.756.438	0
4	0204-2025-TVH SC hư hỏng cầu Thuận	391.245.481	58.193.519	3.272.724	0	0	452.711.724	0	452.711.724	0
5	0412-Lắp đặt biển báo trên tuyến đường	47.401.078	0	0	0	0	47.401.078	0	47.401.078	0
6	1281067 Sơn đường Premo Việt Nam	14.443.425	0	0	0	0	14.443.425	0	14.443.425	0
7	16.01.2025 Công trình Tết Nguyên Đán	0	138.710.185	3.363.633	0	0	142.073.818	0	142.073.818	0
8	183A/2025 QTP-TV SC thay thế trụ biến	47.270.234	28.011.080	1.296.296	0	0	76.577.610	0	76.577.610	0
9	192/2025 Sơn lại vạch sơn bị mờ	1.218.103.982	414.001.852	3.870.399	0	0	1.635.976.233	0	1.635.976.233	0
10	240905 - Nhà máy Tucai Việt Nam	20.936.000	5.488.000	0	0	0	26.424.000	0	26.424.000	0
11	25/2025 Chào mừng 95 năm thành lập Đ	95.756.584	0	0	0	0	95.756.584	0	95.756.584	0
12	2804/2025 Sửa chữa, thay thế và gắn biê	59.844.641	0	0	0	0	59.844.641	0	59.844.641	0
13	46-2025 Dọc 2 bờ Sông Hàn	1.215.743.110	458.451.852	2.272.725	8.200.000	0	1.684.667.687	0	1.684.667.687	0
14	56.2025 ATGT Quận, huyện đợt 2 năm 2	1.303.827.293	357.994.444	5.059.964	79.041.203	0	1.745.922.904	0	1.745.922.904	0
15	68.2-25 TTD Đường Nam Kỳ Khởi Nghiê	10.387.198	0	0	0	0	10.387.198	0	0	10.387.198
16	Biển báo Thánh Quán	8.294.546	2.500.000	0	0	0	10.794.546	0	10.794.546	0
17	HD14/25 TT Tuyến đường TX Hòa Nhon	10.387.198	0	0	0	0	10.387.198	0	0	10.387.198
18	SC, bổ sung giải pháp ATGT quận son trà	40.717.460	19.170.308	0	0	0	59.887.768	0	59.887.768	0
19	TOANTRUNG 2026 Cầu vượt Ngã Ba H	464.214.763	238.466.667	0	0	0	702.681.430	0	702.681.430	0
20	VUVAN2025 Sơn dẻo nhiệt	47.533.704	0	0	0	0	47.533.704	0	47.533.704	0
TỔNG CỘNG		5.231.477.073	1.757.839.759	20.408.467	89.176.203	0	7.098.901.502	0	7.078.127.106	20.774.396
NGƯỜI LẬP BIỂU KẾ TOÁN TRƯỞNG Ngày.....tháng.....năm..... GIÁM ĐỐC										

Bảng 2.7: Bảng tổng hợp chi phí giá thành sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ												
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ												
SỐ CHI TIẾT CÔNG TRÌNH 154												
Năm 2025												
Vụ việc : 01/25 BD-TP - 01/25 Nút Bạch Đằng, Trần Phú , Đỗ Bá, NVT												
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Mã KH	DIỄN GIẢI	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Vật tư (1541*)	Nhân công (1542*)	Máy (1543*)	Phi Chung (154*)	Ket chuyen (632*)
	Số hiệu	Ngày tháng										
45660	030553	03/01	OIL	Chi mua dầu			0			272.727		
45664	0000137	07/01	JOTON	JONES® EPO(A)-EPP72RXA-00K16	Thùng	4	2.152.727	8.610.909				
45664	0000137	07/01	JOTON	JONES® EPO(B)-EPP72RXB-00K4	Lon	4	538.182	2.152.727				
45664	0000137	07/01	JOTON	Dung môi JT-300-TN300-L5	Lon	2	357.728	715.455				
45665	000001	08/01	HOAKHANH	Chi mua dầu			0			272.727		
45667	000972	10/01	HMSSTONE	Đá Granite đánh bóng mặt mặt	M2	72	800.000	57.600.000				
45668	000001	11/01	KHO	Thép D 16	kg	70	15.896	1.112.740				
45668	000001	11/01	KHO	Thép ống kẽm	kg	80	21.123	1.689.820				
45668	030548	11/01	HOAKHANH	Chi mua dầu			0			272.727		
45669	000967	12/01	THUANDUC	Sơn phân quang vàng EASYLINE	Kg	375	17.600	6.600.000				
45669	000967	12/01	THUANDUC	Sơn phân quang trắng Brightline TCVN	Kg	300	18.000	5.400.000				
45671	0000038.	14/01	THUANDUC	Màng phân quang 3M - seri 3935 màu xanh	Mét	5	535.000	2.675.000				
45671	0000038.	14/01	THUANDUC	Thùng giám chắn bằng nhựa HDPE kích thước 700*800*900 mm (có rãnh thoát nước)	Bộ	1	4.100.000	4.100.000				
45672	030555	15/01	QTK	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000014			0	5.576.727				
45675	000968	18/01	THUANDUC	Sơn phân quang vàng DPI y (bs)	Kg	2.500	20.800	52.000.000				
45675	000968	18/01	THUANDUC	Sơn phân quang vàng EASYLINE	Kg	100	17.600	1.760.000				
45675	000968	18/01	THUANDUC	Sơn lót Prime	Lon	126	65.000	8.190.000				
45675	030549	18/01	HOAKHANH	Chi mua dầu			0			272.727		
45680	030550	23/01	HOAKHANH	Chi mua dầu			0			181.818		
45682	030556	25/01	QTK	Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000038			0	4.663.636				
45668	000969	11/03	THUANDUC	Sơn phân quang trắng EASYLINE	Kg	75	17.000	1.275.000				
45668	000969	11/03	THUANDUC	Sơn phân quang vàng EASYLINE	Kg	300	17.600	5.280.000				
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm kéo thép F6	Tổ mẫu	1	60.000				60.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm uốn thép	Tổ mẫu	1	40.000				40.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm thép hợp, thép hình, thép tấm	Tổ mẫu	3	120.000				360.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm bu lông	Tổ mẫu	1	200.000				200.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Ép mẫu bê tông xi măng 15x15x15	Tổ mẫu	2	60.000				120.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thiết kế thành phần bê tông xi măng M200 đá 1x2 có phụ	Mẫu	1	300.000				300.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm cơ lý xi măng	Mẫu	1	200.000				200.000	
45768	0000162	21/04	DKP	thi nghiệm cắt	mẫu	1	150.000				150.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm đá 1x2	mẫu	1	200.000				200.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Thi nghiệm đầm nền tiêu chuẩn	mẫu	1	250.000				250.000	
45768	0000162	21/04	DKP	Đo K. rút cắt	Điểm	1	55.000				55.000	
45773	0000004	26/04	NHL	GT nhân công CT. SC bổ sung hạng mục tăng cường ATGT		0	0		36.851.852			
45790	0000005	30/04		Kết chuyển chi phí sản xuất								218.707.116
Tổng cộng						4.028		178.647.538	36.851.852	1.272.726	1.935.000	218.707.116
								Dờ dang đầu kỳ		0		
								Tổng chi phí		218.707.116		
								Xuất công trình		218.707.116		
								Cuối kỳ		0		
Người lập biểu												218.707.116
.....Ngày.....tháng.....năm.....												
Kế toán trưởng												

Bảng 2.8: Số chi tiết công trình 154

CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CHUNG MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ

3.1. Nhận xét chung tổ chức công tác kế toán tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ.

Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức tương đối phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động, góp phần xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kịp thời và hạn chế sai sót.

Các nhân viên kế toán được phân công theo từng phần hành cụ thể, đảm bảo tính chuyên môn hóa trong công việc, đồng thời có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận nhằm nâng cao độ chính xác của thông tin kế toán.

Bên cạnh đó, các nhân viên đều nắm được quy trình chung, giúp công việc được duy trì liên tục, không bị gián đoạn khi có sự thay đổi hoặc vắng mặt nhân sự.

3.1.1. Ưu điểm.

3.1.1.2. Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Việc tổ chức theo dõi và tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp riêng biệt cho từng công trình, hạng mục công trình giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ chi phí phát sinh tại từng đối tượng cụ thể. Nhờ đó, kế toán có thể xác định chính xác lượng vật tư đã sử dụng, hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu trong quá trình thi công.

Cách hạch toán này còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh giữa chi phí thực tế và dự toán ban đầu, từ đó giúp nhà quản lý kịp thời phát hiện các chênh lệch và đưa ra biện pháp điều chỉnh phù hợp. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Việc tập hợp chi phí rõ ràng theo từng công trình còn giúp cho công tác tính giá thành được thực hiện một cách chính xác, minh bạch, phục vụ tốt cho việc lập báo cáo tài chính cũng như đánh giá hiệu quả của từng công trình, hạng mục công trình. Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp đưa ra quyết định trong đấu thầu và quản lý chi phí trong các dự án tiếp theo.

b. Chi phí nhân công trực tiếp

Việc ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp dựa trên các chứng từ hợp lệ như bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương và hợp đồng thuê nhân công ngoài giúp đảm bảo tính minh bạch, chính xác và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nhờ đó, số liệu kế toán phản ánh đúng thực tế phát sinh, hạn chế sai sót và tạo độ tin cậy cao trong công tác hạch toán.

Bên cạnh đó, việc tổ chức theo dõi chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí lao động, đồng thời đánh giá được hiệu quả sử dụng nhân công tại từng công trình cụ thể. Điều này hỗ trợ nhà quản lý trong việc phân tích năng suất lao động và đưa ra các quyết định điều chỉnh kịp thời.

Ngoài ra, việc sử dụng lao động thuê ngoài mang lại sự linh hoạt trong bố trí nhân lực theo từng giai đoạn thi công, giúp doanh nghiệp chủ động đáp ứng tiến độ công trình mà không phát sinh chi phí cố định lớn. Điều này góp phần tiết kiệm chi phí, tối ưu nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

c. Chi phí máy thi công

Chi phí máy thi công như nhiên liệu, sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận khá đầy đủ và kịp thời nên phản ánh sát với tình hình sử dụng máy móc tại công trình. Nhờ đó, kế toán và quản lý có thể theo dõi được mức tiêu hao, phát hiện những trường hợp sử dụng chưa hợp lý để điều chỉnh.

Công ty chủ yếu dùng máy có sẵn, ít phải thuê ngoài nên giảm được một khoản chi phí đáng kể trong quá trình thi công. Điều này giúp hạ giá thành công trình và tăng hiệu quả sản xuất.

Các khoản chi này được tập hợp rõ ràng cũng giúp doanh nghiệp dễ kiểm soát, phục vụ cho việc quản lý chi phí và đưa ra quyết định phù hợp trong quá trình thi công cũng như các công trình sau

d. Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung tại Công ty được tập hợp khá đầy đủ, bao gồm các khoản như chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thí nghiệm vật liệu và các chi phí phục vụ chung cho hoạt động thi công. Việc ghi nhận tương đối kịp

thời giúp phản ánh đúng các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thi công.

Một số khoản chi phí được hạch toán trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình nên giúp theo dõi chi phí cụ thể, hạn chế tình trạng phân bổ dàn trải. Nhờ đó, số liệu chi phí có độ sát thực tế cao hơn, phục vụ tốt cho việc quản lý và kiểm soát chi phí tại từng công trình.

Việc tập hợp chi phí rõ ràng cũng giúp kế toán thuận tiện trong việc tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, đồng thời cung cấp thông tin cần thiết để đánh giá hiệu quả thi công của từng công trình.

3.1.1.3. Về tính giá thành sản phẩm

a. Đối tượng tính giá thành

Việc xác định đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình hoặc theo khối lượng xây lắp hoàn thành từng giai đoạn là phù hợp với đặc điểm thi công kéo dài của ngành xây dựng. Cách làm này giúp doanh nghiệp theo dõi chi phí theo từng phần việc cụ thể, tránh dồn chi phí vào cuối kỳ gây khó kiểm soát.

Nhờ xác định rõ đối tượng tính giá thành, kế toán có thể tập hợp chi phí chi tiết cho từng công trình, từ đó tính giá thành sát với thực tế phát sinh. Điều này giúp số liệu rõ ràng, dễ đối chiếu và hạn chế sai lệch trong quá trình tổng hợp.

Cách xác định này còn thuận lợi cho việc nghiệm thu, thanh toán theo từng giai đoạn với chủ đầu tư, đồng thời giúp doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả thi công của từng công trình để rút kinh nghiệm cho các công trình sau.

b. Phương pháp tính giá thành

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo công trình (hay còn gọi là phương pháp trực tiếp). Theo phương pháp này, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến công trình nào sẽ được tập hợp trực tiếp cho công trình đó.

Khi hạng mục công trình hoàn thành, kế toán tiến hành tổng hợp toàn bộ chi phí đã tập hợp để xác định giá thành thực tế. Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với đặc điểm thi công riêng lẻ của từng công trình xây lắp.

Việc áp dụng phương pháp này giúp đảm bảo tính chính xác của giá thành sản phẩm, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh giữa chi phí thực tế và dự toán ban đầu, từ đó phục vụ công tác phân tích và kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp

3.1.1.4. Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ cấu tổ chức tương đối gọn nhẹ, giúp việc chỉ đạo và quản lý được thực hiện thống nhất, xuyên suốt.

Các nhân viên kế toán được phân công theo từng phần hành cụ thể, tạo điều kiện chuyên môn hóa trong công việc, từ đó nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ. Đồng thời, các kế toán viên vẫn có khả năng nắm bắt công việc của nhau, góp phần đảm bảo tính liên tục trong công tác kế toán khi có sự biến động về nhân sự.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, đối chiếu giữa các phần hành bước đầu được chú trọng, góp phần hạn chế sai sót và nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán.

3.1.1.5. Về chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty được xây dựng tương đối đầy đủ, tuân thủ đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC. Các loại chứng từ được sử dụng phù hợp với từng nội dung kinh tế phát sinh, đảm bảo phản ánh trung thực, hợp lý và có căn cứ pháp lý rõ ràng.

Quy trình lập, kiểm tra và luân chuyển chứng từ được tổ chức một cách khoa học, có sự phân công trách nhiệm cụ thể giữa các bộ phận liên quan. Các chứng từ trước khi ghi sổ đều được kiểm tra về tính hợp pháp, hợp lệ và hợp lý, qua đó góp phần hạn chế sai sót và gian lận trong quá trình hạch toán.

Bên cạnh đó, việc sử dụng chứng từ còn gắn liền với yêu cầu quản lý thực tế tại doanh nghiệp, đặc biệt trong hoạt động xây lắp. Các chứng từ như phiếu xuất kho, bảng nghiệm thu khối lượng, hóa đơn GTGT... được lập đầy đủ, kịp thời, giúp kế toán theo dõi chính xác tình hình chi phí phát sinh tại từng công trình, hạng mục công trình.

3.1.1.3. Về hình Thức ghi sổ kế toán và phần mềm kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, đây là hình thức ghi sổ phổ biến và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Theo hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế, sau đó được phân loại và chuyển vào ô Cái theo từng tài khoản. Việc tổ chức ghi sổ như vậy giúp đảm bảo tính logic, minh bạch và thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Bên cạnh đó, hình thức Nhật ký chung còn rất phù hợp với việc ứng dụng phần mềm kế toán. Công ty đã triển khai sử dụng phần mềm trong công tác hạch toán, giúp tự động hóa quá trình ghi sổ, giảm thiểu sai sót do ghi chép thủ công và nâng cao hiệu quả xử lý thông tin kế toán.

Phần mềm kế toán hỗ trợ kế toán trong việc nhập liệu, xử lý và tổng hợp số liệu một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Các nghiệp vụ phát sinh được cập nhật trực tiếp vào hệ thống, từ đó phần mềm có thể tự động kết xuất sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo yêu cầu quản lý.

Ngoài ra, việc lưu trữ dữ liệu trên phần mềm giúp đảm bảo an toàn thông tin, thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra khi cần thiết, đồng thời phục vụ tốt cho công tác quyết toán và làm việc với cơ quan chức năng. Qua đó, góp phần giảm tải khối lượng công việc thủ công và nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác kế toán tại đơn vị.

3.1.2. Hạn chế

3.1.2.1. Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Mặc dù chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã được công ty tổ chức theo dõi và tập hợp cho từng công trình, hạng mục công trình, tuy nhiên việc mua vật tư và giao thẳng đến công trường, không thông qua kho dự trữ, khiến công tác kiểm soát vật tư gặp nhiều khó khăn. Trong thực tế, phương thức này dễ dẫn đến tình trạng hao hụt, thất thoát hoặc sử dụng vật tư không đúng mục đích mà khó phát hiện kịp thời.

Bên cạnh đó, do nhu cầu vật tư phát sinh không đồng đều theo từng giai đoạn thi công, nên chi phí nguyên vật liệu thực tế có thể vượt so với dự toán ban đầu, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

b. Chi phí nhân công trực tiếp

Hiện nay, chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty chưa được tập hợp riêng cho từng công trình, hạng mục công trình mà chủ yếu hạch toán chung vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Cách làm này giúp đơn giản hóa việc ghi chép nhưng lại chưa phản ánh đúng bản chất của chi phí phát sinh trong hoạt động thi công.

Do không theo dõi chi tiết theo từng công trình nên kế toán không xác định được chính xác chi phí nhân công thực tế của từng công trình, dẫn đến số liệu tính giá thành chưa sát với thực tế. Điều này có thể làm sai lệch kết quả kinh doanh của từng công trình và ảnh hưởng đến việc quyết toán với chủ đầu tư.

Việc hạch toán chung cũng gây khó khăn trong công tác kiểm soát chi phí lao động, không đánh giá được mức độ sử dụng nhân công là tiết kiệm hay lãng phí ở từng công trình. Đồng thời, doanh nghiệp cũng khó so sánh giữa chi phí thực tế và dự toán ban đầu để đưa ra các điều chỉnh kịp thời.

Hạn chế này còn làm giảm hiệu quả của công tác quản lý, vì nhà quản lý không có đủ thông tin chi tiết để phân tích năng suất lao động và đưa ra quyết định phù hợp cho các công trình tiếp theo

.c. Chi phí máy thi công

Hiện nay, Công ty chưa tổ chức theo dõi riêng chi phí sử dụng máy thi công mà chủ yếu hạch toán chung vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản như sửa chữa, bảo dưỡng, nhiên liệu và tiền lương công nhân điều khiển máy chưa được tách thành một khoản mục riêng, nên chưa phản ánh đúng tính chất chi phí phục vụ trực tiếp cho hoạt động thi công.

Do không tách riêng khoản mục này, kế toán khó xác định chính xác chi phí sử dụng máy cho từng công trình, hạng mục công trình. Điều này làm cho số liệu chi phí chưa sát thực tế, ảnh hưởng đến độ chính xác của việc tính giá thành.

Việc hạch toán gộp cũng gây khó khăn trong công tác kiểm soát chi phí. Doanh nghiệp không đánh giá được mức độ sử dụng máy móc là hợp lý hay lãng phí, đồng thời thiếu cơ sở để so sánh với dự toán ban đầu.

Hạn chế này khiến nhà quản lý không có đủ thông tin chi tiết để đưa ra quyết định phù hợp như điều chỉnh cách sử dụng máy, lập kế hoạch bảo trì hoặc đầu tư thêm thiết bị, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả thi công.

d. Chi phí sản xuất chung (CPSXC):

Đối với chi phí sản xuất chung, mặc dù Công ty đã tập hợp được một số khoản chi phí trực tiếp liên quan đến từng công trình, tuy nhiên các chi phí phát sinh liên quan đến nhiều công trình vẫn chưa được phân bổ hợp lý mà được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Điều này làm cho chi phí sản xuất của từng công trình không được phản ánh đầy đủ, dẫn đến sai lệch trong việc tính giá thành và đánh giá hiệu quả thi công.

Ngoài ra, Công ty chưa thực hiện trích trước chi phí bảo hành công trình theo quy định. Việc này làm cho chi phí sản xuất chung trong kỳ chưa phản ánh đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với công trình đã bàn giao. Khi phát sinh chi phí bảo hành ở các kỳ sau, chi phí sẽ bị ghi nhận dồn vào một thời điểm, gây biến động lớn giữa các kỳ kế toán và làm giảm tính so sánh của thông tin tài chính.

3.1.2.2. Về kế toán giá thành sản phẩm

a. Đối tượng tính giá thành

Mặc dù Công ty đã xác định đối tượng tính giá thành theo từng công trình, hạng mục công trình, phù hợp với đặc điểm ngành xây dựng, nhưng việc tập hợp chi phí chưa được thực hiện đầy đủ và tách biệt cho từng đối tượng. Một số khoản chi phí vẫn còn hạch toán chung hoặc phân bổ chưa hợp lý, làm cho số liệu chi phí chưa phản ánh đúng thực tế phát sinh tại từng công trình.

Giá thành được tính cho từng công trình, hạng mục công trình chưa thực sự chính xác, có thể xảy ra chênh lệch giữa chi phí thực tế và chi phí ghi nhận. Điều này ảnh hưởng đến việc đánh giá hiệu quả thi công cũng như kết quả kinh doanh của từng công trình.

b. Kỳ tính giá thành

Hiện nay, Công ty chủ yếu thực hiện tính giá thành khi công trình hoàn thành mà chưa tiến hành tính giá thành theo từng kỳ kế toán như tháng hoặc quý. Cách làm này khiến thông tin về chi phí và giá thành không được cập nhật thường xuyên, chưa phản ánh kịp thời tình hình phát sinh trong quá trình thi công.

Do không tính giá thành theo từng kỳ, doanh nghiệp khó theo dõi được biến động chi phí ở từng giai đoạn, từ đó hạn chế khả năng kiểm soát và phát hiện kịp thời các khoản chi vượt dự toán hoặc chưa hợp lý.

Bên cạnh đó, việc thiếu thông tin chi tiết theo từng kỳ cũng gây khó khăn cho công tác phân tích hiệu quả thi công, vì nhà quản lý không có cơ sở để đánh giá tiến độ và mức độ sử dụng chi phí theo từng thời điểm.

3.1.2.3. Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty tuy được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Do số lượng nhân sự còn ít, các kế toán viên phải kiêm nhiệm nhiều phần hành khác nhau, dẫn đến khối lượng công việc lớn, ảnh hưởng đến chất lượng xử lý thông tin kế toán. Đồng thời, việc kiêm nhiệm làm giảm tính độc lập giữa các phần hành, hạn chế hiệu quả của công tác kiểm tra, đối chiếu nội bộ.

Bên cạnh đó, công tác kế toán quản trị chưa được chú trọng đúng mức, chủ yếu tập trung vào kế toán tài chính, nên chưa phát huy tốt vai trò cung cấp thông tin phục vụ quản lý và ra quyết định.

3.1.2.4. Về chứng từ kế toán

Mặc dù hệ thống chứng từ được xây dựng tương đối đầy đủ theo quy định, tuy nhiên việc lập và luân chuyển chứng từ trong một số trường hợp vẫn chưa thực sự linh hoạt và kịp thời, đặc biệt đối với các công trình thi công phân tán.

Ngoài ra, một số khoản chi phí (như nhân công thuê ngoài) còn dựa hóa đơn chung, chưa có chứng từ chi tiết đi kèm, gây khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra và phân bổ chi phí chính xác cho từng công trình.

3.1.2.5. Về hình thức ghi sổ kế toán và phần mềm kế toán

Công ty hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động. Tuy nhiên, hình thức này vẫn phụ thuộc nhiều vào chất lượng nhập liệu ban đầu. Nếu thông tin đầu vào chưa được kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ sẽ ảnh hưởng đến độ chính xác của toàn bộ hệ thống sổ kế toán.

Bên cạnh đó, phần mềm kế toán mà Công ty đang sử dụng đã hỗ trợ theo dõi chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình. Tuy nhiên, việc khai thác các chức năng này trong thực tế vẫn chưa thực sự hiệu quả, dữ liệu nhập vào chưa đồng bộ và chi tiết giữa các phần hành, dẫn đến thông tin cung cấp chưa đầy đủ cho công tác phân tích và chi phí quản trị.

Ngoài ra, việc liên kết dữ liệu giữa các bộ phận và phần hành kế toán chưa thực sự chặt chẽ, một số nghiệp vụ vẫn phải xử lý thủ công hoặc điều chỉnh ngoài hệ thống. Điều này không chỉ làm giảm hiệu quả xử lý thông tin mà còn tiềm ẩn nguy cơ sai sót trong quá trình tổng hợp và lập báo cáo kế toán.

3.2. Hoàn thiện về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công Ty TNHH Xây Dựng Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ

3.2.1. Về kế toán tập hợp chi phí sản xuất

a. Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT):

Công ty cần xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư gắn với tiến độ thi công của từng công trình, hạng mục công trình nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời nhưng vẫn kiểm soát tốt số lượng sử dụng, tránh thiếu hụt hoặc tồn đọng.

- Về khâu nhập vật tư: Khi mua vật tư về kho, cần thực hiện đầy đủ thủ tục nhập kho như lập phiếu nhập kho, kiểm tra số lượng, quy cách, chất lượng vật tư so với hóa đơn và hợp đồng. Bộ phận kho và kế toán phải đối chiếu, ký xác nhận rõ ràng. Đối với vật tư giao thẳng công trình, cần lập biên bản giao nhận tại công

trường, ghi rõ số lượng, chủng loại, thời gian giao nhận và người chịu trách nhiệm quản lý, đồng thời có xác nhận của bên giao, bên nhận và cán bộ kỹ thuật.

- Về khâu xuất vật tư: Việc xuất vật tư cần căn cứ vào nhu cầu thực tế và kế hoạch thi công đã được phê duyệt. Khi xuất kho phải lập phiếu xuất kho, ghi rõ mục đích sử dụng, công trình, hạng mục công trình và người nhận vật tư. Bộ phận kho chỉ xuất vật tư khi có đầy đủ chứng từ hợp lệ, tránh xuất vượt nhu cầu hoặc không rõ mục đích.

- Về quản lý và sử dụng tại công trình: Cần theo dõi lượng vật tư đã xuất theo từng công trình, hạng mục công trình và đối chiếu với khối lượng thi công thực tế. Định kỳ thực hiện kiểm kê vật tư tại công trường để phát hiện kịp thời tình trạng thiếu hụt, hao hụt hoặc sử dụng chưa hợp lý. Đồng thời, nên xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho từng loại công việc làm cơ sở kiểm soát và so sánh với thực tế.

Ngoài ra, Công ty nên thực hiện kết chuyển chi phí nguyên vật liệu định kỳ hàng tháng để phản ánh kịp thời chi phí phát sinh, phục vụ cho việc tính giá thành và giúp nhà quản lý theo dõi, kiểm soát chi phí theo từng giai đoạn thi công.

b. Đối với chi phí nhân công trực tiếp

Doanh nghiệp cần tổ chức theo dõi chi tiết chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình thông qua bảng chấm công và bảng phân bổ tiền lương. Bảng chấm công phải phản ánh đầy đủ, chính xác số ngày công, giờ công thực tế của từng lao động tại từng công trình, làm căn cứ để tính lương và phân bổ chi phí hợp lý.

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán lập bảng thanh toán tiền lương và bảng phân bổ tiền lương cho từng công trình, hạng mục công trình, thay vì hạch toán chung như hiện nay. Đối với lao động thuê ngoài, doanh nghiệp cần lập đầy đủ hợp đồng lao động, biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ liên quan, làm cơ sở ghi nhận và phân bổ chi phí đúng đối tượng chịu chi phí.

Về hạch toán, chi phí nhân công trực tiếp cần được phản ánh vào TK 154 (chi tiết TK 1542) theo từng công trình, cụ thể:

- Khi tính tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp:

Nợ TK 1542 (chi tiết theo công trình)

Có TK 334

- Khi trích các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ):

Nợ TK 1542 (chi tiết theo công trình)

Nợ TK 334

Có TK 338 (3383, 3384, 3386)

Việc tập hợp chi phí nhân công trực tiếp cần thực hiện riêng biệt cho từng công trình, hạng mục công trình, không hạch toán vào TK 6422 như hiện tại, vì TK 642 chỉ phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp. Việc hạch toán sai tài khoản sẽ làm sai lệch bản chất chi phí và ảnh hưởng đến độ chính xác của giá thành công trình.

Thực hiện tốt các nội dung trên sẽ giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ chi phí nhân công, nâng cao độ chính xác của số liệu kế toán, từ đó phục vụ hiệu quả cho công tác tính giá thành và ra quyết định quản lý

c. Đối với chi phí máy thi công

Công ty cần tách riêng khoản mục chi phí máy thi công và tổ chức theo dõi chi tiết các khoản chi phí liên quan như chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao máy thi công và tiền lương công nhân điều khiển máy. Việc theo dõi chi tiết này giúp phản ánh đúng bản chất chi phí, đồng thời phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và phân tích hiệu quả sử dụng máy móc thi công.

Đối với chi phí máy thi công, doanh nghiệp cần thực hiện hạch toán riêng, không gộp chung với các khoản chi phí khác như hiện tại. Đồng thời, cần mở sổ chi tiết để theo dõi chi phí máy thi công cho từng công trình, hạng mục công trình.

Đặc biệt, đối với chi phí khấu hao máy thi công, công ty cần thực hiện phân bổ hợp lý cho từng công trình theo tiêu thức phù hợp như thời gian sử dụng máy, số ca máy hoặc khối lượng công việc thực hiện. Việc phân bổ chính xác sẽ giúp xác định đúng chi phí của từng công trình, từ đó nâng cao độ chính xác trong công tác tính giá thành.

Về hạch toán, chi phí máy thi công cần được phản ánh vào TK 154 (chi tiết TK 1543) theo từng công trình, cụ thể:

- Khi phát sinh chi phí nhiên liệu, sửa chữa máy thi công:

Nợ TK 1543 (chi tiết theo công trình)

Nợ TK 1331 (Thuế GTGT)

Có TK 111, 112, 152, 331

- Khi trích khấu hao máy thi công:

Nợ TK 1543(chi tiết theo công trình)

Có TK 214

Việc tập hợp và phân bổ chi phí máy thi công riêng biệt cho từng công trình sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí, đánh giá hiệu quả sử dụng máy móc và đảm bảo tính chính xác của giá thành xây lắp.

d. Đối với chi phí sản xuất chung

Để nâng cao độ chính xác trong công tác tập hợp và tính giá thành công trình, Công ty cần thực hiện hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình trên TK 1544 – Chi phí sản xuất chung. Việc theo dõi riêng từng công trình sẽ giúp doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí phát sinh, đồng thời phản ánh đúng chi phí thực tế của từng công trình, hạng mục công trình.

Các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh tại công trường như chi phí điện nước công trường, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản dùng chung, chi phí sửa chữa tài sản phục vụ thi công... cần được tập hợp chi tiết cho từng công trình trên TK 1544.

Doanh nghiệp cần thực hiện trích trước chi phí bảo hành công trình và tổ chức hạch toán riêng trên TK 1544 – Chi phí bảo hành công trình xây lắp nhằm đảm bảo phản ánh đầy đủ chi phí và nâng cao hiệu quả quản lý.

- Cụ thể, việc hạch toán được thực hiện như sau:

- Khi trích trước chi phí bảo hành công trình, kế toán ghi:

Nợ TK 1544 – Chi phí sản xuất chung

Có TK 352 – Dự phòng phải trả

- Khi phát sinh chi phí bảo hành thực tế, kế toán ghi:

Nợ TK 352 – Dự phòng phải trả

Có TK 111, 112, 152, 334...

Cuối kỳ, toàn bộ chi phí sản xuất chung tập hợp trên TK 1544 được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của từng công trình để phục vụ cho việc tính giá thành xây lắp.

Việc tổ chức hạch toán chi tiết chi phí sản xuất chung theo từng công trình không chỉ giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác chi phí thực tế phát sinh mà còn nâng cao hiệu quả quản lý chi phí, góp phần xác định giá thành công trình một cách đầy đủ và hợp lý

3.2.2. Về kế toán giá thành sản phẩm

a. Về đối tượng tính giá thành:

Công ty cần xác định rõ đối tượng tính giá thành là từng công trình hoặc hạng mục công trình phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây lắp. Việc xác định đúng đối tượng tính giá thành sẽ giúp doanh nghiệp tập hợp chi phí đầy đủ, chính xác cho từng công trình, từ đó phản ánh đúng giá thành thực tế và nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý.

Công ty cần tổ chức theo dõi riêng chi phí phát sinh cho từng công trình, hạng mục công trình ngay từ khi ký kết hợp đồng và triển khai thi công. Mỗi công trình cần được mở mã số hoặc sổ chi tiết riêng để theo dõi toàn bộ các khoản chi phí liên quan như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung. Việc theo dõi riêng biệt này sẽ giúp hạn chế tình trạng ghi nhận chi phí chồng chéo hoặc phân bổ không chính xác giữa các công trình.

Đối với các khoản chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến công trình nào thì phải được tập hợp trực tiếp cho công trình đó. Cụ thể, chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho công trình nào cần căn cứ vào phiếu xuất kho, biên bản giao nhận vật tư hoặc chứng từ liên quan để hạch toán trực tiếp vào chi phí của công trình đó. Tương tự, chi phí nhân công trực tiếp cần được theo dõi thông qua bảng chấm công, bảng thanh toán lương theo từng công trình nhằm đảm bảo phản ánh chính xác chi phí lao động thực tế phát sinh.

Đối với các khoản chi phí liên quan đến nhiều công trình như chi phí sản xuất chung hoặc chi phí sử dụng máy thi công, Công ty cần lựa chọn tiêu thức phân bổ phù hợp như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, giờ công lao động, số ca máy hoặc khối lượng thi công hoàn thành. Việc phân bổ cần được thực hiện nhất quán giữa các kỳ kế toán để đảm bảo tính so sánh của thông tin giá thành.

Công ty cần thực hiện đối chiếu thường xuyên giữa chi phí thực tế phát sinh với dự toán công trình nhằm kịp thời phát hiện các khoản chi phí vượt mức hoặc phát sinh bất hợp lý. Việc kiểm tra, phân tích biến động chi phí theo từng công trình không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý chi phí mà còn hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá hiệu quả thi công và khả năng sinh lời của từng công trình cụ thể.

Khi công trình hoàn thành, kế toán cần thực hiện tổng hợp toàn bộ chi phí đã tập hợp trên các tài khoản chi tiết để tính giá thành thực tế cho từng công trình hoặc hạng mục công trình. Giá thành được xác định chính xác sẽ là cơ sở quan

trọng để doanh nghiệp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch chi phí và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp trong những kỳ tiếp theo

b. Về kỳ tính giá thành:

Bên cạnh việc tính giá thành khi công trình hoàn thành, Công ty nên thực hiện tính giá thành định kỳ theo tháng hoặc quý đối với các công trình có thời gian thi công kéo dài. Việc tính giá thành định kỳ sẽ giúp doanh nghiệp cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí, theo dõi tiến độ thi công và đánh giá hiệu quả của từng công trình.

Công ty cần tổ chức tập hợp chi phí phát sinh theo từng công trình trong từng kỳ kế toán, bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung. Đối với các công trình chưa hoàn thành, kế toán cần xác định khối lượng xây lắp hoàn thành trong kỳ thông qua biên bản nghiệm thu hoặc tỷ lệ hoàn thành thực tế để làm cơ sở tính giá thành tạm thời.

Công ty nên lập bảng tính giá thành định kỳ cho từng công trình nhằm xác định chi phí dở dang đầu kỳ, chi phí phát sinh trong kỳ và chi phí dở dang cuối kỳ. Thông qua đó, doanh nghiệp có thể so sánh chi phí thực tế với dự toán để kịp thời phát hiện các khoản chi phí vượt mức và đưa ra biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Việc tính giá thành theo định kỳ không chỉ giúp nâng cao độ chính xác của thông tin kế toán mà còn hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý chi phí và đánh giá hiệu quả thi công của từng công trình.

3.2.3. Về bộ máy kế toán

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy kế toán, Công ty cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước hết, doanh nghiệp cần tiến hành rà soát lại toàn bộ chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí trong bộ máy kế toán, từ đó thực hiện phân công công việc một cách rõ ràng, khoa học. Mỗi kế toán viên cần được giao phụ trách một phần hành cụ thể như: kế toán công nợ, kế toán chi phí và giá thành, kế toán tiền lương,...

Việc phân công này không chỉ giúp tránh chồng chéo công việc mà còn nâng cao trách nhiệm cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả làm việc của từng nhân viên. Đồng thời, cần đảm bảo nguyên tắc phân tách nhiệm vụ, hạn chế tình trạng một người vừa lập, vừa kiểm tra và ghi sổ cùng một nghiệp vụ nhằm tăng cường tính minh bạch và kiểm soát nội bộ.

Về nguồn nhân lực, Công ty cần chú trọng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ kế toán. Doanh nghiệp nên thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nội bộ

hoặc cử nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài nhằm cập nhật kịp thời các quy định mới về chế độ kế toán, chính sách thuế và chuẩn mực liên quan. Đồng thời, cần nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán, kỹ năng phân tích số liệu và lập báo cáo, từ đó góp phần nâng cao chất lượng thông tin cung cấp cho nhà quản lý.

Trong trường hợp khối lượng công việc tăng cao, đặc biệt vào các thời điểm cuối kỳ hoặc khi doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động, Công ty cần xem xét bổ sung nhân sự kế toán phù hợp. Việc bố trí đủ nhân lực sẽ giúp đảm bảo tiến độ xử lý công việc, hạn chế tình trạng quá tải, dồn việc vào cuối kỳ dẫn đến sai sót.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin tài chính kịp thời, chính xác và phục vụ tốt cho công tác quản lý, điều hành của doanh nghiệp.

3.2.4. Về hệ thống chứng từ kế toán

Công ty cần bổ sung và hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán theo hướng đầy đủ, chi tiết và phù hợp với đặc thù hoạt động xây lắp, đặc biệt đối với các khoản chi phí phát sinh tại công trình.

Đối với chi phí nhân công thuê ngoài, ngoài hóa đơn hoặc bảng tổng hợp chi phí, doanh nghiệp cần lập đầy đủ các chứng từ kèm theo như: bảng chấm công theo ngày công thực tế tại từng công trình, hợp đồng thuê nhân công, bảng thanh toán tiền công và bảng phân bổ chi phí nhân công cho từng công trình, hạng mục công trình. Các chứng từ này phải có đầy đủ chữ ký xác nhận của người lao động, đội trưởng thi công và người phụ trách công trình nhằm đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ của chi phí. Việc theo dõi chi tiết như vậy sẽ giúp kế toán tập hợp chi phí chính xác, phục vụ tốt cho công tác tính giá thành.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ rõ ràng giữa công trường và phòng kế toán. Cụ thể, cần quy định thời gian lập và gửi chứng từ (ví dụ: định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần), trách nhiệm của từng bộ phận trong việc kiểm tra, ký duyệt và chuyển giao chứng từ. Đồng thời, nên áp dụng hình thức gửi chứng từ điện tử (scan hoặc phần mềm) để đảm bảo thông tin được cập nhật kịp thời, tránh tình trạng chậm trễ làm ảnh hưởng đến việc ghi nhận chi phí và lập báo cáo.

Ngoài việc hoàn thiện chứng từ, doanh nghiệp cần tăng cường công tác kiểm tra, đối chiếu nội bộ nhằm nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán. Cụ thể, kế toán cần thực hiện đối chiếu định kỳ giữa sổ kế toán và chứng từ gốc để đảm bảo các nghiệp vụ được ghi nhận đầy đủ, chính xác. Đồng thời, cần đối chiếu chéo

giữa các phần hành liên quan như: đối chiếu công nợ với khách hàng và nhà cung cấp, đối chiếu số liệu tồn kho trên sổ sách với số lượng thực tế tại kho, kiểm tra việc phân bổ chi phí và tính giá thành giữa các công trình.

Đối với các khoản chi phí phát sinh tại công trình, cần tổ chức kiểm tra thực tế định kỳ hoặc đột xuất nhằm đảm bảo chi phí ghi nhận phù hợp với khối lượng thi công thực tế. Việc này giúp hạn chế tình trạng ghi nhận chi phí không đúng đối tượng hoặc không đúng kỳ.

3.2.5. Về hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán

Công ty tiếp tục áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung phù hợp với đặc điểm hoạt động, tuy nhiên cần kết hợp chặt chẽ với việc tăng cường kiểm soát dữ liệu đầu vào trên phần mềm kế toán. Cụ thể, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước khi nhập vào hệ thống phải được kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, đồng thời phải có đầy đủ chữ ký phê duyệt của các bộ phận liên quan. Doanh nghiệp cần quy định rõ quy trình nhập liệu, trong đó phân định trách nhiệm giữa người lập chứng từ, người kiểm tra và người nhập dữ liệu nhằm hạn chế sai sót và đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán.

Bên cạnh đó, Công ty cần khai thác tối đa các chức năng của phần mềm kế toán hiện có. Đối với doanh nghiệp xây lắp, phần mềm cần được thiết lập để theo dõi chi tiết chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình, từng khoản mục chi phí như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung. Kế toán cần sử dụng các tính năng phân loại, mã hóa đối tượng tập hợp chi phí (mã công trình, mã hạng mục) ngay từ khâu nhập liệu để đảm bảo việc tổng hợp và lập báo cáo được chính xác, nhanh chóng.

Doanh nghiệp nên tận dụng các chức năng lập báo cáo phân tích trên phần mềm như: báo cáo chi phí theo công trình, báo cáo so sánh chi phí thực tế với dự toán, báo cáo giá thành công trình,... Việc khai thác hiệu quả các báo cáo này sẽ giúp nhà quản lý nắm bắt kịp thời tình hình chi phí, phát hiện các khoản chênh lệch và đưa ra biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Một giải pháp quan trọng khác là tăng cường liên kết và đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận như kế toán, kho và công trường. Công ty có thể áp dụng hệ thống nhập liệu trực tiếp hoặc cập nhật dữ liệu từ xa để các thông tin về xuất – nhập vật tư, chấm công, khối lượng thi công được ghi nhận kịp thời vào phần mềm. Điều này

giúp hạn chế việc ghi chép thủ công, tránh trùng lặp hoặc sai lệch dữ liệu giữa các bộ phận.

Trong trường hợp phần mềm kế toán hiện tại chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý, doanh nghiệp nên xem xét nâng cấp hoặc thay thế bằng phần mềm có tích hợp nhiều phân hệ như: kế toán tài chính, quản lý vật tư – kho, quản lý công trình, quản lý nhân sự – tiền lương,... Các phân hệ này cần có khả năng liên kết dữ liệu với nhau, giúp tự động hóa quá trình hạch toán và tổng hợp số liệu, từ đó giảm thiểu khối lượng công việc thủ công cho kế toán.

Ngoài ra, Công ty cần chú trọng đến việc phân quyền sử dụng phần mềm. Mỗi nhân viên chỉ được truy cập và xử lý dữ liệu trong phạm vi chức năng được giao, đồng thời hệ thống cần lưu vết (log) các thao tác để phục vụ công tác kiểm tra, truy xuất khi cần thiết. Song song với đó, doanh nghiệp cần thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ nhằm đảm bảo an toàn thông tin và phòng ngừa rủi ro mất dữ liệu.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt và xu hướng hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế diễn ra sâu rộng, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển buộc phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện. Trong đó, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò quan trọng, đòi hỏi các nhà quản lý cần quan tâm, nghiên cứu và phân tích nhằm đưa ra những phương hướng phù hợp, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, công tác kế toán chi phí và tính giá thành không chỉ giúp doanh nghiệp xác định đúng, đủ, kịp thời các khoản chi phí và giá thành sản phẩm mà còn là cơ sở để nhà quản trị đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao lợi nhuận và tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đặc biệt, trong điều kiện khoa học – kỹ thuật ngày càng phát triển, các doanh nghiệp cần nhanh chóng ứng dụng và khai thác hiệu quả các thành tựu này nhằm không ngừng nâng cao chất lượng công tác kế toán.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong thời gian thực tập tại Công Ty TNHH Xây dựng và Phát triển Giao thông Thanh Vũ, em đã tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại đơn vị và lựa chọn đề tài: “Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công Ty TNHH Xây dựng và Phát triển Giao thông Thanh Vũ.”

Trong quá trình thực tập, em đã nhận được sự hướng dẫn và giúp đỡ nhiệt tình từ đội ngũ kế toán của công ty, cùng với sự chỉ bảo tận tình của giảng viên hướng dẫn – cô Trần Thượng Bích La, nhờ đó em đã hoàn thành khóa luận này.

Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung đề tài tương đối phức tạp, cùng với hạn chế về thời gian và kinh nghiệm thực tế, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô Trần Thượng Bích La, cùng toàn thể quý thầy cô trong khoa và đội ngũ cán bộ kế toán tại Công Ty TNHH Xây dựng và Phát triển Giao thông Thanh Vũ đã tận tình hỗ trợ em trong suốt quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG					
Dự án: Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường ATGT trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường					
Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại					
Gói thầu: Xây lắp công trình					
Địa điểm: Thành phố Đà Nẵng					
(Kèm theo Hợp đồng số: 01/2025/HĐXD-TT ngày 05/04/2025)					
Đơn vị tính: VND					
STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú				
1.1	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu trắng dày 2mm	m2	21,95	288.134	6.324.550
1.2	Tẩy xóa vạch sơn hiện trạng, quét nhũ tương sau khi tẩy xóa	m2	117,60	50.764	5.969.850
1.3	Bốc xếp bó vỉa đá Granite hiện trạng lên xe, vận chuyển về kho đơn vị quản lý, bốc xếp xuống xe	tấn	10,93	124.612	1.362.010
1.4	Cung cấp, lắp đặt bó vỉa đá Granite KT(120x25x22)cm	m	86,40	773.159	66.800.980
1.5	Tháo dỡ, thu hồi bộ biển báo hiện trạng về kho đơn vị quản lý	bộ	2,00	63.090	126.180
1.6	Phá dỡ vỉa hè gạch hiện trạng, vận chuyển phế thải đi đổ	m3	0,80	496.000	396.800
1.7	Bê tông móng trụ cần vươ M200 đá 1x2	m3	2,40	1.901.517	4.563.640
1.8	Khung bu lông móng trụ cần vươ M24, L=1000	bộ	2,00	1.878.890	3.757.780
1.9	Lắp dựng trụ cần vươ (tận dụng)	trụ	2,00	1.952.600	3.905.200
1.10	Cung cấp, lắp đặt biển báo hình chữ nhật KT(185x160)cm lên cần vươ	biển	2,00	15.890.685	31.781.370
1.11	Lắp đặt lại biển báo P.123a lên trụ cần vươ (biển hiện trạng)	biển	1,00	206.190	206.190
1.12	Lắp đặt lại biển báo P.101 + biển phụ lên trụ cần vươ (biển hiện trạng)	biển	2,00	247.650	495.300
1.13	Đào đất hố móng, vận chuyển đất thừa không tận dụng đi đổ	m3	7,15	596.428	4.264.460
1.14	Đắp đất, độ chặt yêu cầu K95 (đất tận dụng)	m3	4,75	39.556	187.890
1.15	Bê tông lót M150 đá 2x4	m3	0,64	1.420.500	909.120
1.16	Lát gạch Terazo hoàn trả vỉa hè	m2	8,00	170.551	1.364.410
2	Tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại				
2.1	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng dày 2mm	m2	65,15	292.749	19.072.590
2.2	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng dày 5mm	m2	228,70	612.961	140.184.160
2.3	Di dời bộ biển báo hiện trạng	bộ	6,00	748.275	4.489.650

Phụ lục 1 Phụ lục hợp đồng số 01/2025/HĐXD-TT

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
2.4	Gia công, lắp đặt bộ biển báo (gồm 01 biển tròn D70cm + 01 biển S.501 + 01 trụ D90, L=3,3m)	bộ	6,00	3.297.458	19.784.750
2.5	Gia công, lắp đặt bộ biển báo (gồm 01 biển tròn D70cm + 01 biển S.501 + 01 trụ D90, L=3m)	bộ	8,00	2.783.770	22.270.160
2.6	Dán màn phản quang điều chỉnh thông tin biển báo hiện trạng	m2	9,03	797.322	7.199.820
2.7	Tháo dỡ, thu hồi biển báo về kho đơn vị quản lý	biển	18,00	48.658	875.840
2.8	Tháo dỡ, thu hồi bộ biển báo đưa về kho đơn vị quản lý	bộ	4,00	64.420	257.680
3	Đảm bảo giao thông				
3.1	Đảm bảo giao thông	Hạng mục	1,00	4.000.000	4.000.000
Giá hợp đồng (làm tròn) (Kết chuyển sang Điều 9 của Hợp đồng)					350.550.000

(Bảng chữ: Ba trăm năm mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Trương Bằng Linh



Nguyễn Hữu Thanh Vũ

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình được nghiệm thu: Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường ATGT trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại.

2. Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

- Bắt đầu: 8h00, ngày 22 tháng 01 năm 2025.
- Kết thúc: 11h30, ngày 22 tháng 01 năm 2025.
- Tại: Hiện trường công trình.

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện chủ đầu tư: **Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông thành phố Đà Nẵng.**

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| - Ông: Lê Văn Minh Nga | Chức vụ: Phó Giám đốc; |
| - Ông: Nguyễn Duy Huy | Chức vụ: Phó trưởng phòng QLHT2; |
| - Ông: Đặng Thanh Tài | Chức vụ: Tổ trưởng tổ giám sát; |
| - Ông: Trần Đức Tây | Chức vụ: Tổ viên. |

b) Đơn vị tư vấn thiết kế: **Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng An Lạc Việt.**

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| - Ông: Nguyễn Như Tài | Chức vụ: Phó giám đốc. |
|-----------------------|------------------------|

c) Đơn vị thi công: **Công ty TNHH XDCT và PTGT Thanh Vũ.**

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| - Ông: Nguyễn Hữu Thanh Vũ | Chức vụ: Giám đốc; |
| - Ông: Trần Quốc Đạt | Chức vụ: Chỉ huy trưởng; |
| - Ông: Nguyễn Hữu Bình | Chức vụ: Kỹ thuật thi công. |

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Quyết định số 854/QĐ-SGTVT ngày 29/11/2024 của Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường ATGT trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại;

- Công văn số 4617/SGTVT-QLKCHT ngày 09/11/2022 của Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng về việc trình tự thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình đối với các công trình do Sở GTVT làm Chủ đầu tư, Trung tâm LHTGT điều hành dự án;

- Căn cứ Hợp đồng xây dựng số 01/2025/HĐXD-TT ngày 08/01/2025 giữa Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông TP. Đà Nẵng với Công ty TNHH XDCT và PTGT Thanh Vũ;

- Hồ sơ pháp lý; hồ sơ quản lý chất lượng (*Biên bản nghiệm thu các công việc xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, các kết quả thí nghiệm, nhật ký công trình...*); bản vẽ hoàn công;

- Các tiêu chuẩn thi công nghiệm thu công trình và hạng mục công trình;

- Các quy trình, quy phạm hiện hành khác.

5. Đánh giá công việc xây dựng:

a) Đánh giá về chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành so với yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của hợp đồng xây dựng: Đạt yêu cầu.

b) Các ý kiến khác: Không

6. Kết luận: Chấp thuận nghiệm thu hoàn thành công trình nêu trên để triển khai các bước tiếp theo.

Đại diện chủ đầu tư

**TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG GIAO THÔNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

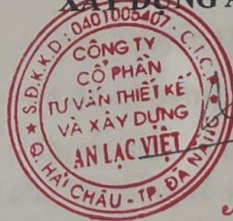


**PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Văn Minh Nga**



Đơn vị tư vấn thiết kế

**CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ
XÂY DỰNG AN LẠC VIỆT**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Như Tài**

Đơn vị thi công

**CÔNG TY TNHH XDCT VÀ PTGT
THANH VŨ**



**GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Thanh Vũ**

Phục lục 02 Biên bản nghiệm thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN

Công trình: Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường ATGT trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường
Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại.
Gói thầu: Xây lắp công trình
Địa điểm: Thành phố Đà Nẵng

I/ Thành phần nghiệm thu:

1. Đại diện Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông thành phố Đà Nẵng
Ông: Lê Văn Minh Nga
Ông: Nguyễn Duy Huy
Ông: Đặng Thanh Tài
Ông: Trần Đức Tây

2. Đại diện Công ty TNHH XDCT & PTGT Thanh Vũ.
Ông: Nguyễn Hữu Thanh Vũ
Ông: Trần Quốc Đạt
Ông: Nguyễn Hữu Bình

II/ Thời gian nghiệm thu:
Bắt đầu: 14h 30, ngày 22 tháng 01 năm 2025.
Kết thúc: 15h 30, ngày 22 tháng 01 năm 2025.

III/ Nội dung nghiệm thu:

1. Các căn cứ:
- Quyết định số 854/QĐ-SGTVT ngày 29/11/2024 của Sở Giao thông Vận tải Đà Nẵng về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, bổ sung hạng mục tăng cường ATGT trên tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú và các nút giao dọc tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại;
- Căn cứ Hợp đồng xây dựng số 01/2025/HĐXD-TT ngày 08/01/2025 giữa Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông TP. Đà Nẵng với Công ty TNHH XDCT & PTGT Thanh Vũ;
- Các biên bản nghiệm thu, nhật ký thi công công trình, các kết quả thí nghiệm kiểm tra chất lượng các hạng mục đã thi công.

Chức vụ: Phó Giám đốc
Chức vụ: Phó phòng QLHT 2
Chức vụ: Tổ trưởng tổ giám sát
Chức vụ: Tổ viên

Chức vụ: Giám đốc
Chức vụ: Chỉ huy trưởng
Chức vụ: Kỹ thuật

Phục lục 03 Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán

2. Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Theo hợp đồng	Thực hiện	Quyết toán	Ghi chú
1	Tuyến đường Bạch Đằng, Trần Phú					
1.1	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu trắng dày 2mm					
1.2	Tẩy xóa vạch sơn hiện trạng, quét nhũ tương sau khi tẩy xóa	m2	21,95	21,95	21,95	
1.3	Bốc xếp bó vỉa đá Granite hiện trạng lên xe, vận chuyển về kho đơn vị quản lý, bốc xếp xuống xe	m2	117,60	117,60	117,60	
1.4	Cung cấp, lắp đặt bó vỉa đá Granite KT(120x25x22)cm	tấn	10,93	10,80	10,80	
1.5	Tháo dỡ, thu hồi bộ biển báo hiện trạng về kho đơn vị quản lý	m	86,40	85,40	85,40	
1.6	Phá dỡ vỉa hè gạch hiện trạng, vận chuyển phế thải đi đổ	bộ	2,00	2,00	2,00	
1.7	Bê tông móng trụ cần vược M200 đá 1x2	m3	0,80	0,80	0,80	
1.8	Khung bu lông móng trụ cần vược M24, L=1000	m3	2,40	2,40	2,40	
1.9	Lắp dựng trụ cần vược (tận dụng)	bộ	2,00	2,00	2,00	
1.10	Cung cấp, lắp đặt biển báo hình chữ nhật KT(185x160)cm lên cần vược	trụ	2,00	2,00	2,00	
1.11	Lắp đặt lại biển báo P.123a lên trụ cần vược (biển hiện trạng)	biển	2,00	2,00	2,00	
1.12	Lắp đặt lại biển báo P.101 + biển phụ lên trụ cần vược (biển hiện trạng)	biển	1,00	1,00	1,00	
1.13	Đào đất hố móng, vận chuyển đất thừa không tận dụng đi đổ	biển	2,00	2,00	2,00	
1.14	Đắp đất, độ chặt yêu cầu K95 (đất tận dụng)	m3	7,15	7,15	7,15	
1.15	Đắp đất, độ chặt yêu cầu K95 (đất tận dụng)	m3	4,75	4,75	4,75	
1.16	Bê tông lót M150 đá 2x4	m3	0,64	0,64	0,64	
1.17	Lát gạch Terazo hoàn trả vỉa hè	m2	8,00	8,00	8,00	
2	Tuyến đường Đỗ Bá, Nguyễn Văn Thoại					
2.1	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng dày 2mm	m2	65,15	65,15	65,15	
2.2	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang màu vàng dày 5mm	m2	228,70	228,70	228,70	
2.3	Di dời bộ biển báo hiện trạng	bộ	6,00	6,00	6,00	
2.4	Gia công, lắp đặt bộ biển báo (gồm 01 biển tròn D70cm + 01 biển S.501 + 01 trụ D90, L=3,3m)	bộ	6,00	6,00	6,00	

Phục lục 03 Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán

Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú
		Theo hợp đồng	Thực hiện	Quyết toán	
g, lắp đặt bộ biển báo (gồm 01 biển tròn D70cm + 01 biển S.501 + 090, L=3m)	bộ	8,00	8,00	8,00	
in phản quang điều chỉnh thông tin biển báo hiện trạng	m2	9,03	9,03	9,03	
õ, thu hồi biển báo về kho đơn vị quản lý	biển	18,00	18,00	18,00	
õ, thu hồi bộ biển báo đưa về kho đơn vị quản lý	bộ	4,00	4,00	4,00	
ảo giao thông					
ảo giao thông					
ất lượng công việc đã thi công: Đạt yêu cầu.	Hạng mục	1,00	1,00	1,00	
ồng ý nghiệm thu					

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
TNHH XD CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ
THÔNG THANH VŨ
GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Hữu Thanh Vũ
 Kỹ thuật thi công

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM QUẢN LÝ HẠ TẦNG GIAO THÔNG TP. ĐÀ NẴNG
PHÓ GIÁM ĐỐC
 Lê Văn Minh Nga
 Tư vấn giám sát

Quốc Đạt
 Nguyễn Hữu Bình
 Đặng Thanh Tài
 Trần Đức Tây

Phục lục 03 Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ
 Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
 Điện thoại: 02363095765

Mẫu số 02 - TT
 (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI
 Ngày 11 tháng 01 năm 2025

Số: 030548
 Nợ: 1331, 1543
 Có: 1111

Họ tên người nhận tiền: Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Tổng Hợp Hòa Khánh
 Địa chỉ: 14 Nguyễn Tri Phương, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành Phố Đà Nẵng
 Lý do chi: Chi mua đầu
 Số tiền: 300,000 đồng
 (Viết bằng chữ) Ba trăm ngàn đồng

Kèm theo: 00000465 Chứng từ gốc

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu): Nguyễn Hữu Thanh Vũ
 Kế toán trưởng (Ký, họ tên):
 Người lập biểu (Ký, họ tên): Nguyễn Thị Chi

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
 Thủ quỹ (Ký, họ tên):
 Người nhận tiền (Ký, họ tên):

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Phục lục 04 phiếu chi tiền mặt hóa đơn 0000465

Đơn vị: Công ty TNHH XD Công Trình Và Phát Triển Giao Thông Thanh Vũ
Địa chỉ: 59 Lê Văn Linh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
Điện thoại: 02363095765

Mẫu số 02 -TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

Số: 030555
Nợ: 1331, 1541
Có: 1111

Họ tên người nhận tiền Công Ty TNHH TM Kỹ Thuật Quỳnh Thiên Kim
Địa chỉ 218 Thái Thị Bôi, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do chi Chi tiền mua hàng theo hóa đơn số : 00000014
Số tiền 6.134.400 đồng
(Viết bằng chữ) Sáu triệu một trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm đồng

Kèm theo: 0000014 Chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Thanh Vũ
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Nguyễn Thị Chi

Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Phụ lục 05 phiếu chi tiền mặt của hóa đơn 00014

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu

Chế độ kế toán doanh nghiệp: Thông tư 133/2016/TT/BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán của Công Ty TNHH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG THANH VŨ

Khóa luận tốt nghiệp đề tài kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp của các anh chị khóa trước.

Website

1. <https://thuedientu.gdt.gov.vn/>
2. <https://thuvienphapluat.vn/>
3. <https://ketoanthienung.net/>
4. <https://www.webketoan.vn/>
5. giadinhketoan.com